Em học vần

LỚP NĂM

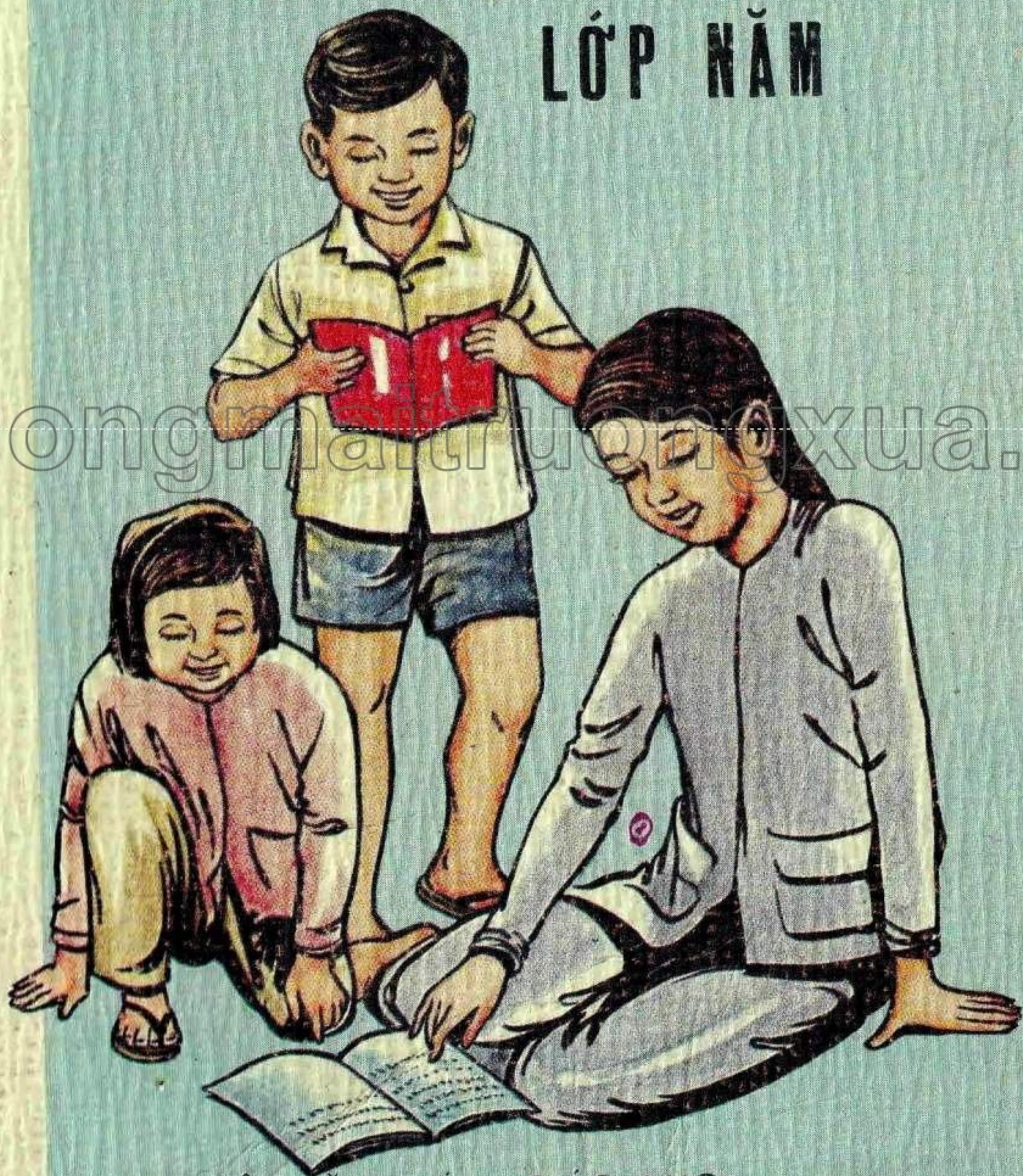

thuongmaitruongxua.vn

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC
XUẤT BẢN

EM HỌC VẦN

thuongmaitruongxua.vn

LỚP NĂM

SÁCH TẬP ĐỌC BẬC TIỂU-HỌC
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT BẢN
1969

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

In lần thứ nhất : 1964
In lần thứ hai : 1968
In lần thứ ba : 1969

thuongmaitruongxua.vn

Soạn-thảo dưới sự hướng-dẫn của

Ông NGUYỄN VĂN BƯỜNG
Nguyên Giám-Đốc Nha Tiểu-Học

Ông TRƯƠNG VĂN ĐỨC
Giám-Đốc Nha Tiểu-Học

Ông LÝ CHÁNH ĐỨC
Giám-Đốc Trung-Tâm Học-Liệu

BAN BIÊN TẬP

Soạn-giả

Ông VĂN CÔNG LÂU
Ông LƯU VĂN LÊ
Ông TRẦN TRỌNG PHAN
Ông NGUYỄN BÁ THỌ
Ông PHẠM VĂN VỆ

Chuyên-viên Tu-Thư

Cô TRẦN THỊ ĐÍNH
Bà NGUYỄN ĐĂNG HẢI
Ông NGUYỄN NGỌC KÍNH

Họa-sĩ

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển EM HỌC VẦN do một nhóm nhà giáo yêu nghề, giàu kinh nghiệm soạn thảo, là một công-trình giáo-huấn kết quả của sự hợp-tác quý báu giữa các nhà giáo Việt-Nam và các chuyên-viên giáo-dục trong Phái-bộ Kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-Nam, nhứt là Ông Irwin J. Suloway, thuộc Phái-đoàn Đại học-đường Southern Illinois.

Nhờ sự chăm-sóc về ấn-loát và sự hướng-dẫn trong cách trình-bày của Ông Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục mà quyển EM HỌC VẦN, có một vẻ mỹ-quan không kém sách dạy vỡ lòng ở các nước Âu-Mỹ.

Soạn quyển EM HỌC VẦN, một mặt, các soạn-giả dựa vào tâm lý nhi đồng, mặt khác, nghiên-cứu các phương-pháp dạy vần trong nước và ngoài nước để phối-hợp phương-pháp đọc nguyên tiếng và phương-pháp đánh vần rất thích-hợp với tính-chất ngôn-ngữ và khả-năng học-hỏi của trẻ em Việt-Nam.

Về hình-thức, nhiều tranh và hình vẽ tô màu, hợp với trình-độ và sở thích của tuổi thơ. Lời văn giản-dị, tiếng thông thường, câu ngắn, sát với ngôn-ngữ học-sinh lớp vỡ lòng. Lối văn đối-thoại làm cho bài tập đọc thêm linh-động và hứng-thú. Mỗi bài học trình-bày vừa đẹp, vừa thích-ứng cho sự áp-dụng phương-pháp hoạt-động.

thuongmaitruongxua.vn

Về nội-dung, các câu rời, các bài tập đọc đều phản-ảnh cuộc sống vật-chất, tâm-lý và tình-cảm của đứa trẻ lên sáu, miêu-tả các hoạt-động thơ-ấu tại trường học, nơi gia-đình và trong xã-hội nhỏ hẹp mà chúng đang sống. Các đề-tài chọn lựa nhằm mục-đích đề cao dân-tộc tính, duy-trì đạo-lý cổ-truyền và thuần-phong mỹ-tục, rèn-luyện óc quan-sát, phê-phán và tinh thần trách-nhiệm, xây-dựng sự đoàn-kết, nghĩa bè-bạn và tình tương-thân, tương-trợ. Các bài tập đọc được soạn dưới hình-thức câu chuyện kể mà nhân-vật chính là Tí, học-sinh lớp Năm. Do đó, câu chuyện lúc nào cũng sát với hoàn-cảnh thực-tế.

Tóm lại, mặc dầu là một quyển sách khai-tâm về môn học Việt-ngữ, EM HỌC VẦN đã được một nhóm nhà giáo dày công nghiên-cứu và soạn-thảo với sự tham-gia ý-kiến của nhiều chuyên-viên giáo-dục. Tôi tin rằng với quyển EM HỌC VẦN, giáo-chức có một phương-pháp dạy vần mới và các em học-sinh Việt-Nam có thêm một quyển sách đẹp, hữu-ích và rẻ tiền.

Giám-đốc Nha Tiểu-học

CÁC EM HỌC-SINH THÂN-MẾN

Chắc các em thấy quyển sách này được in đẹp-đẽ, tranh vẽ và bài soạn công-phu, khiến các em vui thích ham học.

Các em hãy giữ-gìn nâng-niu nó :

- Tay các em có sạch-sẽ, các trang sách mới không bị các vết bẩn của mực, bụi-bặm hoặc mồ-hôi.
- Nên lật mở các trang cho thong-thả, đừng để sách bị ai giằng-co làm rách nát hoặc cuốn góc. Nếu cần đánh dấu trang thì dùng một miếng giấy cứng nhỏ hoặc một cái tăm sạch ; đừng gấp nát trang giấy.
- Sách này còn dùng cho các niên-học sau, cho các em đến sau mượn, vậy các em đừng để ai vẽ gạch bậy-bạ. Các em đừng ghi-chú gì vào sách. Nếu cần lắm thì chỉ ghi rất nhẹ tay bằng bút chì để sau dễ tẩy đi (ví-dụ như trong sách Toán).
- Trong nhà, các em nên có chỗ để sách cho ngăn nắp, đừng vứt bừa-bãi, cũng đừng ấn nhét bừa đầy cặp khi đi học, mà phải để cho ngay-ngắn, tươm-tất, như thế sách mới lâu hỏng.

Giữ sách được sạch-sẽ, nguyên lành, các em sẽ tự-hào là học-sinh ngoan, làm vui lòng thầy, cô, và nhất là tránh được cho các em dùng sau khỏi bực mình vì sách bẩn hoặc hư, rách.

GIÁM-ĐỐC NHA TIỂU-HỌC VÀ GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

thuongmaitruongxua.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Từ trước đến nay, trong việc dạy vỡ lòng chữ quốc-ngữ, hai phương-pháp thông-dụng hơn hết là :

— phương-pháp đánh vần hay « phương-pháp tổng-hợp ».

— phương-pháp đọc nguyên tiếng hay « phương-pháp phân-tích ».

Phương-pháp đánh vần : Dạy trẻ học nguyên-âm và phụ-âm trước, rồi với các nguyên-âm và phụ-âm đã biết, trẻ sẽ ráp thành vần, tiếng và câu. Phương pháp nầy còn gọi là phương-pháp tổng-hợp, đi từ trừu-tượng đến cụ-thể, từ cái vô nghĩa, đến cái có nghĩa (chữ « b » đứng riêng rẽ trừu-tượng và vô nghĩa, tiếng « ba » cụ-thể và có nghĩa). Vì vậy, phương-pháp tổng-hợp buồn tẻ và kết-quả chậm.

Phương-pháp đọc nguyên tiếng : Khởi đầu cho trẻ nhận-xét câu trọn nghĩa rồi giúp trẻ phân-tách lần hồi ra tiếng, vần và chữ. Phương-pháp nầy còn gọi là phương-pháp phân-tích, tự-nhiên hơn, đi đúng với tâm-lý trẻ nhưng vì áp-dụng chưa đúng mức nên không đem lại kết-quả mong muốn.

Soạn quyển *EM HỌC VẦN*, chúng tôi phối-hợp hai phương-pháp phân-tích và tổng-hợp mà chúng tôi tạm gọi là phương-pháp hỗn-hợp. Làm việc nầy, chúng tôi dựa vào quan-niệm mới về giáo-dục, và kinh-nghiệm đã thâu lượm được sau nhiều năm dạy lớp mẫu-giáo và lớp vỡ lòng.

thuongmaitruongxua.vn

Quan-niệm đó là :

— Dạy trẻ tập đọc không phải chỉ dạy cho trẻ biết kỹ-thuật căn-bản cần-thiết : *« ĐỌC »*, mà phải giúp trẻ hiểu rõ những tiếng, câu hoặc bài mà chúng đọc. Ngoài ra, lại còn phải cung-cấp cho trẻ một phương-tiện khác để phát-biểu tư-tưởng : *« VIẾT »*.

— Dạy trẻ tập đọc cũng là lợi-dụng cơ-hội trẻ ham đọc và viết để thúc-đẩy các hoạt-động tinh-thần khác như : quan-sát, so-sánh, phân-tích (những hoạt-động tinh-thần có giá-trị ngang hàng với *đọc* và *viết*).

Kinh-nghiệm đó là :

— Trẻ em vốn thích đọc những tiếng hoặc câu trọn nghĩa hơn là những chữ rời-rạc, vô-nghĩa (khuynh-hướng toàn bộ). Từ câu hoặc tiếng, trẻ phân-biệt được các yếu-tố cấu-thành : Vần và Chữ (khả-năng phân-tích). Rồi sau cùng, nhờ các yếu-tố riêng biệt (chữ và vần), trẻ mới ráp lại toàn bộ tiếng và câu (khả-năng tổng-hợp).

— Chữ script là gạch nối liền giữa chữ in và chữ viết thường. Chữ script đơn-giản, dễ nhớ và dễ viết, vì chỉ cần gạch đường thẳng và vẽ vòng tròn, điều mà đứa trẻ nào cũng làm được dễ-dàng. Khi đã đọc và viết được chữ script, trẻ sẽ đọc chữ in dễ-dàng cũng như đọc và viết dễ-dàng chữ viết thường.

Do đó, muốn dạy một bài tập đọc theo *phương-pháp hỗn-hợp*, cần thực-hiện ba giai-đoạn chánh như sau :

GIAI-ĐOẠN I : Chúng tôi gọi là giai-đoạn nhận-xét toàn bộ. Chúng ta cho học-sinh quan-sát, nhận-xét tranh hoặc hình cùng với câu hoặc tiếng tương-

ứng. Câu hoặc tiếng chọn cho học-sinh quan-sát là những câu hoặc tiếng diễn-tả hoạt-động hoặc đồ vật rất quen-thuộc với trẻ, liên-quan với đời sống thực-tế hằng ngày. Trong giai-đoạn nầy, trẻ quan-sát và đọc những câu hoặc tiếng có chứa đựng chữ hoặc vần sẽ học.

GIAI-ĐOẠN II : Chúng tôi gọi là giai-đoạn phân-tích. Đến đây trẻ đã quen-thuộc với câu hoặc tiếng đã quan-sát và lập lại được. Chúng ta hướng-dẫn tách rời tiếng ra khỏi câu và vần, hoặc chữ ra khỏi tiếng bằng cách nhận-xét và so-sánh tự-dạng và cách phát-âm. Trẻ ý-thức được câu gồm nhiều tiếng và tiếng gồm nhiều vần hoặc chữ.

GIAI-ĐOẠN III : Chúng tôi gọi là giai-đoạn tổng-hợp. Chúng ta hướng-dẫn ráp chữ đã biết rồi thành vần hoặc tiếng, ráp tiếng đã biết rồi thành câu. Sau cùng, ngoài các tiếng học xong trẻ còn đọc được những tiếng khác cùng chữ hoặc cùng vần, vì trẻ đã quen cách hòa-âm các chữ và vần theo lối tổng hợp.

Ba giai-đoạn áp-dụng trong phương-pháp tập đọc trên giúp học-sinh lúc nào cũng hăng-hái, vui vẻ, cố gắng học-tập. Chúng tập đọc một cách tự-nhiên và hứng-khởi, vì được đặt trong không-khí hoạt-động, thuận-lợi cho việc khám-phá thế-giới kỳ-diệu của ngôn-ngữ.

Cùng với phương-pháp hỗn-hợp dùng trong quyển *EM HỌC VẦN*, chúng tôi chủ-trương dạy đọc và viết chữ script cho đến khi học-sinh biết qua các nguyên-âm và phụ-âm nghĩa là hết các mẫu-tự. Chúng tôi đã thí-nghiệm lối chữ viết nầy để dạy trẻ em lớp vỡ lòng và đã thâu-thập được kết-quả khả-quan.

thuongmaitruongxua.vn

Sau đây là những đặc-điểm của quyển *EM HỌC VẦN* :

I. NHÂN-VẬT: Chúng tôi dùng ba nhân-vật *CHI, TÍ, TƠ* và diễn-tả mọi sinh-hoạt của ba nhân-vật nầy ở trường, ngoài đường, trong gia-đình để trẻ có dịp theo dõi hành-động của những người đồng tình-cảnh, tâm-lý mà học cho có hứng-thú và sát với thực-tế.

II. HÌNH: Để giúp trẻ dễ nhớ và vui-vẻ học, trong những bài dạy chữ cái, nếu có thể được, chúng tôi lựa một đồ vật hay một sinh-vật có hình tương-tợ với chữ học, đem trình-bày cho trẻ quan-sát và so-sánh. Nếu không tìm được một đồ vật hay một sinh-vật có hình tương-tợ với chữ học, chúng tôi trình-bày một đồ vật hay một sinh-vật gợi ý. Ngoài ra, mỗi bài đều có hình vẽ tô màu, thích-hợp với chữ hay vần phải học.

III. TRANH: Ngoài những hình chỉ về người, vật hay đồ-đạc quen-thuộc với học-sinh, mỗi bài còn có tranh, trình-bày một hoạt-cảnh của các nhân-vật chính, liên-quan đến bài học hay bài tập đọc.

IV. TẬP ĐỌC:

1) Cách phân chia bài học.

Về việc phân chia bài học, chúng tôi cho học nguyên-âm lẫn với phụ-âm trước và học đến đâu thì chắp thành câu đến đó. Chúng tôi dùng chữ script

để dạy. Những chữ hình-dáng đơn-sơ dạy trước, chữ hình-dáng khó dạy sau.

Về nguyên-âm, chúng tôi không có bài dạy riêng chữ «ă» và «â» vì sợ lầm lẫn với «á» và «ớ».

Về phụ-âm, chúng tôi không có bài dạy riêng chữ «q» vì luôn luôn «q» đi cặp với «u».

Về vần, chúng tôi sắp:

a) *vần khởi đầu bằng một nguyên-âm :*

— vần có vận trơn (nguyên-âm ở cuối như: ai, ơi...) học trước.

— vần có vận cản (phụ-âm ở cuối như: am, im...) học kề.

b) *vần khởi đầu bằng hai nguyên-âm :*

— vần có vận cản (phụ-âm ở cuối như: iên, uôn...) học trước.

— vần có vận-trơn (nguyên-âm ở cuối như: iêu, uôi...) học sau.

— vần khởi đầu bằng y như: ya, yu, ynh....

c) *vần có thể hòa-âm được :*

— oa, oe, uê, uơ uy,
— oac, oam, oan, oao, oap, oat, oay,
— oăc, oăm, oăn, oăt,
— oem, oen, oeo, oet,
— uân, uât, uây, uơn,
— uya, uyt, uyu,

thuongmaitruongxua.vn

— oang, oach, oanh, oăng,

— uâng, uêch, uyên, uyêt, uych, uynh,

Những vần nêu trên không cần phải dạy riêng, vì nếu phải ráp với phụ-âm thì sự hòa âm rất gò-ép. Thí-dụ: từ trước tới nay, muốn dạy tiếng «thoa» thì trước hết phải dạy vần «oa» (người miền Nam đọc là hoa). Nếu ráp «th» (thờ) vào «oa» (hoa) thì thành thờ-hoa chớ không phải tho a (thoa) được. Do đó, muốn dạy tiếng «thoa», chúng tôi chủ trương hòa-âm «tho» và «a» thành thoa.

Những vần nầy được lồng vào 9 bài tập đọc ở cuối quyển vần và được chỉ dẫn lối phân-tách để hòa-âm.

thuongmaitruongxua.vn

2) Cách soạn bài tập đọc.

Bài tập đọc diễn-tả những cảnh liên-hệ đến đời sống của trẻ mà nhân-vật điển-hình là *CHI, TÍ, TƠ*. Từ đầu đến cuối, chúng tôi tôn-trọng nguyên-tắc giáo-khoa, tuần-tự đi từ dễ đến khó. Chúng tôi cố tránh dùng những danh-từ Hán-Việt.

Mỗi bài tập đọc dài nhứt là 11 câu, và mỗi câu chỉ được tới 8 tiếng.

Trong các bài tập đọc, chúng tôi dùng tiếng miền Nam, nhưng nếu có những tiếng chưa thông-dụng lắm, chúng tôi ghi-chú tiếng miền Bắc.

V. TẬP VIẾT:

Từ bài 1 đến bài 33, chúng tôi tập trẻ viết theo lối *script*.

Từ bài 34 đến bài 45, chúng tôi tập trẻ chuyển sang lối chữ viết thường. Những chữ hình-dáng giống như chữ *script* được dạy trước, những chữ hình-dáng khó được dạy sau. Những tiếng, những câu mà chúng tôi chọn trong phần «*em viết*» chỉ có tánh-cách hướng-dẫn, thầy có thể thay-đổi và cho viết nhiều hay ít hàng, tùy theo trình-độ học-sinh.

Trong 9 bài cuối, chúng tôi viết chữ hoa ở đầu câu và tên các nhân-vật để học-sinh nhìn chữ hoa cho quen mắt.

VI. CÂU HÁT VÀ TRÒ CHƠI: Từ bài 8 đến bài 33, chúng tôi thêm một bài hát hoặc hò, hoặc vè ở cuối bài học. Các bài nầy được soạn nhằm hai mục-đích:

— kiểm-điểm những chữ đã dạy trong bài,

— gây hứng-thú cho trẻ em.

Chúng tôi sửa lại những câu hát xưa cho hạp với hoàn-cảnh hiện tại, cho có tánh-cách giáo-dục. Giáo-viên có thể dùng nhiều bài hát để tổ-chức trò chơi cho trẻ em ngay trong giờ tập đọc, hoặc trong những giờ thể-dục, hoặc hoạt-động thanh-niên.

Quyển vần này chia ra làm năm phần chính và gồm bài :

1— Chuẩn bị học-sinh trước khi dạy vần (7 bài).
2— Học nguyên-âm, phụ-âm và các dấu (26 bài).
3— Học phụ-âm ghép (6 bài).
4— Học vần (25 bài).
5— Bài dạy những vần dễ hòa-âm (9 bài).

Trung-bình mỗi tuần, giáo-viên có thể dạy 4 bài; vậy, sau 17 tuần, nghĩa là sau 4 tháng và một tuần (đệ nhứt lục cá-nguyệt) thì trẻ em sẽ học xong quyển vần nầy.

Soạn quyển *EM HỌC VẦN*, chúng tôi muốn trình bày cùng các giáo-viên một phương pháp tập đọc mà phần đông có thể đem áp-dụng dễ-dàng. Cách sắp xếp bài học như trên nhằm mục-đích làm giảm phần khó-khăn cho các bạn phụ-trách lớp Năm.

Với các em, chúng tôi mong hình-thức mới-mẻ của quyển vần sẽ đem lại hứng-thú để giúp các em mau biết đọc, biết viết.

MỤC LỤC

			Trang
Từ Bài 1	đến 7	Phần chuẩn-bị trước khi dạy vần.	
— 8	chữ i		38
— 9	dấu sắc		40
— 10	chữ t, dấu hỏi.		42
— 11	— l, — huyền		44
— 12	— o, — nặng		46
— 13	— c		48
— 14	— a		50
— 15	— d		52
— 16	— đ, dấu ngã.		54
— 17	— u		56
— 18	— ư		58
— 19	— ơ		60
— 20	— ô		62
— 21	— b		64
— 22	— e		66
— 23	— ê		68
— 24	— n		70
— 25	— m		72
— 26	— h		74
— 27	— v		76
— 28	— y		78
— 29	— x		80
— 30	— k		82
— 31	— g		84
— 32	— r		86
— 33	— s		88
— 34	phụ-âm ghép	ch, nh	90
— 35	— —	th, kh	92
— 36	— —	ph, gh	94
— 37	— —	ng, ngh.	96
— 38	— —	tr, qu	98
— 39	— —	gi,	100
— 40	vần ai, oi, ui		102

thuongmaitruongxua.vn

Trang

— 41 vần ôi, ơi, ưi 104
— 42 — ao, eo 106
— 43 — ua, ưa, ia 108
— 44 — au, iu, âu 110
— 45 — êu, ưu, ay, ây . . . 112
— 46 — am, im, um, em, om . . 114
— 47 — ăm, âm, êm, ôm, ơm . . 116
— 48 — ap, ep, ip op, up . . . 118
— 49 — ăp, âp, êp, ôp, ơp . . 120
— 50 — ac, ec, oc, uc 122
— 51 — ăc, âc, ôc, ưc . . . 124
— 52 — ang, eng, ong, ung. . . 126
— 53 — ăng, âng, ông, ưng. . . 128
— 54 — at, et, it, ot, ut . . . 130
— 55 — ăt, ât, ệt, ôt, ơt, ưt . . 132
— 56 — an, en, in, on, . . . 134
— 57 — ăn, ân, ên, ôn, ơn, ưn. . 136
— 58 — anh, inh, ênh. . . . 138
— 59 — ach, ich, êch 140
— 60 — iêm, uôm, ươm, iêp, ươp . 142
— 61 — iêc, uôc, ươc, iêng, uông, ương 144
— 62 — iêt, uôt, ươt, iên. uôn, ươn . 146
— 63 — iêu, uôi, ươi, ươu. . . . 148
— 64 — ya, yu, ynh, yêu, yên, yêt . 150
— 65 — Trên đường đi lò gồm. . 152
— 66 — Đồng đất sét. . . . 154
— 67 — Trong lò gồm. . . . 156
— 68 — Chuyền đò ngang. . . 158
— 69 — Tại nhà bác hai Hoằng . 160
— 70 — Con cưỡng bông . . . 162
— 71 — Con chó của anh Xuân . 164
— 72 — Xù vớt banh . . . 166
— 73 — Cháu xin về với ba . . 168
Phụ-lục Bài hát : Chiếc máy bay . . . 170
— — Lá cờ 171
— — Con dê. 172
Bảng so-sánh chữ Script và chữ thường. 173

CHUẨN-BỊ HỌC-SINH TRƯỚC KHI DẠY VẦN

Chúng tôi soạn ra đây 7 bài đầu gồm có 17 tiếng để giáo-viên cho trẻ xem hình kể chuyện. Phần chuẩn-bị này nhằm mục-đích :

a) gây hứng cho trẻ trước khi học vần : tập trẻ quan-sát, nhận-xét, trình-bày những điều chúng trông thấy trong tranh có kèm câu hoặc tiếng tương-ứng.

b) làm cho trẻ khỏi bỡ-ngỡ khi bắt đầu học vần bằng cách tập cho trẻ nhận-xét tự-dạng để sau này chúng nhận ra những chữ trong mỗi tiếng.

c) tập trẻ đọc những tiếng, những câu một cách tự-nhiên và hiểu những tiếng, những câu đó nhờ tranh-ảnh để tránh đọc một cách máy-móc khi học vần.

Với những bài này, ngoài những lợi-ích kể trên, trẻ sẽ khám-phá ra «viết» là phương-tiện để diễn-đạt tư-tưởng và «đọc» là phương-tiện để thâu-nhận tư-tưởng đó.

thuongmaitruongxua.vn

l

chi

ti

thuongmaitruongxua.vn

to

thuongmaitruongxua.vn

ba

má

thuongmaitruongxua.vn

ti tơ đi bộ

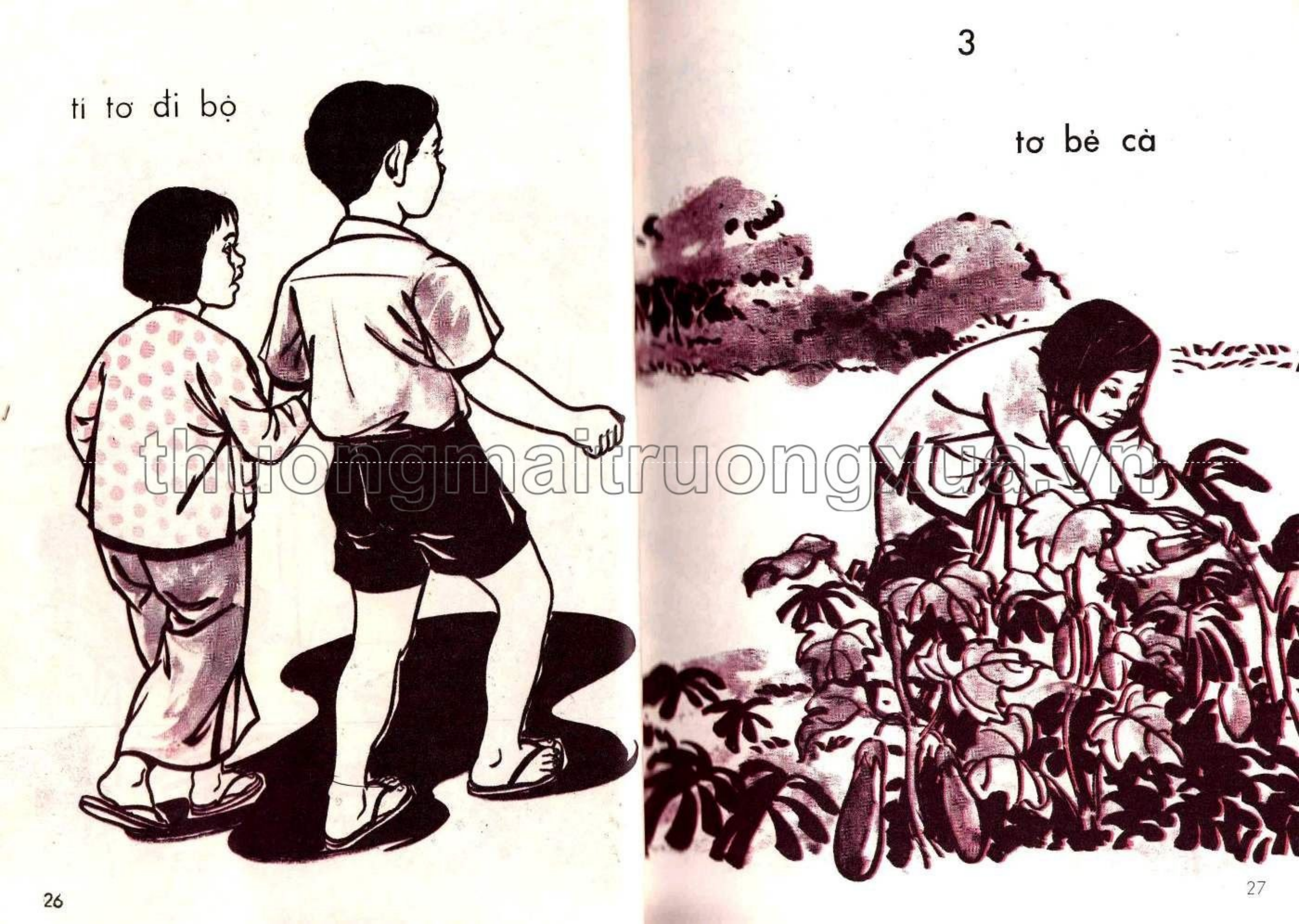

thuongmaitruongxua.vn

tơ bẻ cà

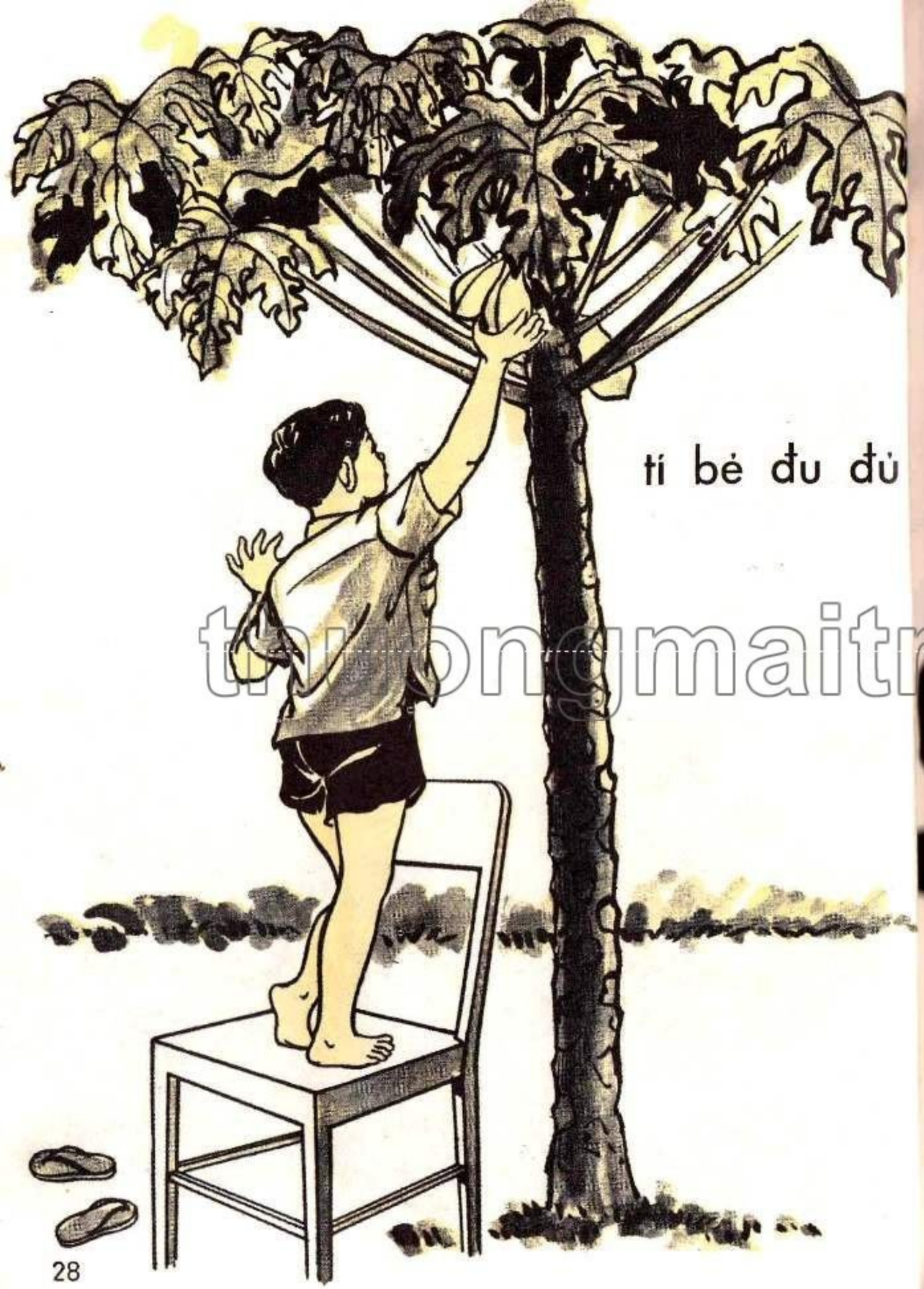

tí bẻ đu đủ

tí vẽ cà

thuongmaitruongxua.vn

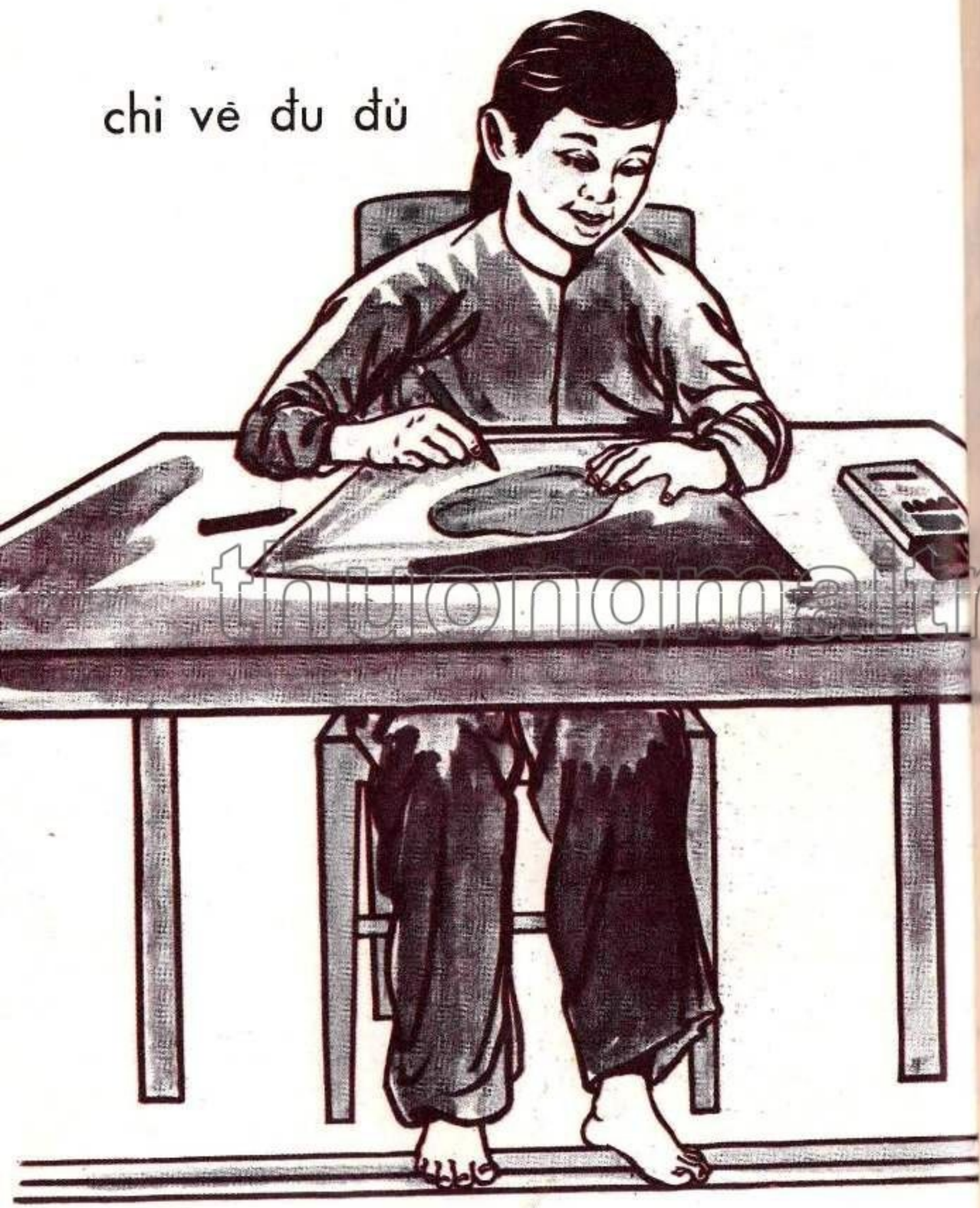

chi vẽ đu đủ

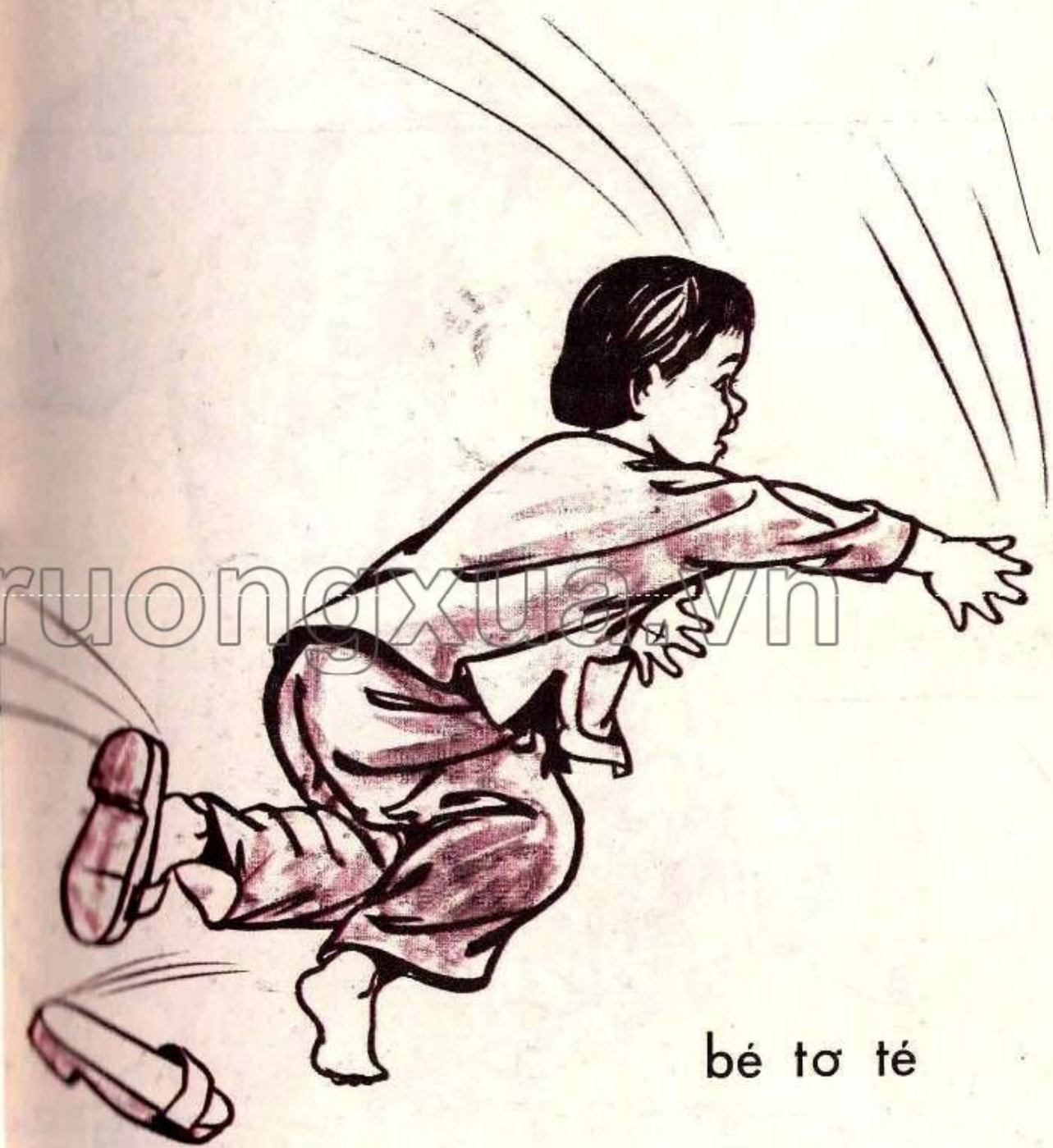

bé tơ té

thuongmaitruongxua.vn

chi đỡ tơ

má tí đi dù

thuongmaitruongxua.vn

chi đi dù

tơ đi dù

thuongmaitruongxua.vn

7

má tí về nhà

thuongmaitruongxua.vn

ba tí về nhà

chi, tí, tơ, đi học

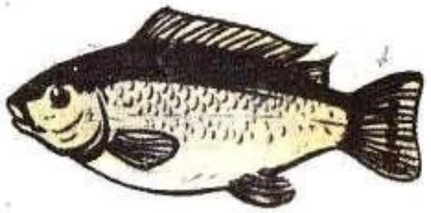

cá phi

ống chỉ

cái bị

viết chì

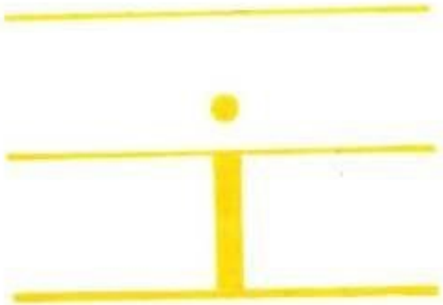

chữ i

EM ĐỌC : i i i i i i

EM VIẾT : i i i i i i

thuongmaitruongxua.vn

EM HÁT EM CHƠI : chi đi qua.

chi đi qua,

tí đi lại.

chi đứng lại,

tí nhảy qua.

bé tí vẽ trái bí

bé tí

trái bí

kí - lô

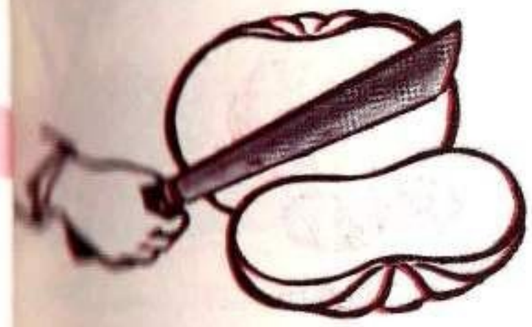

xắt bí

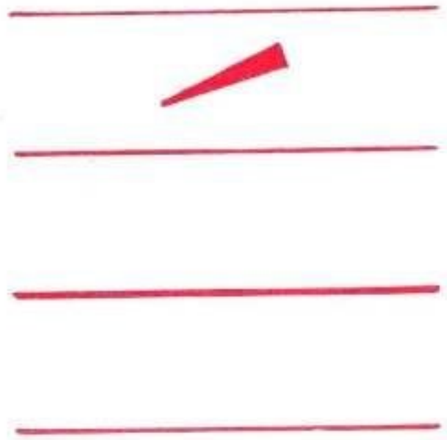

dấu ′ (dấu sắc)

EM ĐỌC : í, í, í í í í

EM VIẾT : í, í, í í í í

EM HÁT EM CHƠI : lưới cá

lưới nói : cá trê, cá rô,
chạy vô cho lẹ.

cá đáp : cá đâu có dại,
cá chạy ra ngoài.

thuongmaitruongxua.vn

bé ti thả tàu

bàn tay

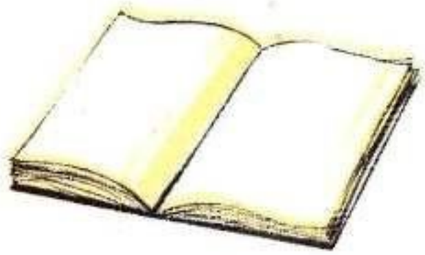

tập vở

bánh tét

củ tỏi

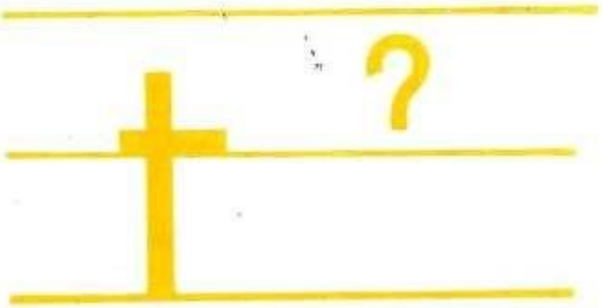

dấu ẻ

chữ t (dấu hỏi)

EM ĐỌC : ti, tí, tí ti, ti ti,

EM VIẾT : t t t t t t
ti ti, ti ti, ti ti

thuongmaitruongxua.vn

EM HÁT EM CHƠI : tập tầm vông.

tập tầm vông:
tí thảy vòng,
chi đong cát,
tí múa hát,
chi nhảy dây.

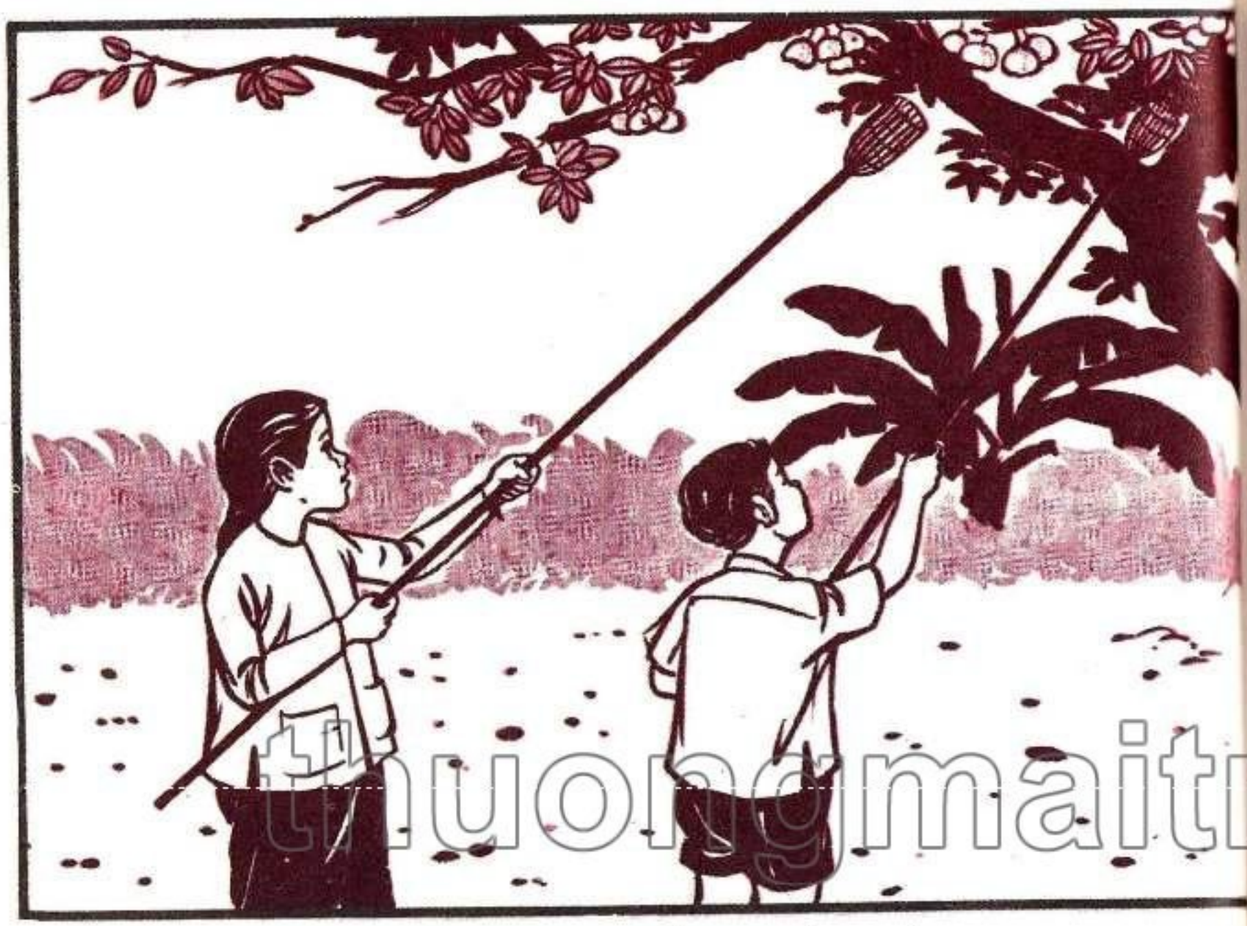

chi, tí cầm lồng hái lý

lờ bắt cá

cái lò

con le - le

lá lúa

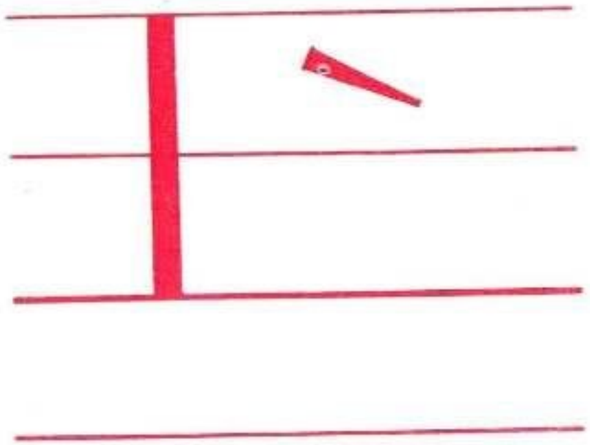

dấu ˋ
chữ l (dấu huyền)

EM ĐỌC : l l l l l l

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : li - li, li - li, li - li.

EM HÁT EM CHƠI : vè le - le.

lẳng lặng mà nghe,
tôi đọc bài vè:
le - le lội nước,
lông không hề ướt,
lặn hụp rất tài,
tối ngày không mệt.

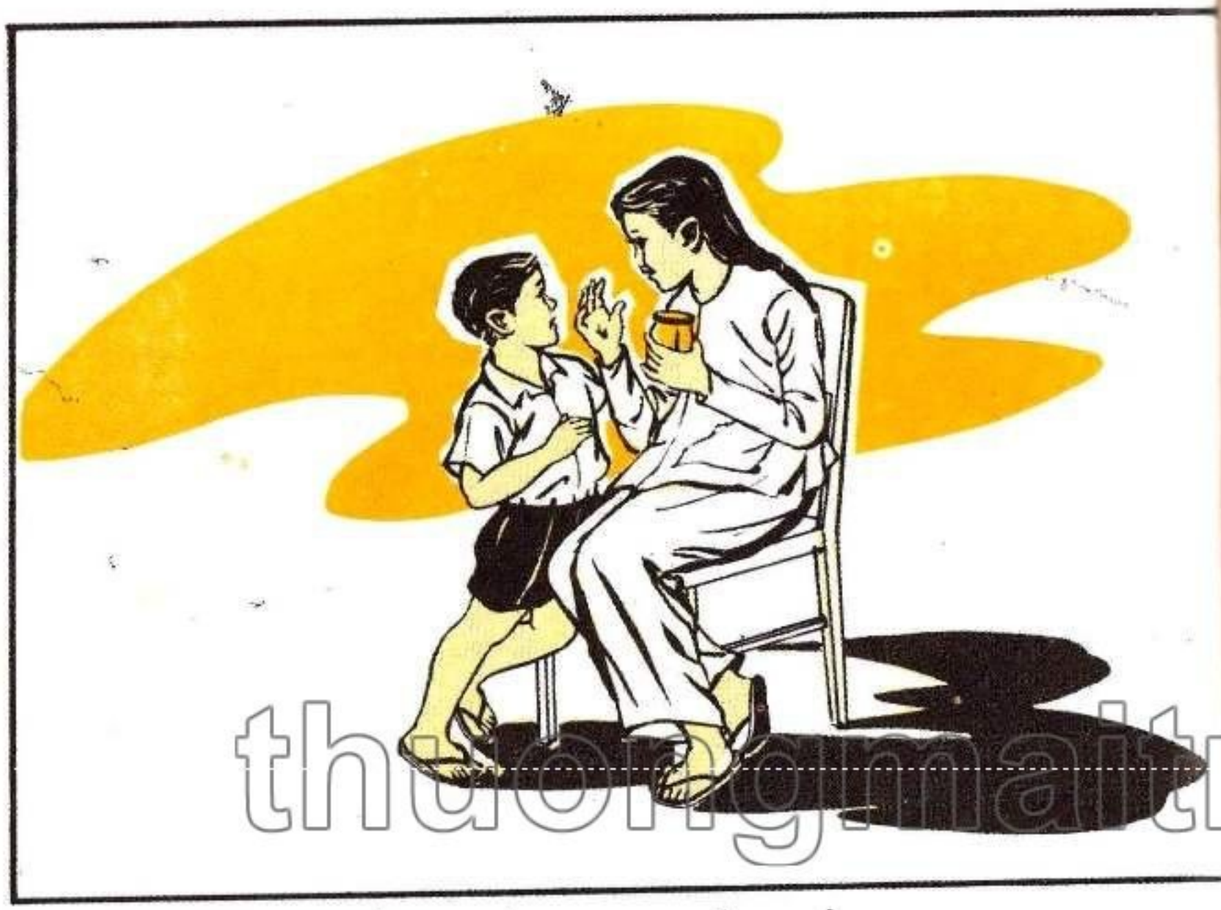

chi cho tí lọ kẹo

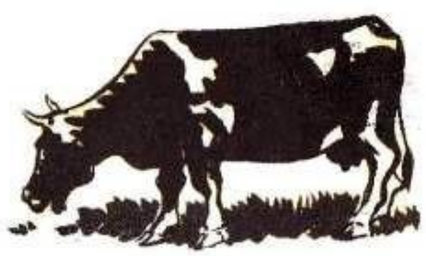

con bò

lọ kẹo

cây cọ

con sò

dấu .

chữ o (dấu nặng)

EM ĐỌC : ó ỏ ò ọ

ó o, ó to, tò-tò (1), lọ to.

EM VIẾT : o o o o o o

lọ to, lọ to, lọ to.

EM HAT EM CHƠI : tập làm dông.

tập làm dông,
tay không tay có.
tập làm gió,
tay có tay không.
tay nào không?
tay nào có?

(1) đi theo lẳng nhẳng.

thuongmaitruongxua.vn

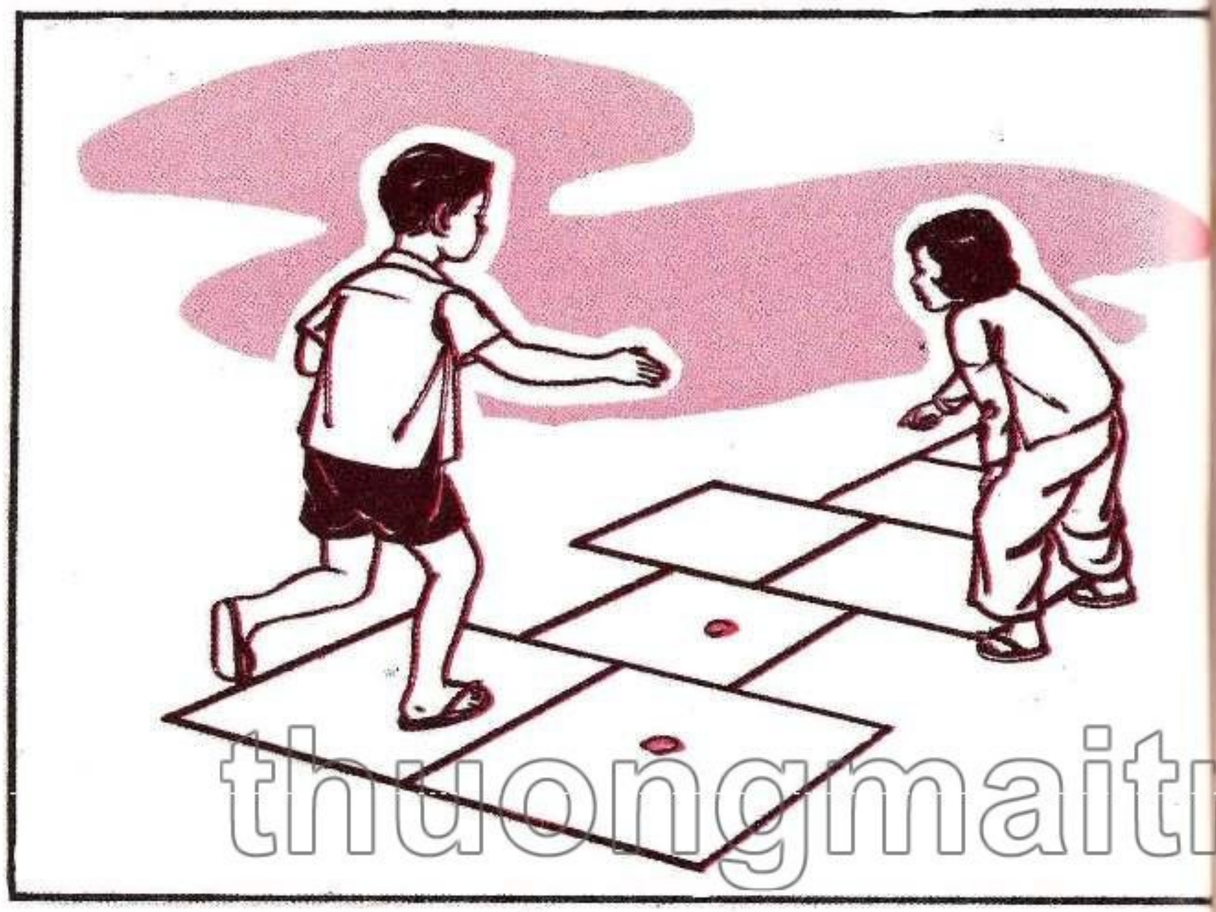

tí nhảy cò - cò

con cò

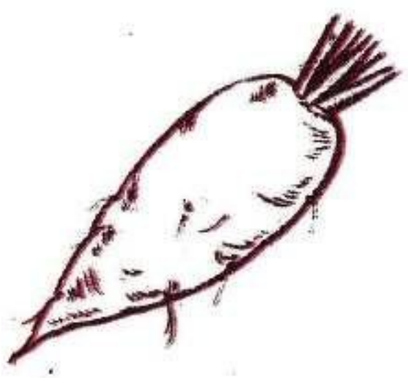

củ cải

bông cúc

cây cung

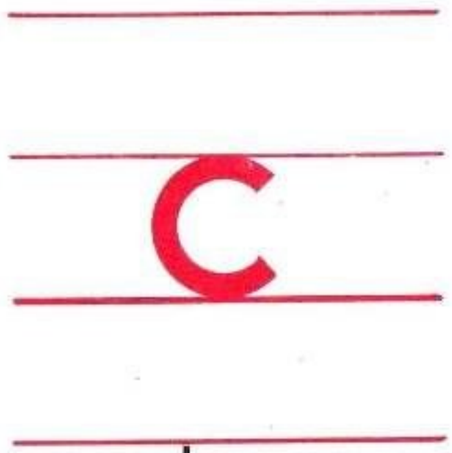

chữ c

EM ĐỌC : co, cỏ, cọ, cò, cò-cò (1),
cọ to, tí có lọ to

EM VIẾT : c c c c c c
tí có lọ to, tí có lọ to.

EM HÁT EM CHƠI : em nhảy cò-cò.

em nhảy cò-cò,
em co cẳng trái.
em nhảy cho cao,
cố sao chẳng ngã.

(1) lò-cò

thuongmaitruongxua.vn

ba chị em ca.

nhà ga

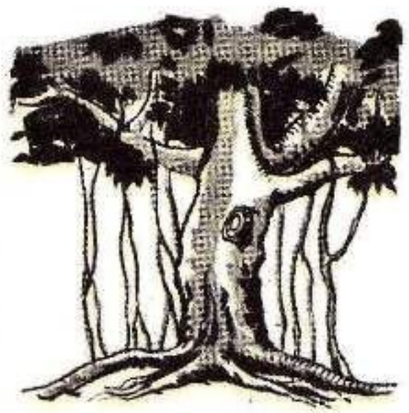

cây đa

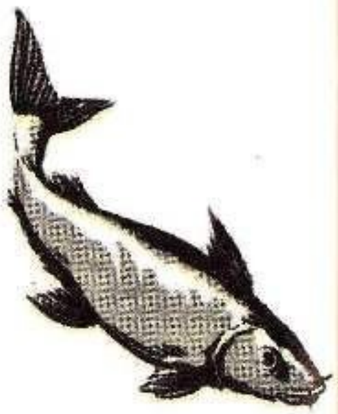

cá tra

trái cà

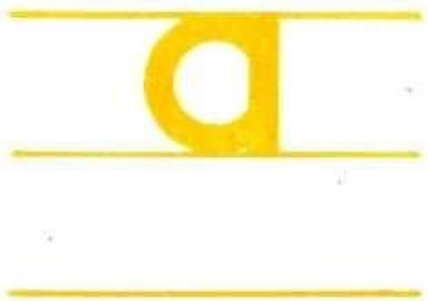

chữ

EM ĐỌC : a, á, ả, à, ạ, tạ cá, lá cà,
cà có lá to, tí có cá lạ.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : a a a a a a
cà có lá to, cà có lá to.

EM HÁT EM CHƠI : vỗ tay, vỗ tay.

vỗ tay, vỗ tay,
bà cho ăn bánh,
không vỗ bà đánh trên tay.

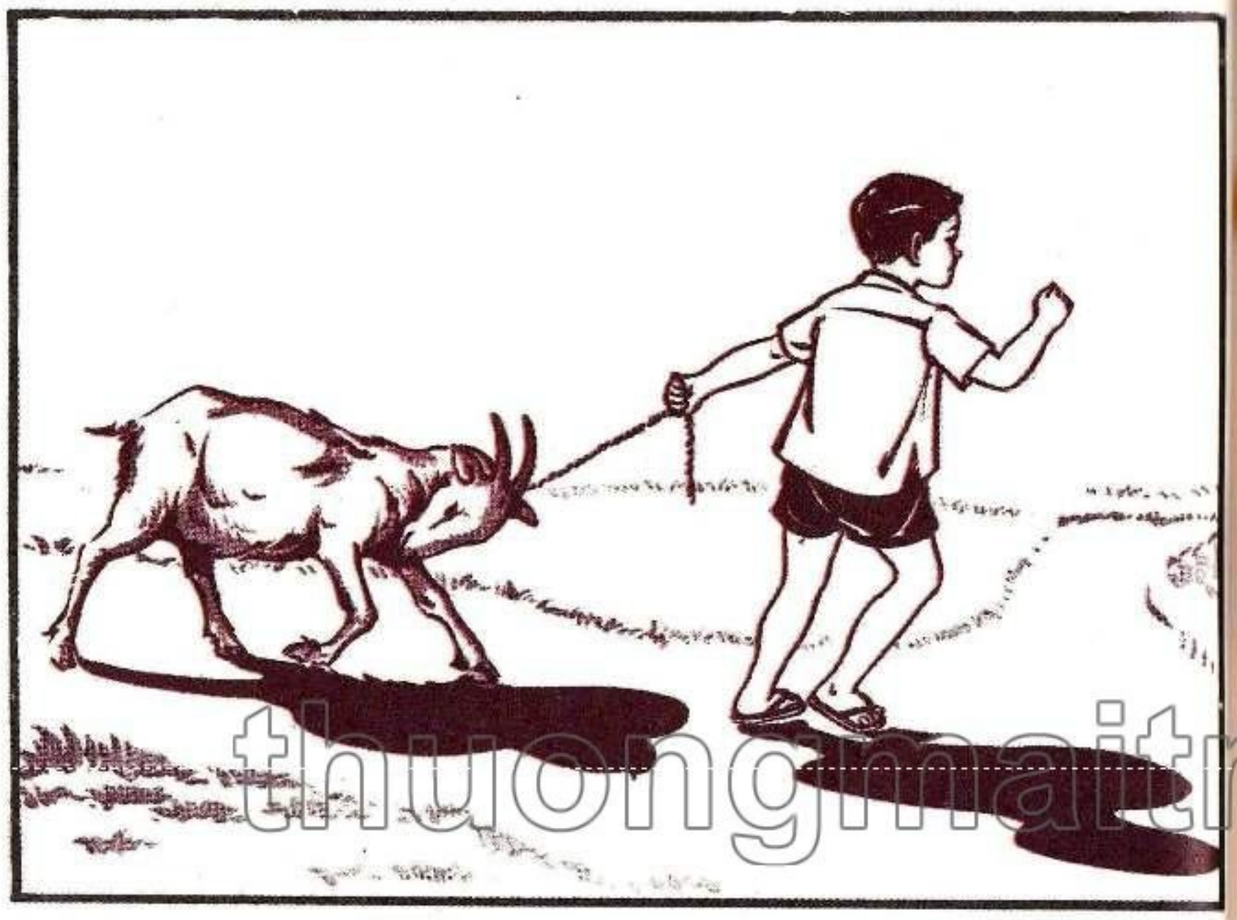

tí dắt dê đi dọc bờ đê

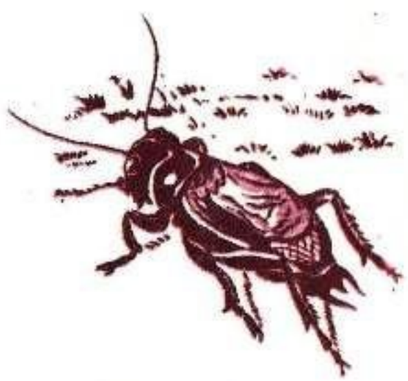

con dế

cây dù

cây dừa

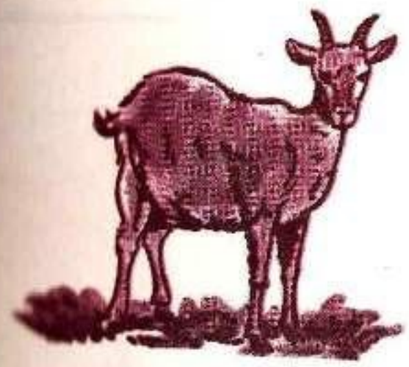

con dê

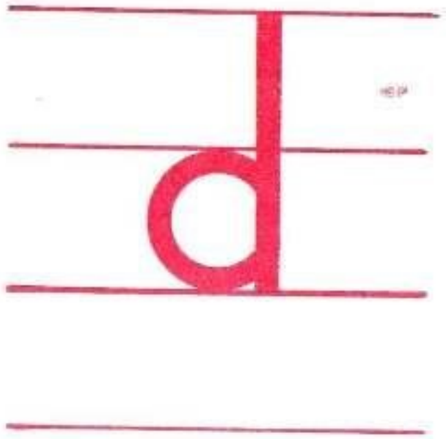

chữ d

EM ĐỌC : da, dạ, dì, da cá,
dì ta, dì ta có cá.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : d d d d d d
dì ta có cá, dì ta có cá.

EM HÁT EM CHƠI : chặt cây dừa.

chặt cây dừa,
chừa dây đậu.
trái ép dầu,
dây chụm lửa.

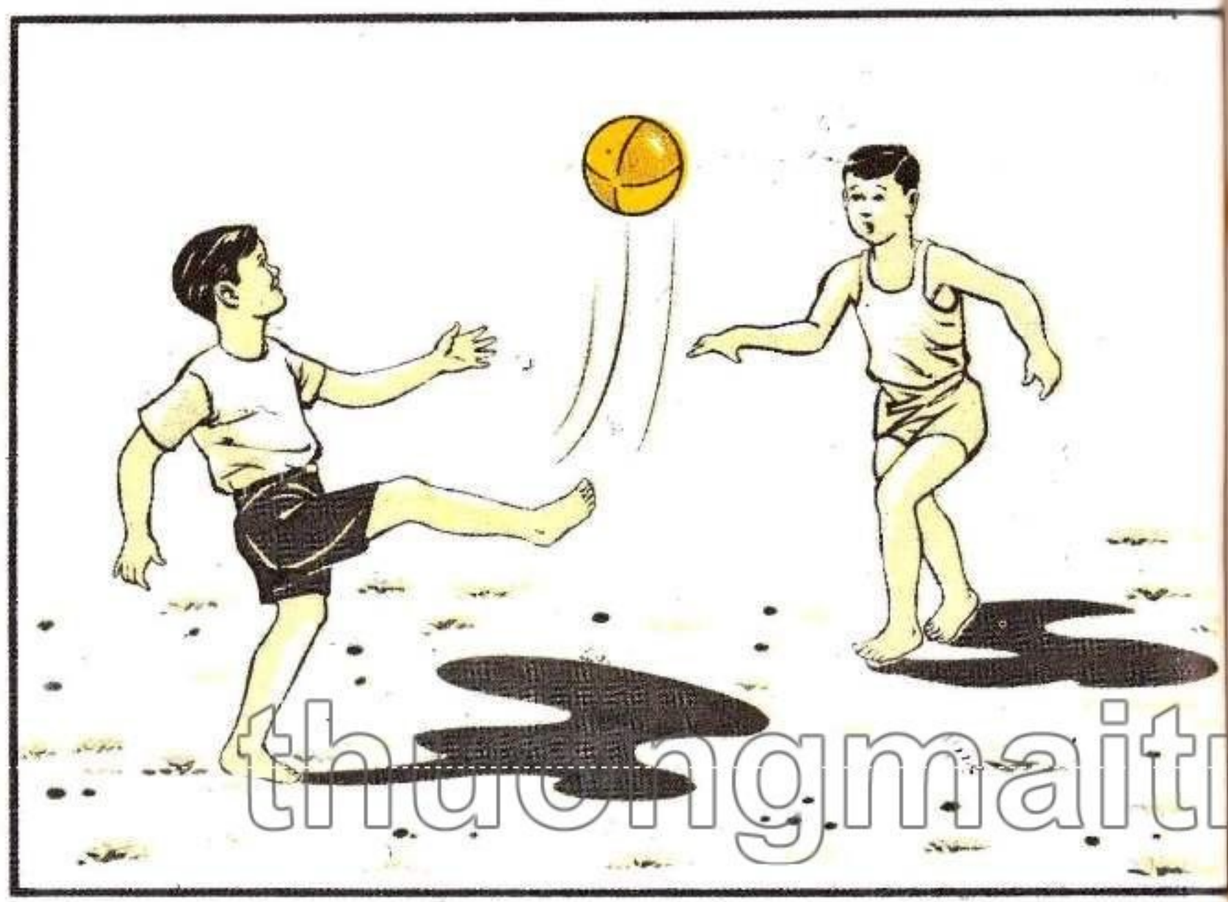

tí và đỗ đá banh

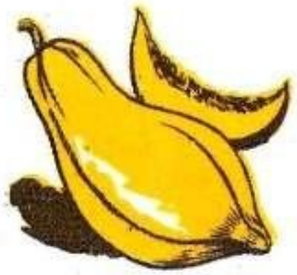

trái đu-đủ

đèn dầu

đôi đũa

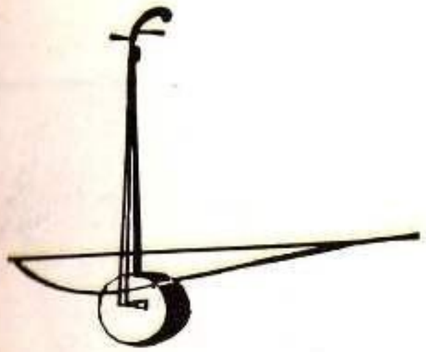

đờn gáo

đ ~

dấu ~

chữ đ (dấu ngã)

EM ĐỌC : đa, đá, đỏ, đã.
đá đỏ, lá đa, dì ta đi đò,
dì có cà đỏ, tí đã có cọ.

EM VIẾT : đ đ đ đ đ đ
tí đã có cọ, tí đã có cọ.

EM HÁT EM CHƠI : ông trăng, ông trăng.

ông trăng, ông trăng,
ông xuống đồng bằng,
đi chơi cùng trẻ.
nhơn trời đẹp-đẽ,
ca hát vui đùa,
đua nhau nhảy múa.

thuongmaitruongxua.vn

tí xích đu.

cái tủ

bánh ú

núm vú

cái lu

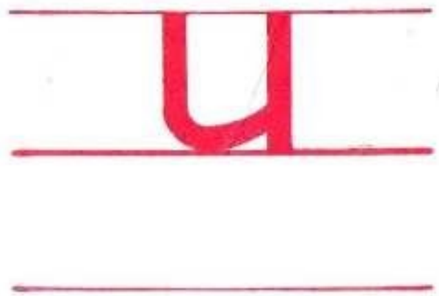

chữ u

EM ĐỌC : u, ú, ủ, ù.
tủ to, lu cá, cỏ cú, [1] đu-đủ
tí đi dù, dì có lu cá.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : u u u u u u
tí đi dù, tí đi dù.

EM HÁT EM CHƠI : chiếc máy bay.

chiếc máy bay ù, ù, ù.
cặp chong-chóng vút, vút, vút,
bộ máy kêu ầm, ầm, ầm,
lượn trên gió trông nhẹ-nhàng,
bộ cánh bay vù, vù, vù.

Chú ý : Xem bản nhạc « chiếc máy bay » ở phần phụ-lục
(1) cỏ ấu

tí dừng bước trước ngả tư

sư-tử

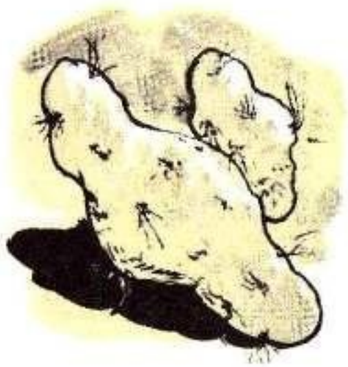

khoai từ

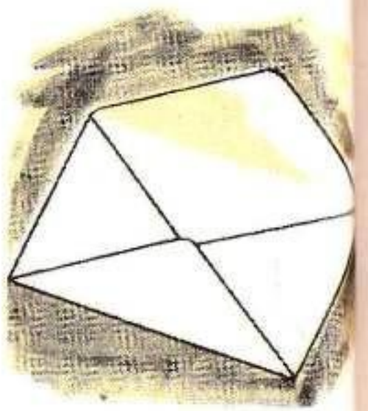

bao thư

bộ lư

ư

chữ ư

EM ĐỌC : ư, ừ, ứ, ự.
từ từ, tí đi từ từ, dì tư có lư.

EM VIẾT : ư ư ư ư ư ư
tí đi từ từ, tí đi từ từ.

EM HÁT EM CHƠI : úp lá khoai.

úp lá khoai,
mười hai bông sứ,
đứa lượm khoai mỡ,
đứa lượm khoai từ,
đứa đứng ngả tư,
đứa ngồi ứ-hự.

thuongmaitruongxua.vn

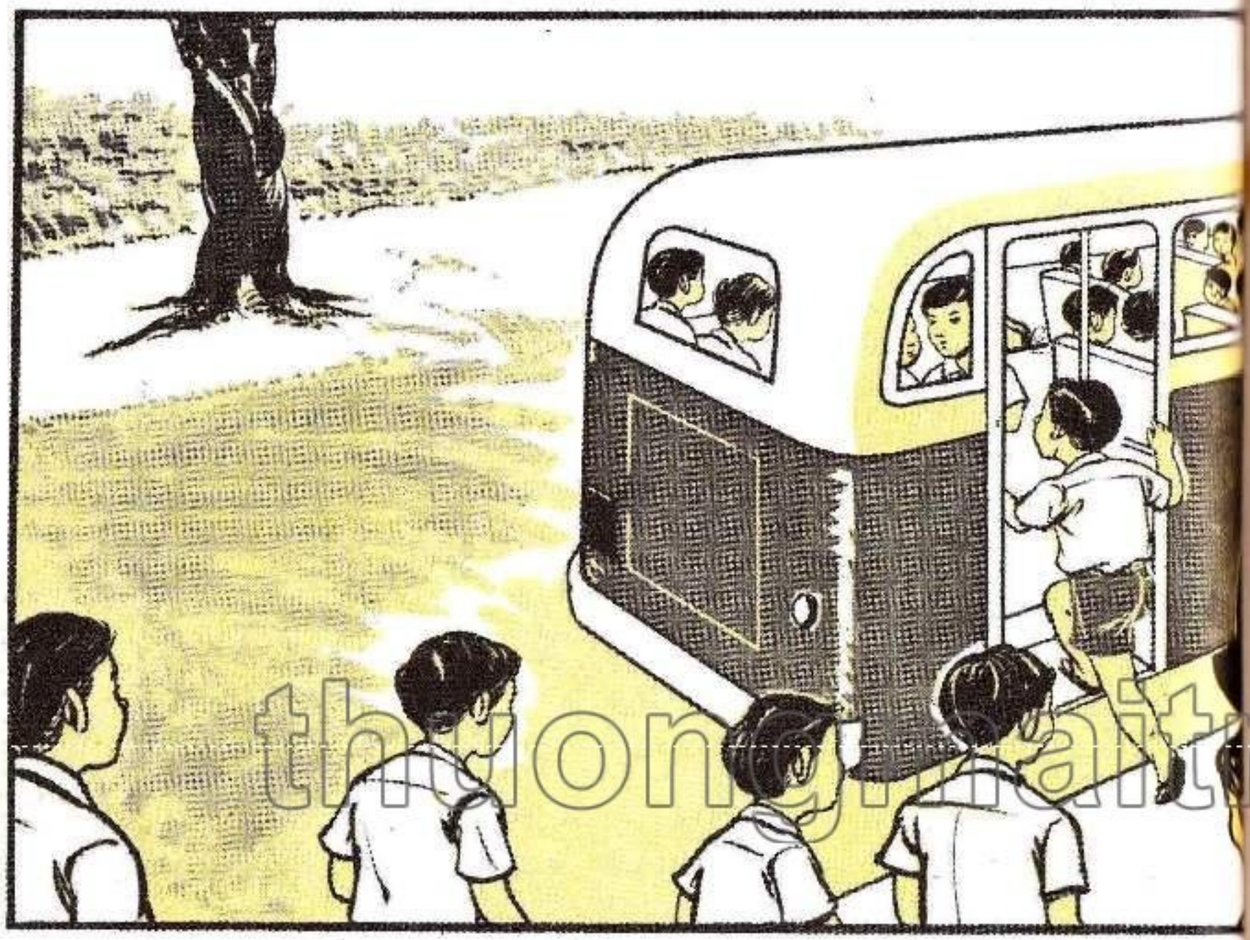

tí lên ô-tô

ô-tô

cái ô

cá rô

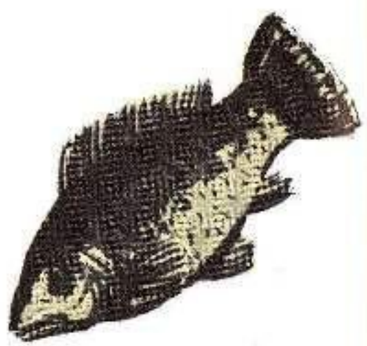

đồng-hồ

chữ ô

EM ĐỌC : ô, ố, ổ, ồ-ồ, cổ cò,
ổ ó to, tô to ở tủ,
tí đi ô-tô, lộ[2] lở lỗ to.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : ô ô ố ô ô ô
lộ lở lỗ to, lộ lở lỗ to.

EM HÁT EM CHƠI : con công.

con công hay múa.
công múa làm sao?
công rút cổ vào,
công xoè cánh ra.

(1) Vật dùng đựng trầu cau.

(2) đường xe chạy.

bé tí chơi bong-bóng.

xe bò

trái bầu

búp-bê

bong-bóng

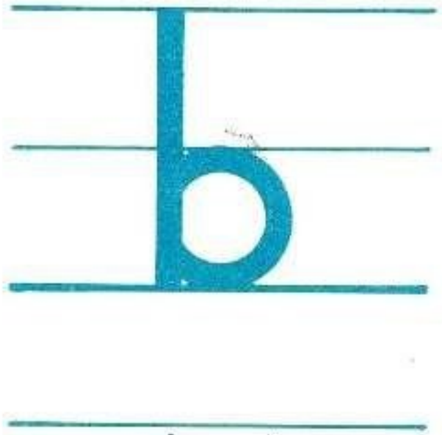

chữ b

EM ĐỌC : ba, bã, bó, bị, bì.
bộ lư, bí bo, bà ba có bị,
ba tí có ba bộ bà-ba.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : b b b b b b
ba tí có bộ bà-ba.

EM HÁT EM CHƠI : bươm-bướm bà.
(theo điệu « Frère Jacques »)

kìa bươm-bướm bà! (2 lần)
xoè đôi cánh, (2 lần)
bươm-bướm bay đôi ba vòng, (2 lần)
bên hàng bông. (2 lần)

xe dừng, chi đỡ tơ xuống xe

con ve-ve

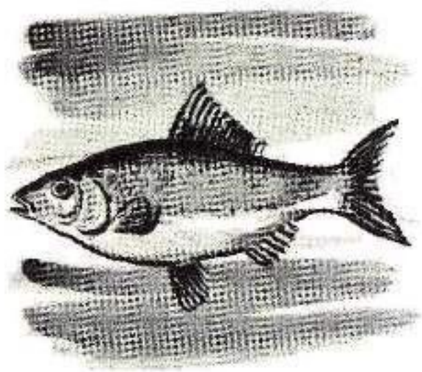

cá he

chiếc ghe

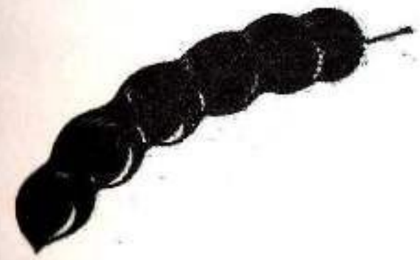

trái me

chữ e

EM ĐỌC : e, ẹ, é, té, lẹ, đè, bẻ.
lẹ-lẹ, le-le, tò tí te,
tơ đi lẹ, bé tơ té, tí bẻ cà.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : e e e e e e
tơ đi lẹ, tơ đi lẹ.

EM HÁT EM CHƠI : ve ve ve ve.

ve ve ve ve:
chấm giấm chấm đường.
chấm tương chấm muối.
ve ve ve ve:
ùm !

tí đứng trên ghế bẻ khế

trái khế

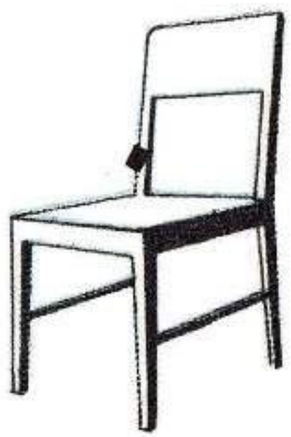

cái ghế

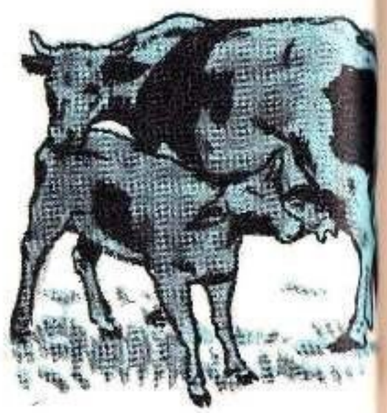

con bê

trái lê

ê

chữ ê

EM ĐỌC : ê, é, ê-a, lu bề, bờ đê.
đá dế, lề lộ, lá lê, da dê,
dì bé tơ, tí có lê,
dê đi ở bờ đê.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : ê ê ê ê ê ê.
dê đi ở bờ đê.

EM HÁT EM CHƠI : chú dê.

(a-li hò-lờ)
chú dê đi lại trên đê,
(a-li hò-lờ)
mắt ngó bốn bề trợt té lăn chiêng.
(hò-lơ hó-lơ, lắng tai nghe chúng
em hò-lờ).

chi gài nơ lên đầu tơ

con nai

cái ná

cái nơ

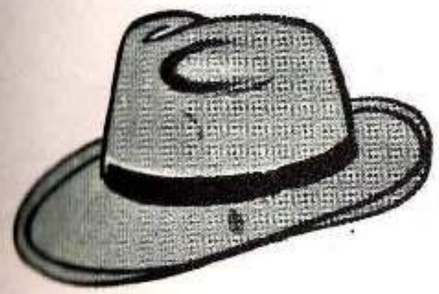

nón nỉ

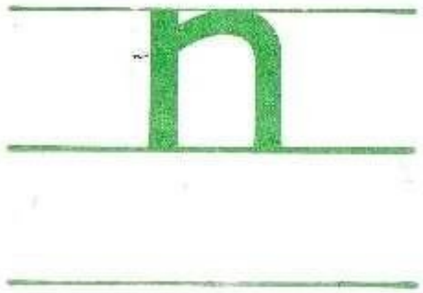

chữ n

EM ĐỌC : cà-na[1], no-nê, nụ cà,
nó có nơ, nu-na[2] nồ to,
ba tí dở nò[3],nó đề cà-na
ở tủ nu[4].

EM VIẾT : nu-na nồ to, nu-na nồ to

EM HÁT EM CHƠI : nu-na.

nu-nả, nu-na,
nồ ra tua-tủa,
nồ túa lên trời,
nồ rơi xuống đất,
nồ bật nắp vung,
nồ tung nón lá,
nồ rã nu-na.

(1) quả trám.
(2) trò chơi : dùng đất sét nặn hình cái bát ném xuống đất cho nồ.
(3) lờ bắt cá.
(4) một thứ gỗ quý.

thuongmaitruongxua.vn

tí xem mặt trời mọc

bà mẹ

cây mía

con mèo

cái mão

chữ m

EM ĐỌC : cá mè, tô mì, mù-u (1).
má tí mò cá, bé tí có mũ nỉ,
mợ tơ mở tủ, tơ có tô mì,
tô tơ mà mẻ.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : tơ có tô mì, tơ có tô mì.

EM HÁT EM CHƠI : mèo bắt chuột.

mắt mèo thật sáng,
chuột ngán mèo ghê.
kìa mèo gần kề,
chuột mau chạy trốn.

(1) một thứ cây có quả tròn dùng để ép lấy dầu thắp đèn.

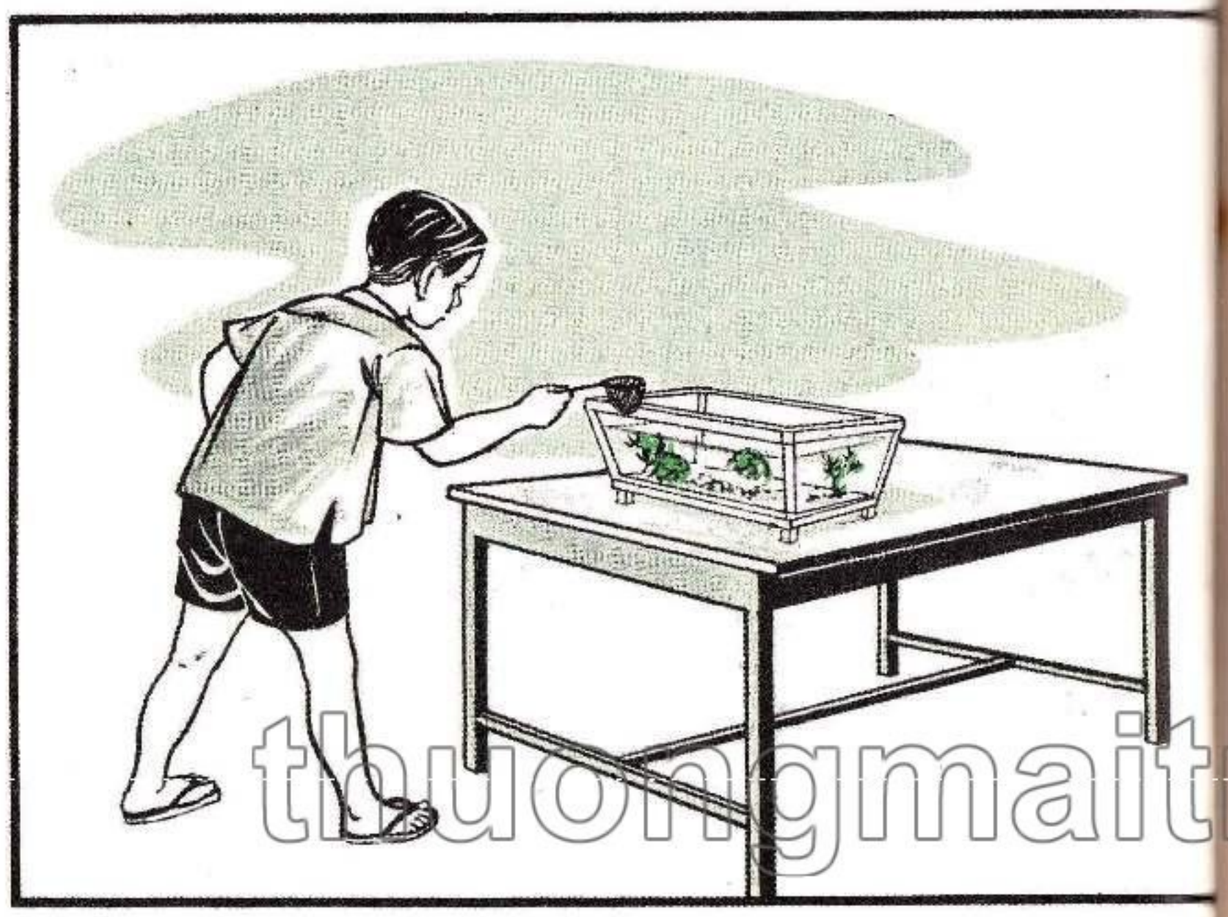

tí thả cá vào hồ

chú hề

con hồ

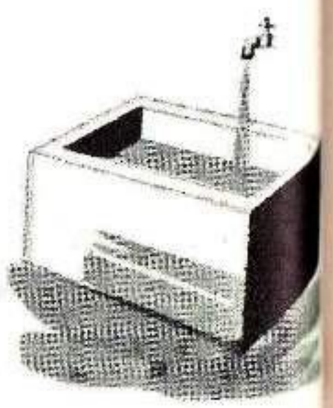

hồ nước

cái hũ

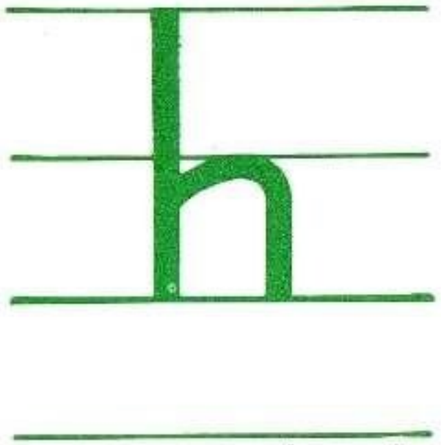

chữ h

EM ĐỌC : da hồ, hò-lờ, ha-hả,
hu-hu, hả-hê, lu hư bể,
dì để tô cá he ở tủ.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : má tí hò-lờ, má tí hò-lờ.

EM HÁT EM CHƠI : a-li hò-lờ.

bé tơ đang khóc hu-hu.
(a-li hò-lờ)
chi cho hũ kẹo.
(a-li hò-lờ)
tơ cười ha-ha.
(hò-lơ hó-lơ, lắng tai
nghe chúng em hò-lờ).

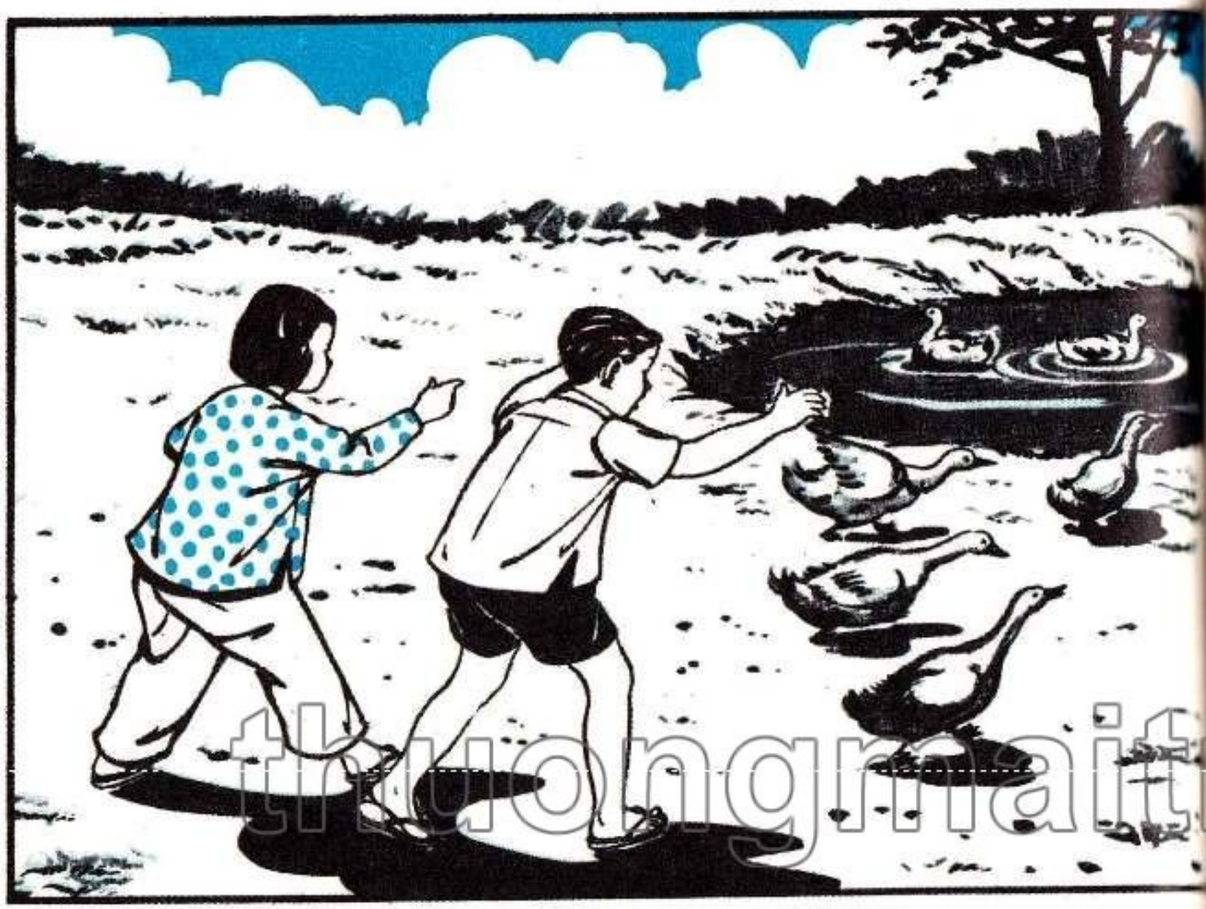

tí và tơ lùa vịt xuống vũng

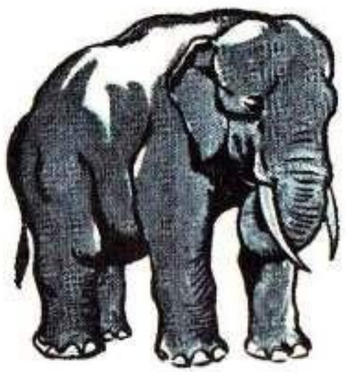

con voi

cái vợt

đôi vớ

con vụ

chữ v

EM ĐỌC :

vỏ me, ve-ve, vở tí đã dơ,
tơ đề vở vô tủ,
tí vẽ đu-đủ, dì tơ vá vớ,
má tí đã về.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : tí vẽ đu-đủ, tí vẽ đu-đủ.

EM HÁT EM CHƠI : nghe vẻ nghe ve.

nghe vẻ nghe ve,
nghe vè con vịt :
cả ngày vui-thích,
xuống vũng lội bơi,
vui chơi từng đàn.
giọng vịt khàn-khàn,
gọi nhau «cạp! cạp!»

tí đuổi kỳ-nhông

cái ky

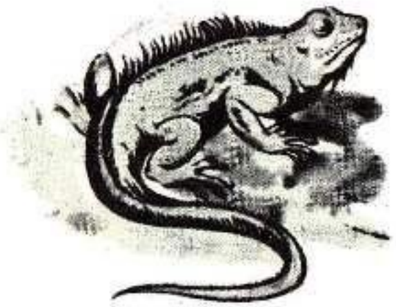

kỳ-nhông

cái ly

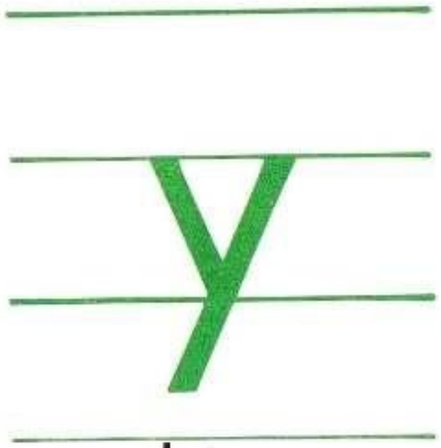

chữ y

EM ĐỌC : y-a, ỷ-y, dì tí có ly,
ly dì đã mẻ, tí bỏ ly bề,
tơ vô ỷ đá tô.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : tí bỏ ly bề, tí bỏ ly bề.

EM HÁT EM CHƠI : kỳ-nhông, kỳ-đà.

kỳ-nhông ông kỳ-đà.
kỳ-đà cha cắc-ké.
cắc-ké mẹ kỳ-nhông.

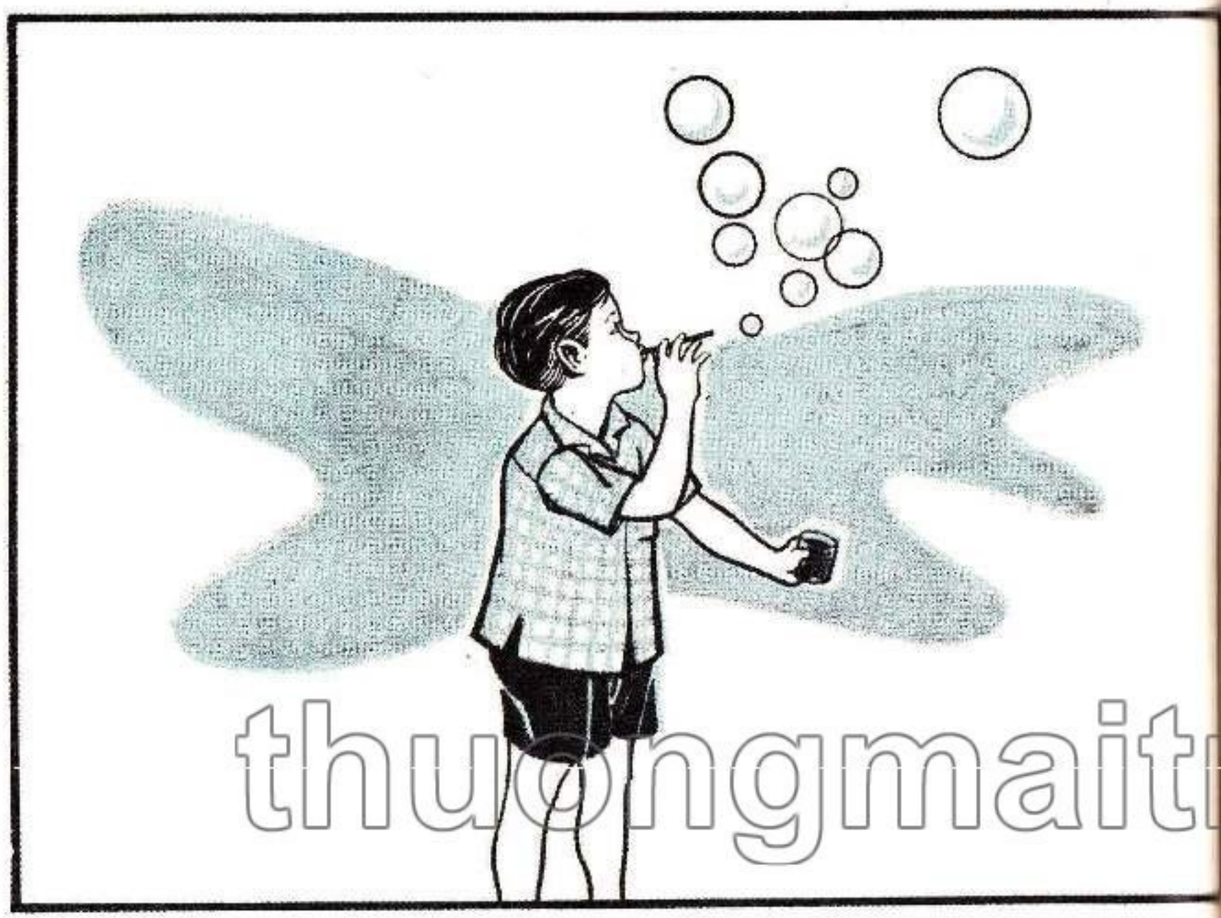

tí thổi bọt xà-bông.

xe xích-lô

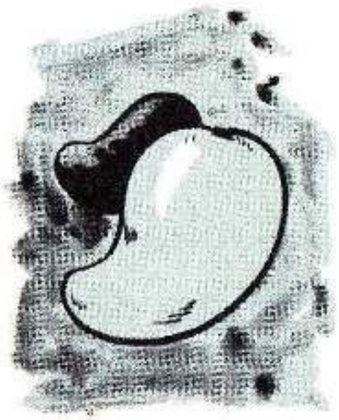

trái xoài

đòn xóc

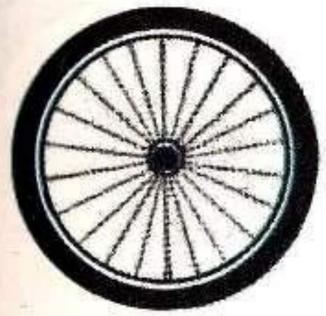

bánh xe

chữ x

EM ĐỌC : xe bò, cũ xì, xa xa, xù-xì, xá-xị, tí xá bà, da xù-xì, dì đi xe cũ xì, tí ở xa đi xe về.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : tí ở xa đi xe về.

EM HÁT EM CHƠI : xù-xì xục-xịch.

xù-xì xục-xịch,
dây xích xỏ xâu,
dây bầu xấu xí,
dây bí xù-xì,
dây chì xám-xịt.

tí và tơ kéo dây

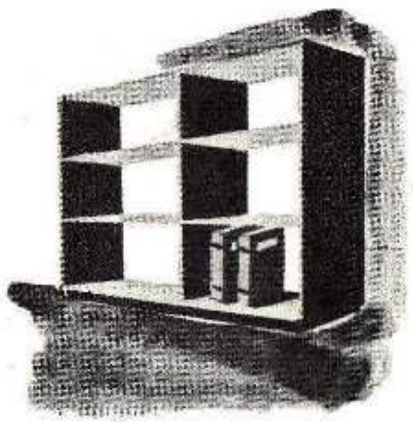

cái kệ

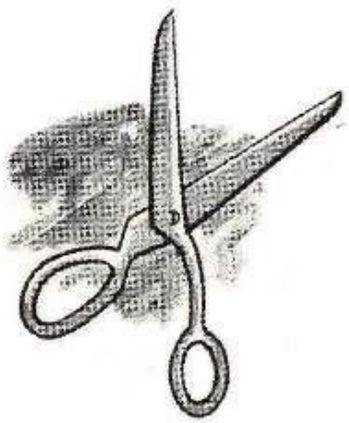

cái kéo

con kỳ-đà

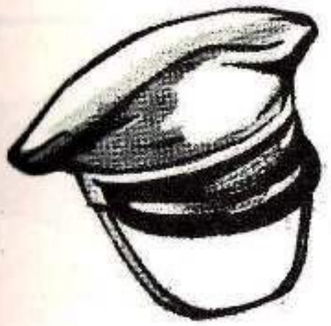

cái kết

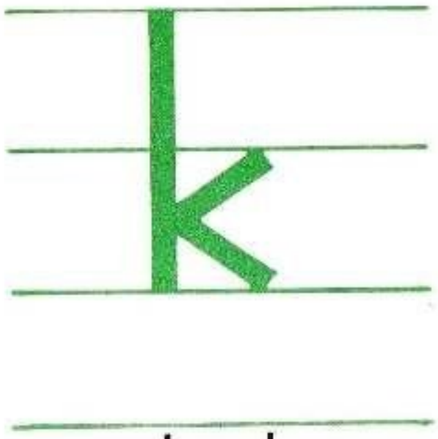

chữ k

EM ĐỌC : kỳ-đà, cò-ke, kỳ-lạ, kệ cũ, cũ-kỹ,
tí kê kệ, da kỳ-đà xù-xì,
ba đồ ky đá, má có kí-lô cá,
tí bò xơ me vô kỳ.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : má có kí-lô cá.

EM HÁT EM CHƠI : xay lúa.

cò-ke cút-kít:
đi chợ mua mít,
về cho em ăn.
cò-ke cót-két:
đi chợ mua kéc,
về cho em coi.

tí, tơ cho gà ăn

cái gáo

con gấu

cái gối

con gà

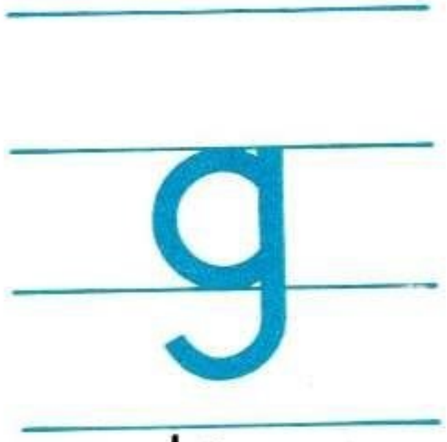

chữ g

EM ĐỌC : gà cồ, gò má, gõ mõ,
tí ra ga, bà có gà cồ,
tơ gỡ vỏ me,
gò má nó đỏ,
di tư có tứ gõ.

EM VIẾT : tơ gỡ vỏ me, tơ gỡ vỏ me.

EM HÁT EM CHƠI : gà cồ hay gáy.

gà cồ hay gáy,
gà mái hay la,
gác cửa giữ nhà,
là con chó mực.
ngủ gà ngủ gật,
là con mèo mun.

thuongmaitruongxua.vn

tí xem rùa lội

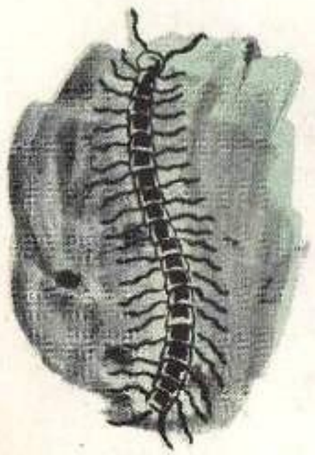

con rít

rễ đa

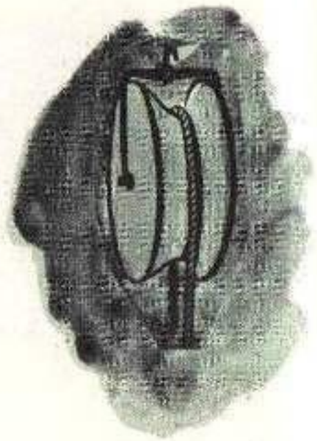

cái rỏ-rẽ

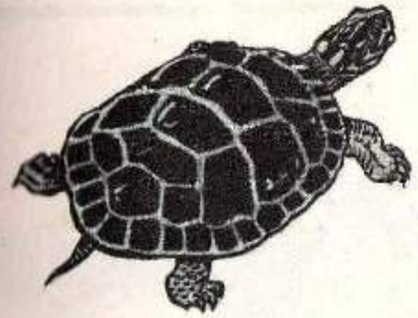

con rùa

r

chữ r

EM ĐỌC :

rỏ-rẽ, rễ me, ra lộ,
mẹ ru tơ, rồ cá rô,
tí rờ ô-tô, tơ xé lá bí rợ,
tí rủ tơ đi ra bờ đê.

thuongxua.vn

EM VIẾT : tí rủ tơ đi ra bờ đê.

EM HÁT EM CHƠI : con dế.

bạn em cho em một con dế,
trông nó đen như than hầm.
khuya nó kêu ré ré ré.
sáng nó kêu rè rè rè.
tối nó kêu rè rè rè.

Chú ý : xem bản nhạc « con dế » ở phần phụ-lục.

chi cắm hoa sứ

se-sẻ

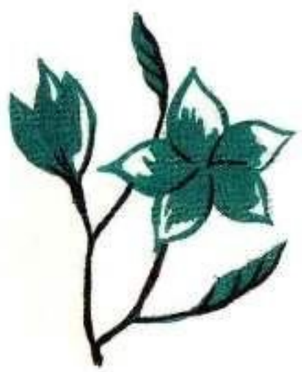

hoa sứ

hộp sữa

sâu đo

S

chữ s

EM ĐỌC :

vỏ sò, sọ gà, se-sẻ,
tơ sợ sư-tử, tí có lọ sứ,
ba tí từ sở ra về,
tí sợ ra lộ có xe cộ.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT : tí sợ ra lộ có xe cộ.

EM HÁT EM CHƠI : mù-sỏa mù-soa.

mù-sỏa mù-soa,
tao cho xuống đất.
đứa nào sợ quất,
sờ lại phía sau.
đứa nào sợ đau,
mau mau chạy trốn.

ch nh

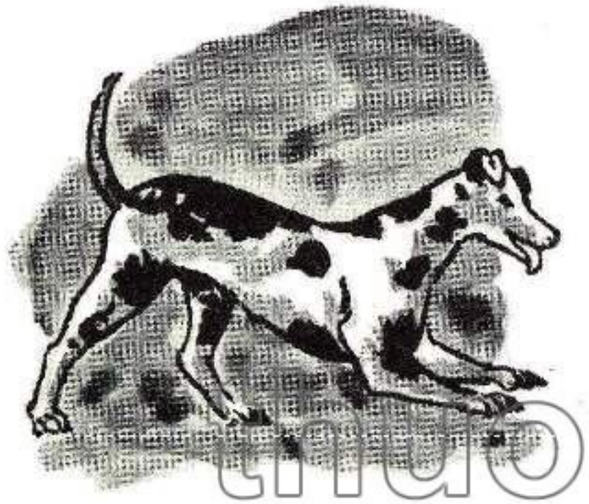

thuongmaitruongxua.vn

chó vá nhà lá

EM ĐỌC TIẾNG : chỉ tơ, chợ cá,
chó nhỏ, chủ nhà,
nhè-nhẹ, nho-nhỏ,
nhồ mạ.

EM ĐỌC BÀI : chú lạ vô nhà tí.

chú lạ vô nhà tí.
chó vồ dễ sợ.
tí đi ra.
chú lạ la to: «chó, chó!
nhỏ, la chó cho chú!»

EM VIẾT : chú lạ vô nhà tí.

35

th kh

thợ hồ khỉ nhỏ

EM ĐỌC TIẾNG : thú nhà, thỏ nhỏ,
thư từ, lá khô,
khò-khè, kha-khá,
khe-khẽ, kho cá.

EM ĐỌC BÀI : có thư về.

cha tí đi xa.
cả nhà chờ thư cha.
có thư về.
mẹ tí mở thư.
tí la : «thư ba, hả má ?»
má tí khẽ ừ.

EM VIẾT : tí chờ thư cha, tí chờ thư cha

thuongmaitruongxua.vn

ph gh

lá cà-phê

ghế gỗ

EM ĐỌC TIẾNG : cá phi, phố-xá, phì-phà, ghe đò, gồ-ghề ghê sợ.

EM ĐỌC BÀI : tí ra nhà chú.

tí và cha đi ghe.
ghe ghé nhà chú.
chú pha cà-phê cho cha tí.
chú cho tí cá phi.

EM VIẾT : chú cho tí cá phi.

thuongmaitruongxua.vn

ng ngh

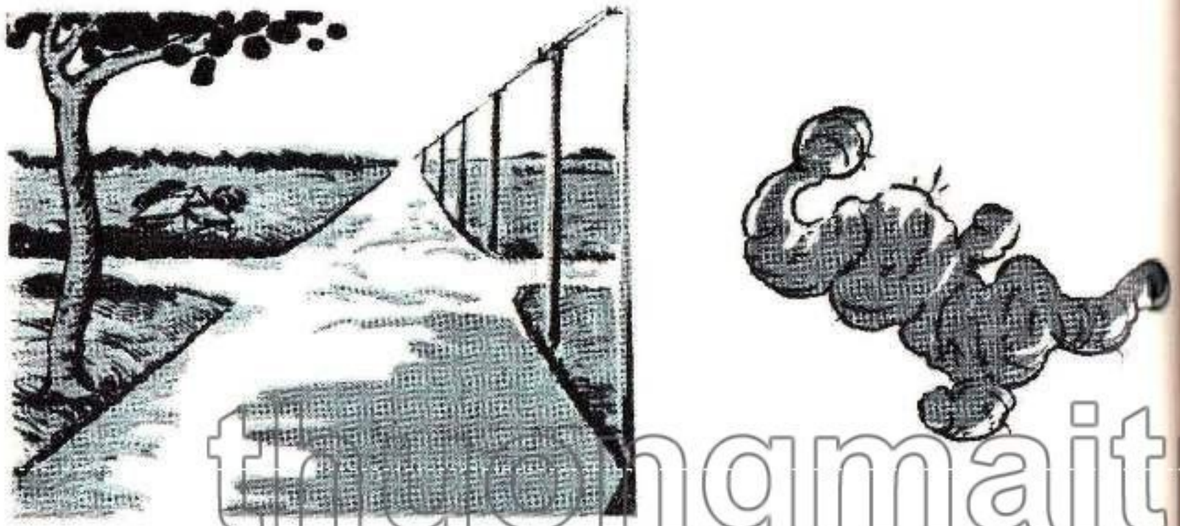

ngả tư

củ nghệ

EM ĐỌC TIẾNG : ngó ra, ngủ mê,
ngộ-ngộ, tơ té ngã,
nghé ngọ, nghỉ hè.

EM ĐỌC BÀI : tơ cò-cò ra ngõ.

tơ cò-cò ra ngõ.
tí la: «á ngộ! á ngộ!»
mẹ ngó ra, sợ tơ ngã.
mẹ tơ la:
«tơ, nghỉ đi, té đa nghe!»
tơ nghe mẹ, vô nhà nghỉ.

EM VIẾT : tơ nghe mẹ, vô nhà nghỉ.

thuongmaitruongxua.vn

tr · qu

thuongmaitruongxua.vn

cá trê khổ-qua.

EM ĐỌC TIẾNG : lá tre, cá tra,
cá trê, trẻ nhỏ,
quê nhà, lá quế,
té quỵ, quả cà-na.

EM ĐỌC BÀI : cá tra to quá.

chi, tí về quê.
chú tư dỡ chà, cho tí cá.
có đủ thứ cá:
cá he, cá rô, cá trê, cá tra.
tí chỉ cá tra, la to:
«cá tra to quá, chị chi à!»

EM VIET : cá tra to quá, cá tra to quá.

39

gi

thuongmaitruongxua.vn

cụ già giỏ gà

EM ĐỌC TIẾNG : chó già, gà giò,
giỏ gà, gió to,
trả giá, giữ nhà,
ba giờ.

EM ĐỌC BÀI : chi, tí về nhà.

đã ba giờ,
chú tư cho chi cá trê,
chú cho tí giỏ gà giò,
chi bỏ cá trê vô giỏ tre.
tí giữ giỏ gà,
chi, tí ra xe về nhà.

EM VIẾT : chi bỏ cá trê vô giỏ tre.

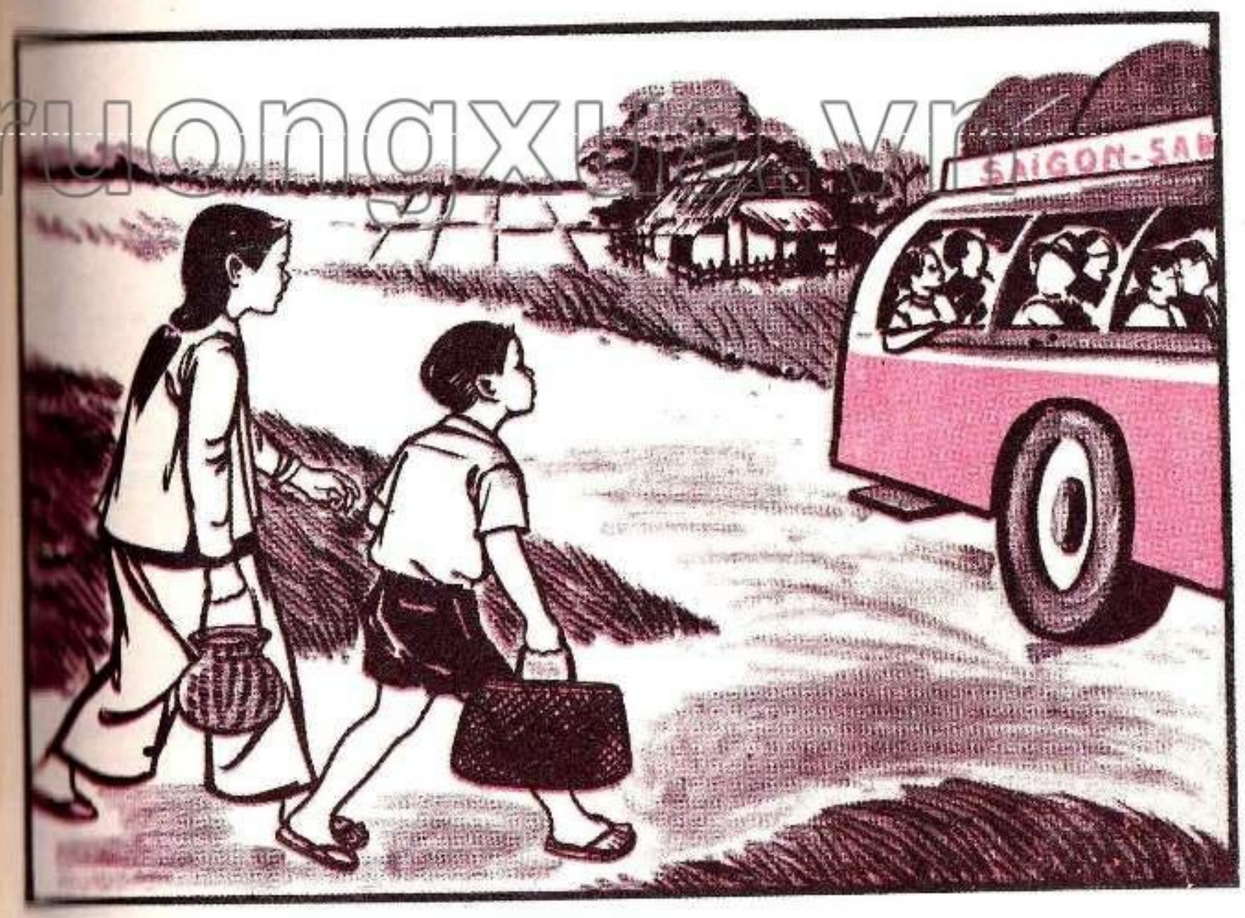

ai oi ui

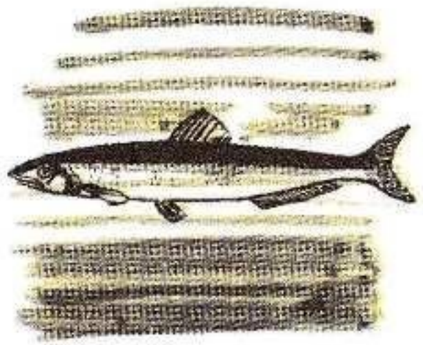

rái cá cá mòi trái núi

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : cái chai, chị hai,
mui xe, vui-vẻ.
cãi-cọ, củ tỏi, lòi-tói (1),
vòi voi, cùi chỏ.

(1) dây xích.

EM ĐỌC BÀI : tí coi voi.

chi, tí, tơ đi sở thú.
tí vui-vẻ nói:
«lại coi voi nghe tơ!»
tơ nói: «voi mà coi cái gì!»
tí cãi lại: «ý, voi ngộ chớ!
voi có vòi nè, có ngà nè!»

EM VIẾT : voi có vòi, có ngà.

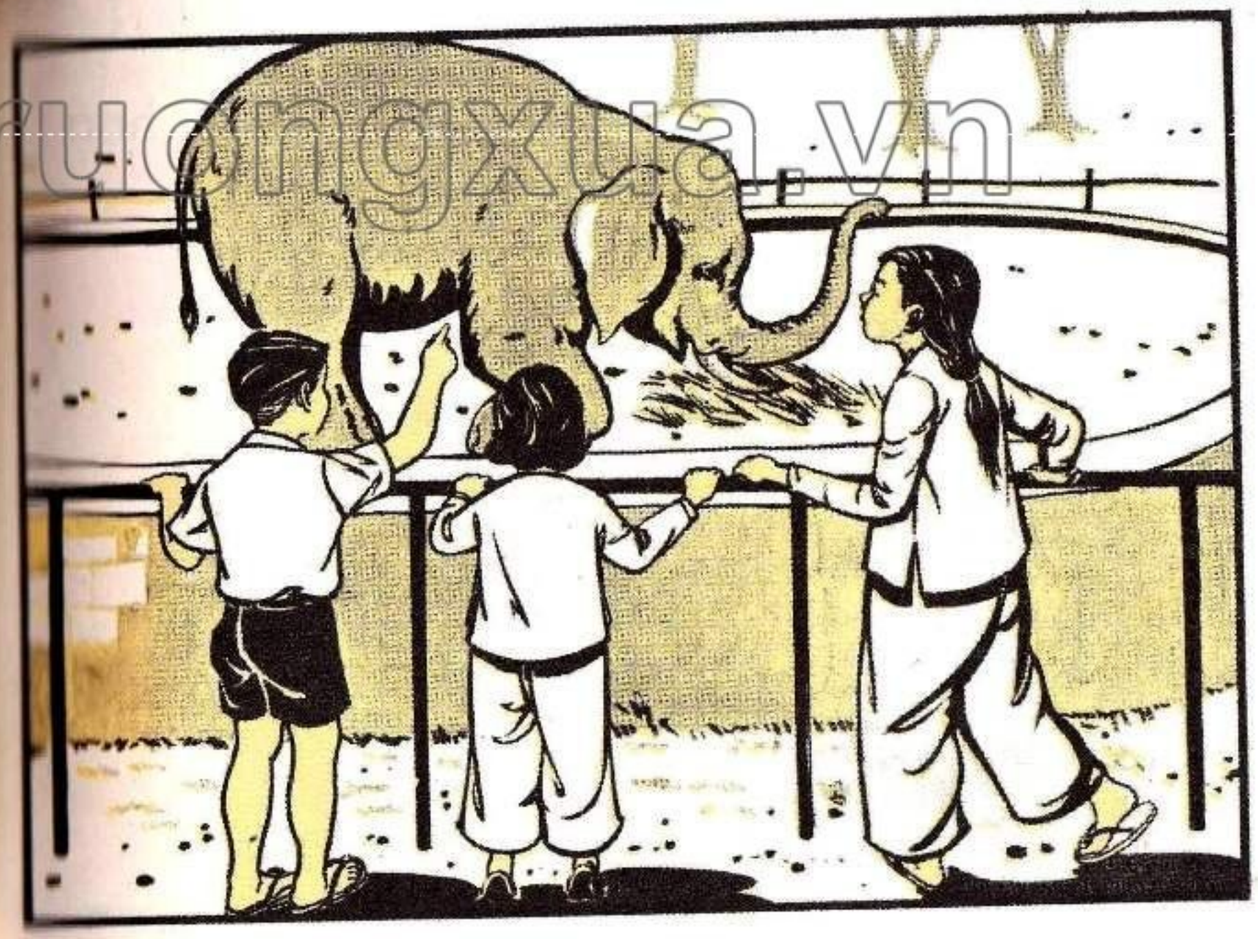

ôi, ơi, ưi

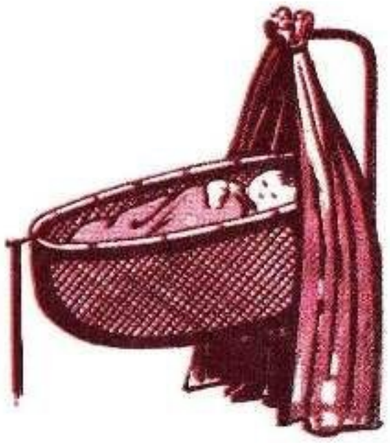

cái nồi dơi quạ ngửi hoa

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : gói xôi, cái cối,
dơi quạ (1) bơi lội,
ngồi chơi, gửi thư,
ngửi hoa

Chú ý : hoa đọc ho-a.
(1) loại dơi lớn.

EM ĐỌC BÀI : tí cho tơ xôi đi!

tơ ngồi chơi với chú voi vải.
tí ngửi ngửi gói xôi.
tơ ngó gói xôi, nói với tí:
«tí cho tơ xôi đi!
rồi tơ cho tí chơi voi với tơ».
tí cho tơ xôi.
cả hai ngồi lại chơi.

EM VIẾT : tí cho tơ gói xôi.

ao, eo

thuongmaitruongxua.vn

cái ao heo nái

EM ĐỌC TIẾNG : cô giáo, cào cào, cao-ráo, khéo-léo, leo trèo, áo dài, mèo cao-su.

EM ĐỌC BÀI : thôi má về đi!

tơ kéo áo mẹ, ngó cô giáo nói:
«má ở lại với tơ nghe má!»
cô giáo bảo nhỏ: «tơ chớ sợ
cô cho tơ chú mèo cao-su nè!»
tơ vui-vẻ nói với mẹ:
«má ơi, thôi má về đi!»

EM VIẾT : cô giáo cho tơ chú mèo cao-su.

43

ua, ưa, ia

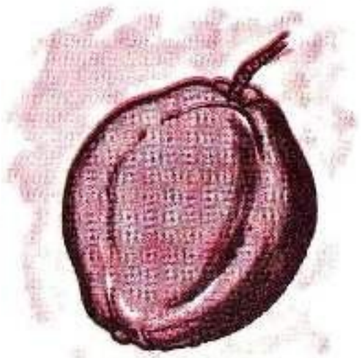

cái búa trái dừa cá thia-thia.

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : mùa mưa, nô đùa,
dưa leo, chợ trưa,
cá thia-thia, cái nĩa.

EM VIẾT : chi mua mía cho tí.

EM ĐỌC BÀI : ai mua mía?

«ai mua mía?»
tí ngồi vẽ, nghe rao, vội đi ra.
nó gọi lia-lịa: «mía! mía!»
chi hỏi: «tí vẽ rồi chưa?»
tí trả lời: «thưa chưa!»
chi bảo: «tí trở vô vẽ đi,
để chị mua mía cho!».

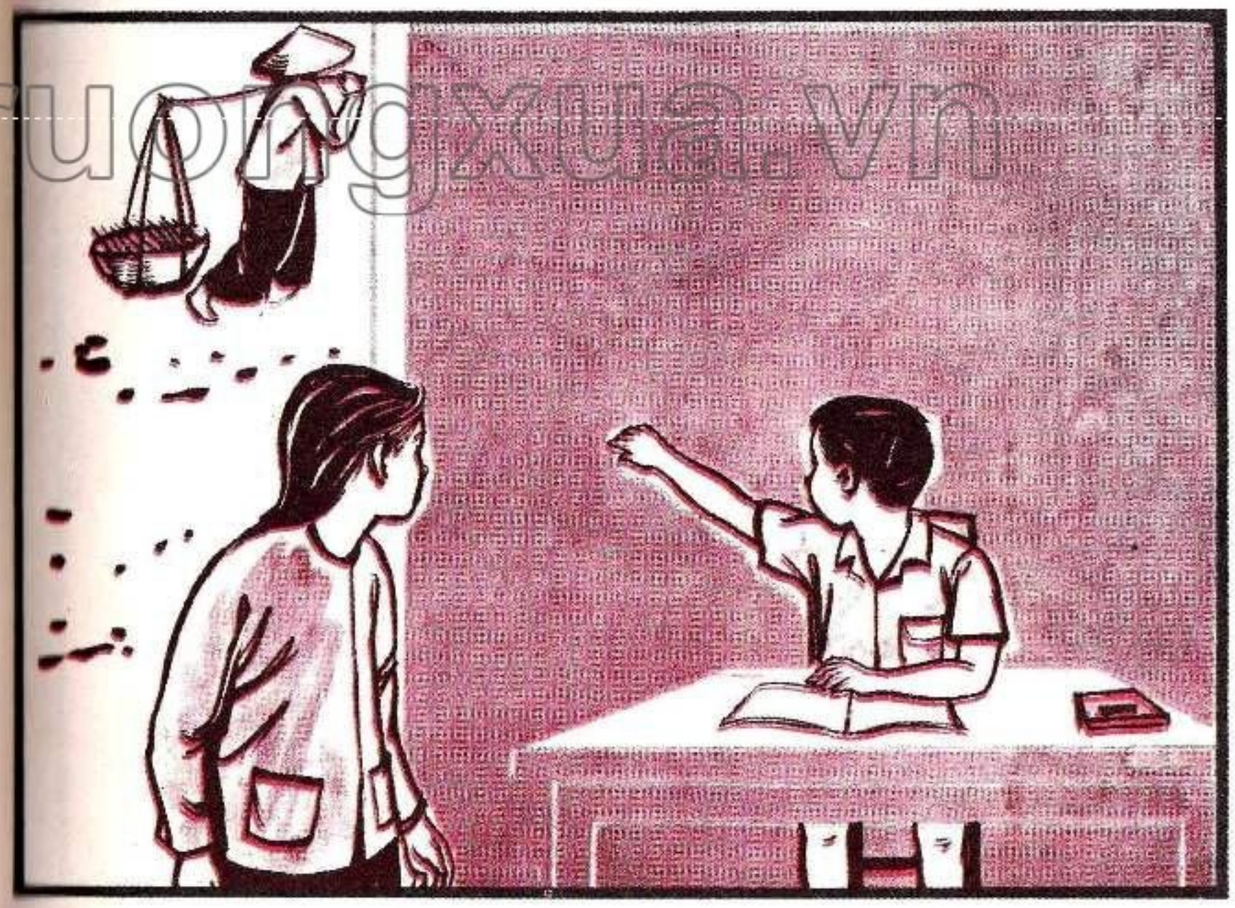

au, iu, âu

trái cau cái rìu cá sấu

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : mau lẹ, lau chùi,
nhỏ xíu, hiu-hiu,
châu-chấu, xấu-xí.

EM VIẾT : tí cho tơ châu-chấu.

EM ĐỌC BÀI : tí cho tơ châu-chấu.

gió hiu-hiu thổi.
tơ ngồi dựa đầu vào ghế ngủ.
tí từ nhà sau gọi to :
«tơ ơi! châu chấu nè! mau lại coi»!
tơ hỏi : «đâu? đâu? cho tơ đi!»
tí đưa châu chấu cho tơ.

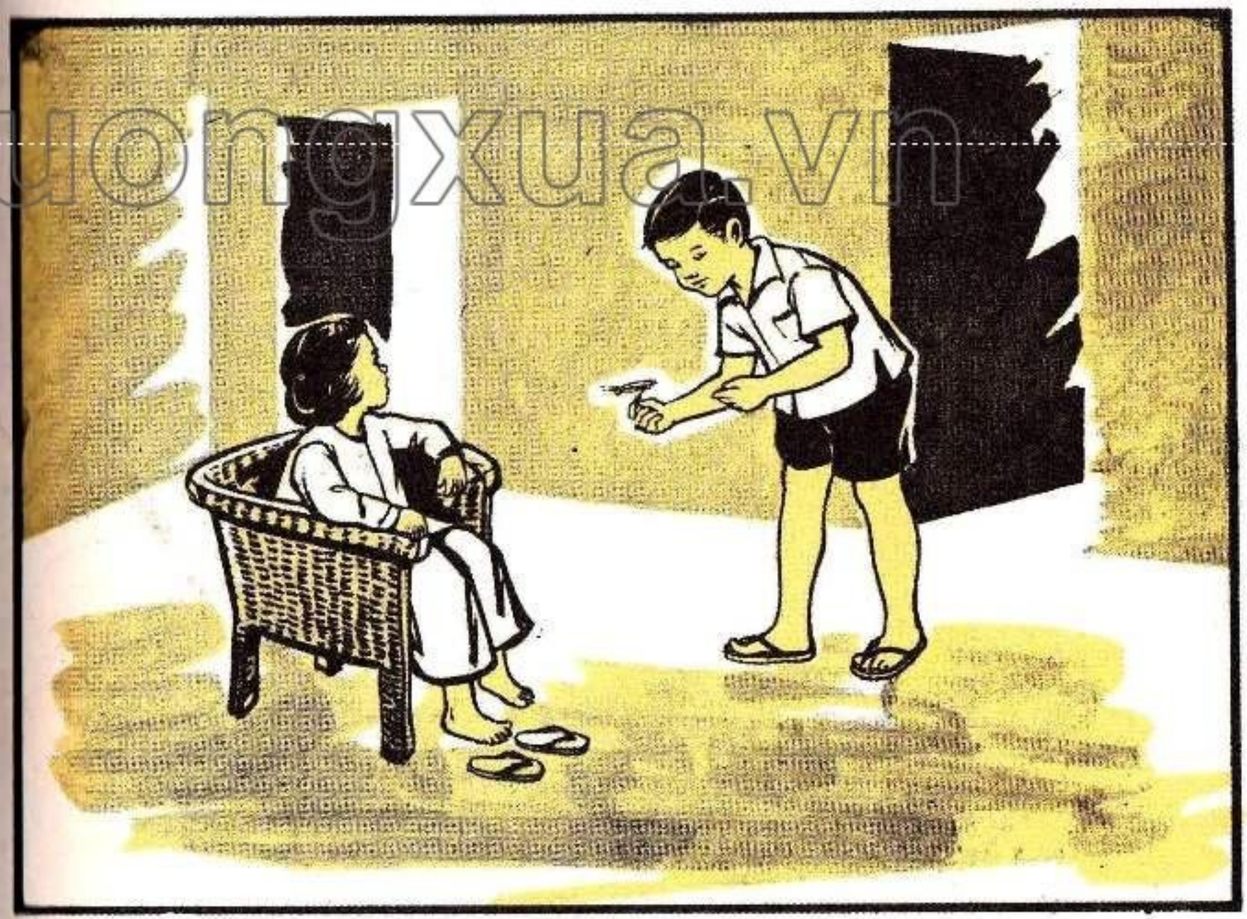

êu, ưu, ay, ây.

lều vải

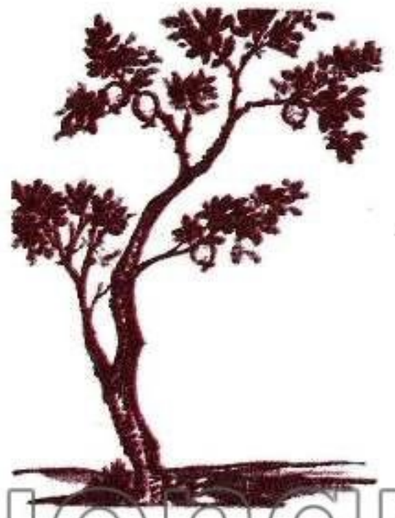

cây lựu

máy bay

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : thêu áo, mếu-máo,
lá lựu, bé sửu,
tay phải, tay trái,
máy may, cây sậy,
dây mây, bầy trâu.

EM ĐỌC BÀI : áo bé sửu ngộ quá!

tí vừa chạy vô nhà vừa kêu :
«chị hai coi kìa,
áo bé sửu ngộ quá!
hai túi đều có thêu hoa lựu»
chi chạy ra coi rồi nói :
«tí có cái áo mới đó!
để chị thêu hoa lựu cho!»

EM VIẾT : túi áo bé sửu có thêu hoa lựu.

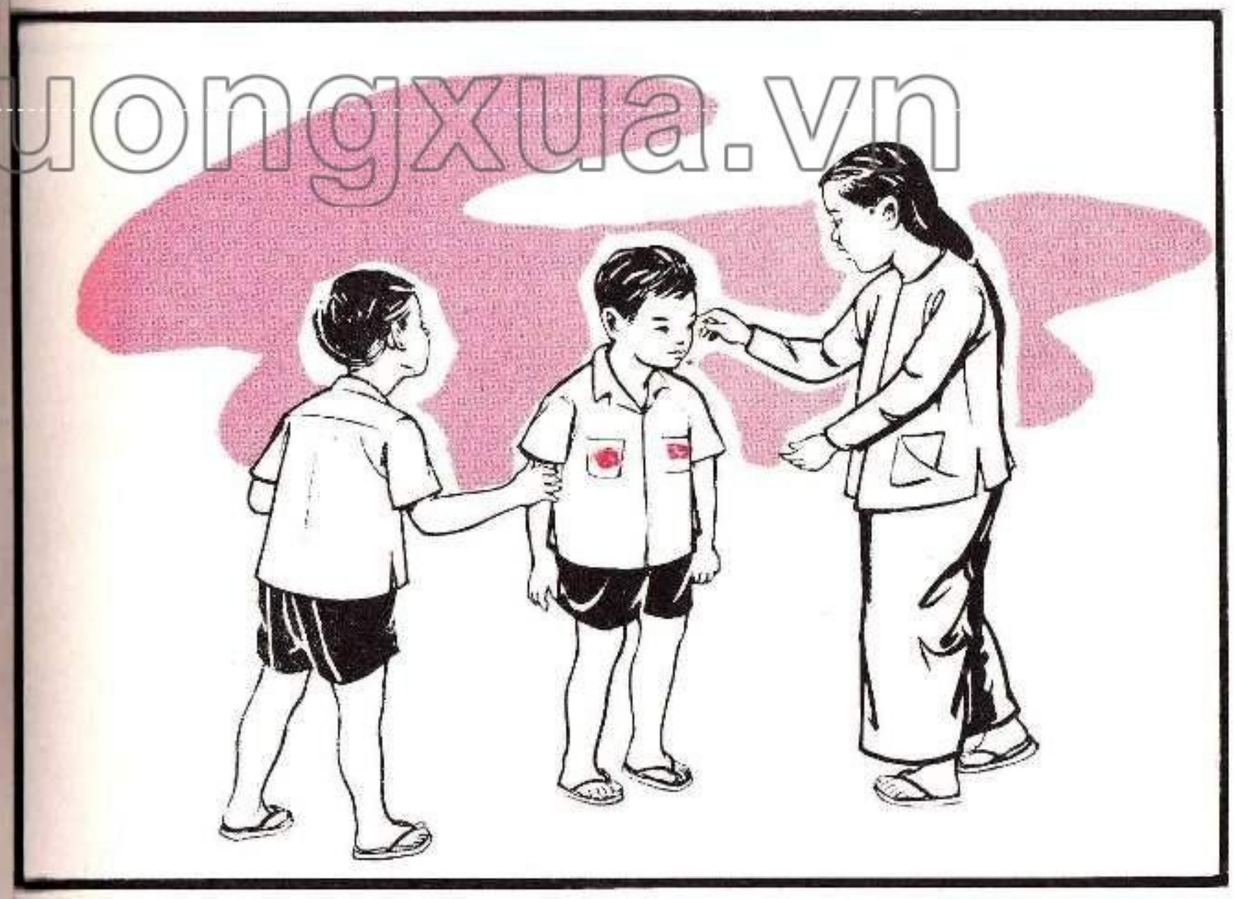

am, im, um em, om.

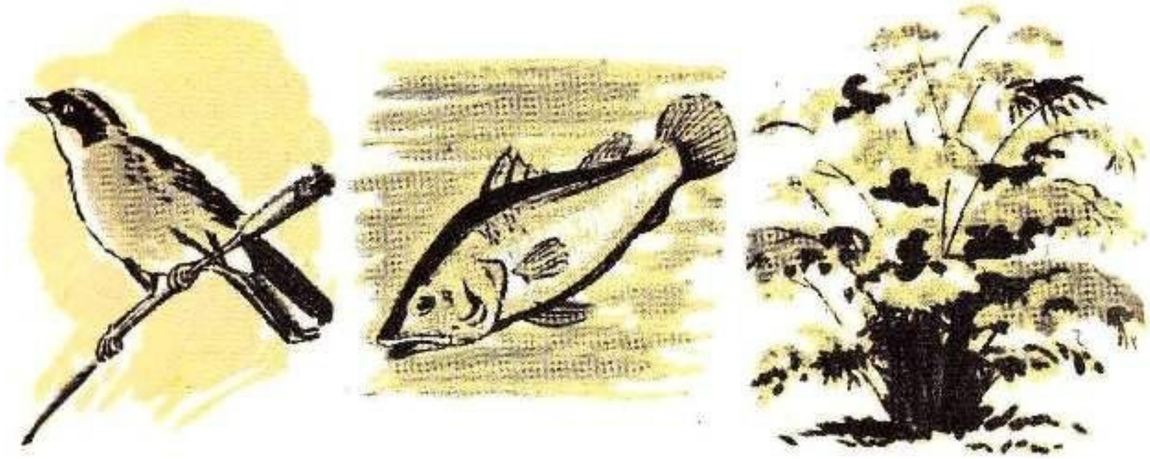

chim sâu cá chẽm khóm tre

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : trái cam, màu xám,
thím tám, lim-dim,
chùm cam, um-tùm,
nem chua, cà-rem,
trái khóm, lom-khom.

EM VIẾT : thím tám có ba trái khóm.

EM ĐỌC BÀI : chùm cam

thím tám đi xa mới về.
thím đem cho má tí giỏ trái cây:
hai chùm cam và ba trái khóm.
tí, tơ dòm thấy, tới lấy cam.
chi thấy vậy, rầy hai em:
«tí, tơ chớ lấy cam!
chờ ba má cho đã!»

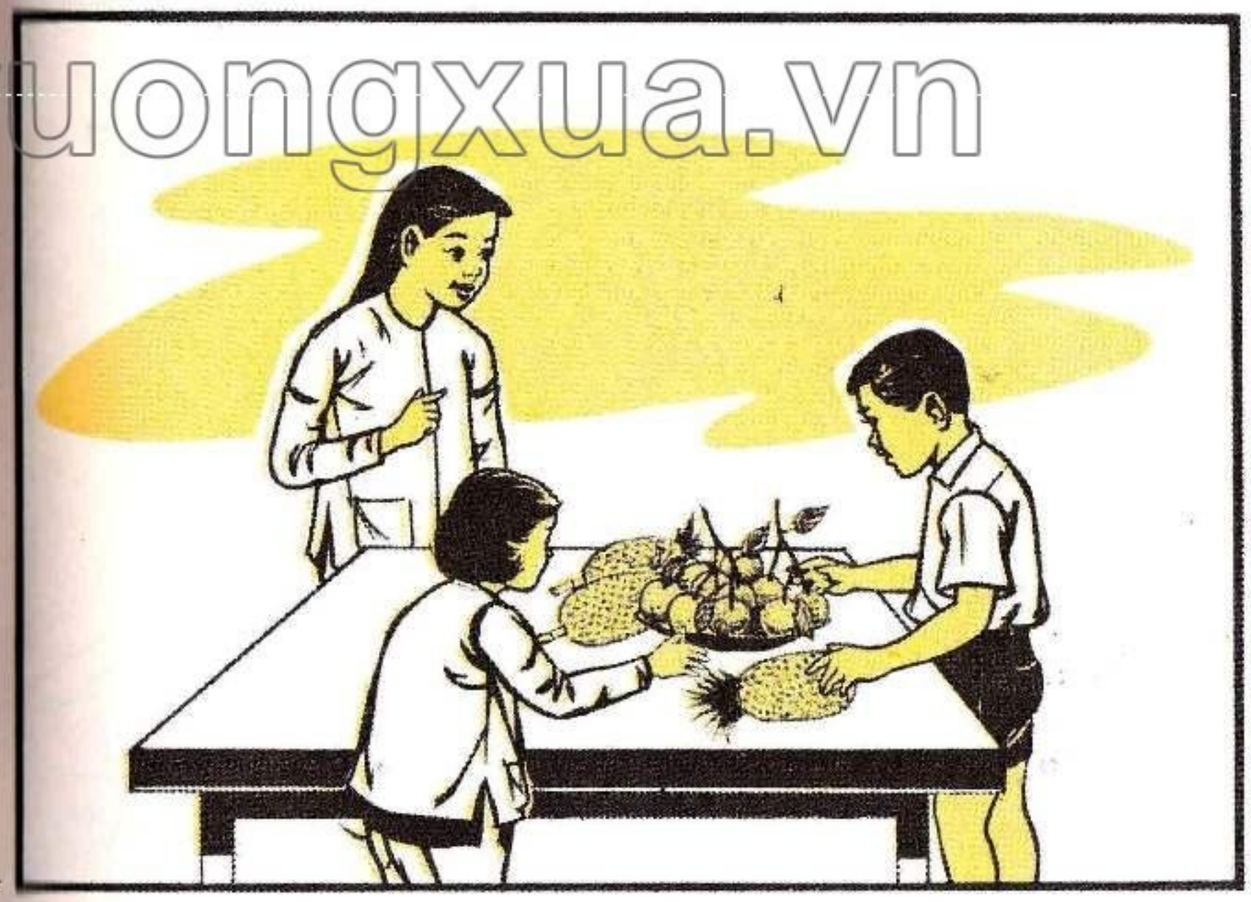

ăm, âm, êm, ôm, ơm.

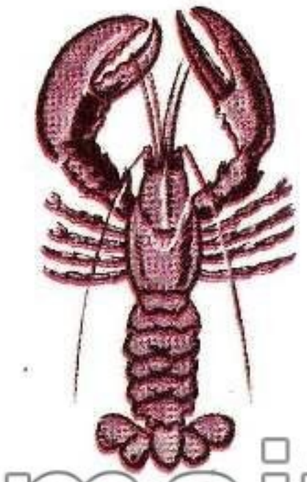

cây kềm mâm cơm tôm hùm

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : tăm tre, bụi-bặm,
ấm no, hầm-hầm,
êm-đềm, mềm-mại,
chôm-chôm, tôm hùm,
hoa thơm, đơm cơm.

EM VIẾT : má tơ chăm-nom cho tơ.

EM ĐỌC BÀI : tơ đau hàm.

bé tơ đau đã năm hôm.
đầu tơ hầm-hầm (1)
tơ nằm mê cả đêm.
tơ chả nghĩ tới cơm cháo gì cả.
mẹ tơ chăm-nom cho tơ.
tí đòi vô thăm em.
mẹ tơ nói :
«tí chớ lại chỗ tơ nằm».

(1) hâm-hấp sốt.

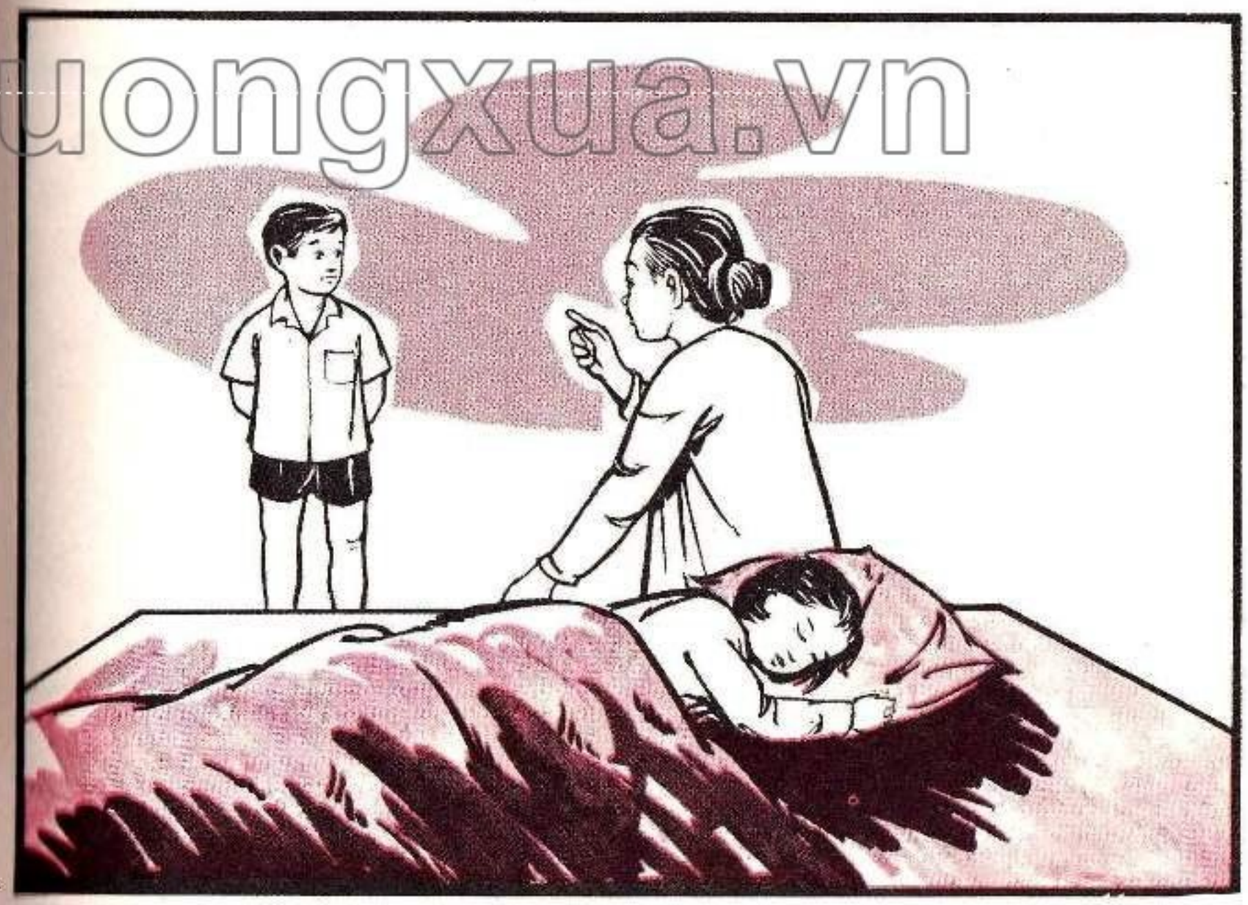

ap, ep, ip, op, up.

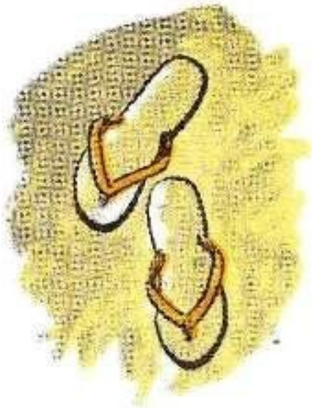

tháp chàm đôi dép bìm-bịp

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : cái khạp, chày đạp,
tôm tép, lẹp-xẹp,
cái nhíp, nhịp cầu,
má hóp, gom-góp,
hoa búp, lụp-xụp.

EM VIẾT : tí giúp mẹ rửa ly.

EM ĐỌC BÀI : có dịp chị mua dép mới cho!

tí từ nhà sau đi vào.
nó đưa dép cho chi xem và nói:
«chị chi ơi, dép em hư rồi!»
chi bảo:
«có dịp, chị mua dép mới cho!»
rồi ngó hai tay tí, chi hỏi:
«sao tay em móp (1) vậy?»
tí đáp: «em vừa giúp mẹ rửa ly».

Chú ý: trước khi dạy bài này, giáo viên nên cho học chữ « p » (pờ).
(1) nhăn-nheo vì ngâm nước lâu.

ăp, âp, êp, ôp, ơp.

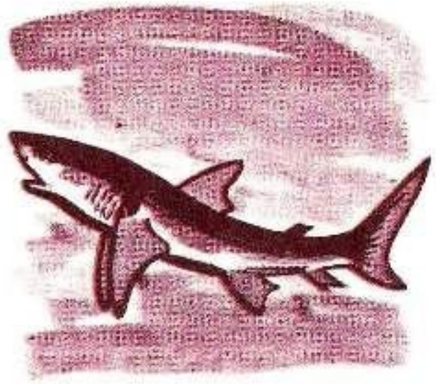

thuongmaitruongxua.vn

trái bắp cá mập, sấm chớp

EM ĐỌC TIẾNG : nắp nồi, khắp nơi,
đắp đập, tập vở,
cơm nếp, nhà bếp,
lốp-bốp, cộp-cộp,
lớp năm, lợp nhà.

EM VIẾT : chi sắp xếp tô, dĩa có thứ lớp.

EM ĐỌC BÀI : chi tập làm bếp.

chi vào bếp giúp mẹ.
chi sắp xếp tô, dĩa (1) có thứ lớp.
mẹ bảo : «chi nấu nếp đi!»
chi nhúm lửa, lửa cháy nổ lốp-bốp.
thấy tí đi tới, chi bảo :
«tí lấy nắp cho chị đậy nồi nếp».

(1) đĩa.

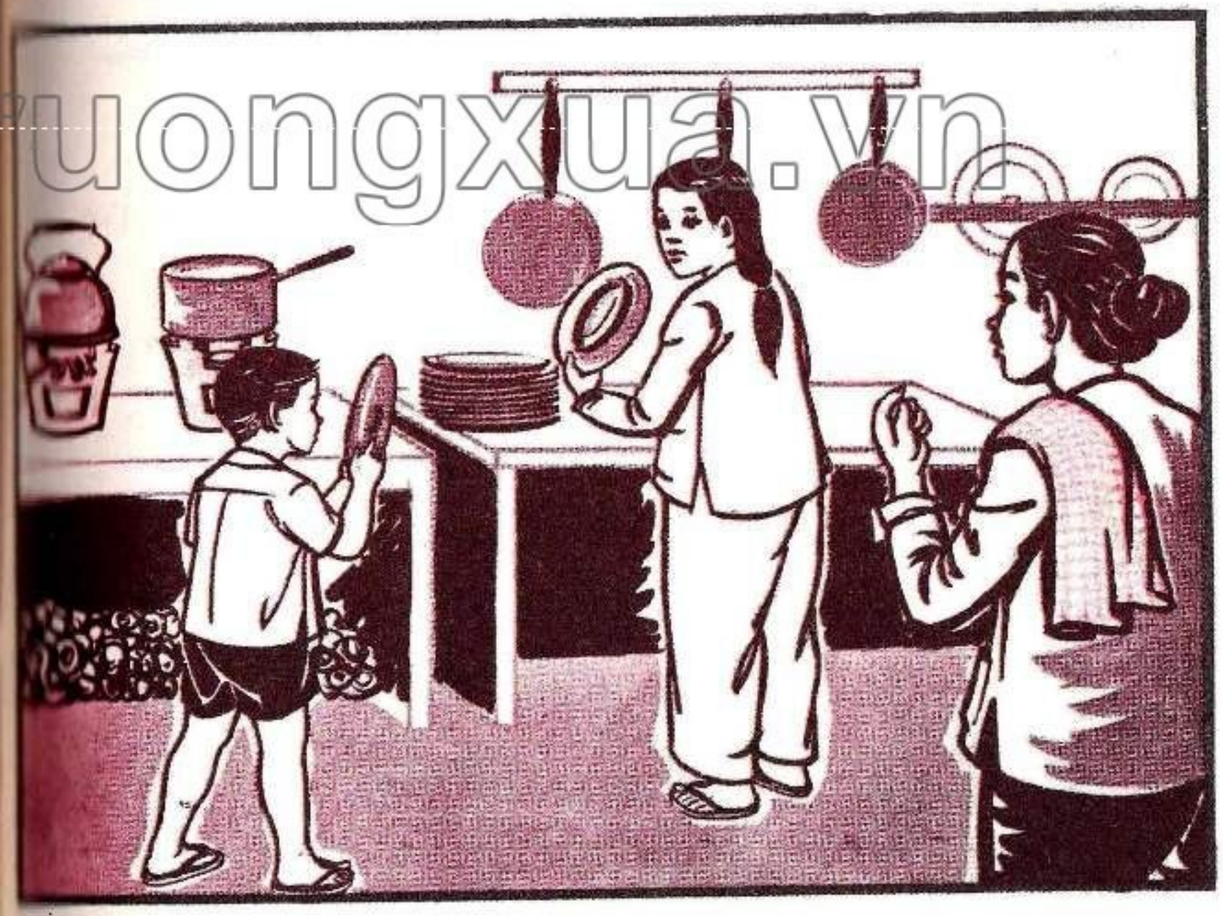

ac, ec, oc, uc.

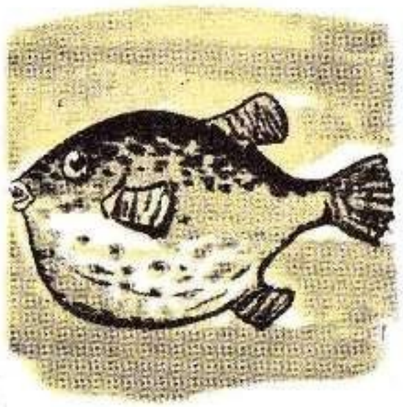

cái thác cá nóc bụi trúc

EM ĐỌC TIẾNG : đồ-đạc, rải-rác,
sa-đéc, cặp kéc,
học-trò, khó-nhọc,
cây đục, củi mục.

EM VIẾT : kéc ngộ quá.

EM ĐỌC BÀI : á, kéc ngộ quá!

tí, tơ về quê thăm bác hai.
bác hỏi: «sao các cháu lâu về vậy?»
tí thưa: «hai cháu phải đi học.
lúc nầy nghỉ, cháu mới về thăm bác».
bác hai nhớ tới cặp kéc mới mua,
bác nắm tay tí, tơ và bảo:
«hai cháu lại đây, bác cho coi kéc....»
tí reo to: «á, kéc ngộ quá!»

thuongmaitruongxua.vn

ăc, âc, ôc, ưc.

mắc áo ốc ma khô mực

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : mắc áo, cắc bạc, màu sắc,
bậc thềm, gió bấc, giấc ngủ,
dốc cầu, gốc cây, lốc-cốc,
chai mực, sức-lực, nực-nội.

EM VIẾT : cốc nầy chưa già, chắc chua lắm

EM ĐỌC BÀI : cốc nầy chắc chua lắm!

sau giấc ngủ trưa,
chi, tí, tơ qua xóm mới chơi.
tới xóm, tơ sực thấy mấy chùm cốc.
tơ hỏi : «trái gì đó, chị ?»
chi ngấc đầu ngó theo, đáp :
«trái cốc, em à!
cốc nầy chưa già, chắc chua lắm!».

ang, eng, ong, ung.

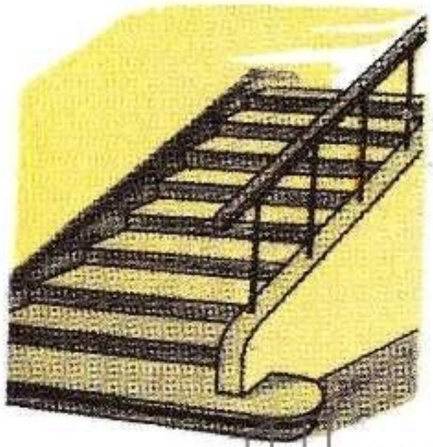

thuongmaitruongxua.vn

thang lầu cái xẻng chong-chóng

EM ĐỌC TIẾNG : cây nhang, hang đá,
cái xẻng, xà-beng,
bong-bóng, móng tay,
thùng dầu, thúng lúa.

EM VIẾT : tí đi cắm trại ở vũng-tàu.

EM ĐỌC BÀI : tí đi cắm trại về.

chi đang mong tí.
tí vào nhà, tí nói:
«thưa chị, em đi vũng-tàu mới về.
chúng em cắm trại vui lắm, chị à!
chúng em ở trong lều.»
chi hỏi: « các em làm sao che lều ?»
– «thầy có mang theo dao, xẻng.
thầy giúp chúng em che lều».

ăng, âng, ông, ưng.

vầng trăng bầy ngỗng heo rừng

EM ĐỌC TIẾNG : lăng-xăng, bằng-phẳng,
măng tre, ngằng cổ,
quằng đỏ, vâng lời,
gà trống, ống truc,
bông mồng gà, sừng trâu,
trứng gà, coi chừng.

EM ĐỌC BÀI : bông cúc trắng.

chậu cúc ba tí trồng đã có bông.
tám bông trắng to bằng nắm tay.
cha tí cắm ống trúc đỡ cây cúc.
tí, tơ đứng xem cha chăm-sóc cúc.
cha bảo: «tí, tơ coi chừng cúc».
tí, tơ thưa: «vâng!».

EM VIẾT : ba tí chăm sóc bông cúc.

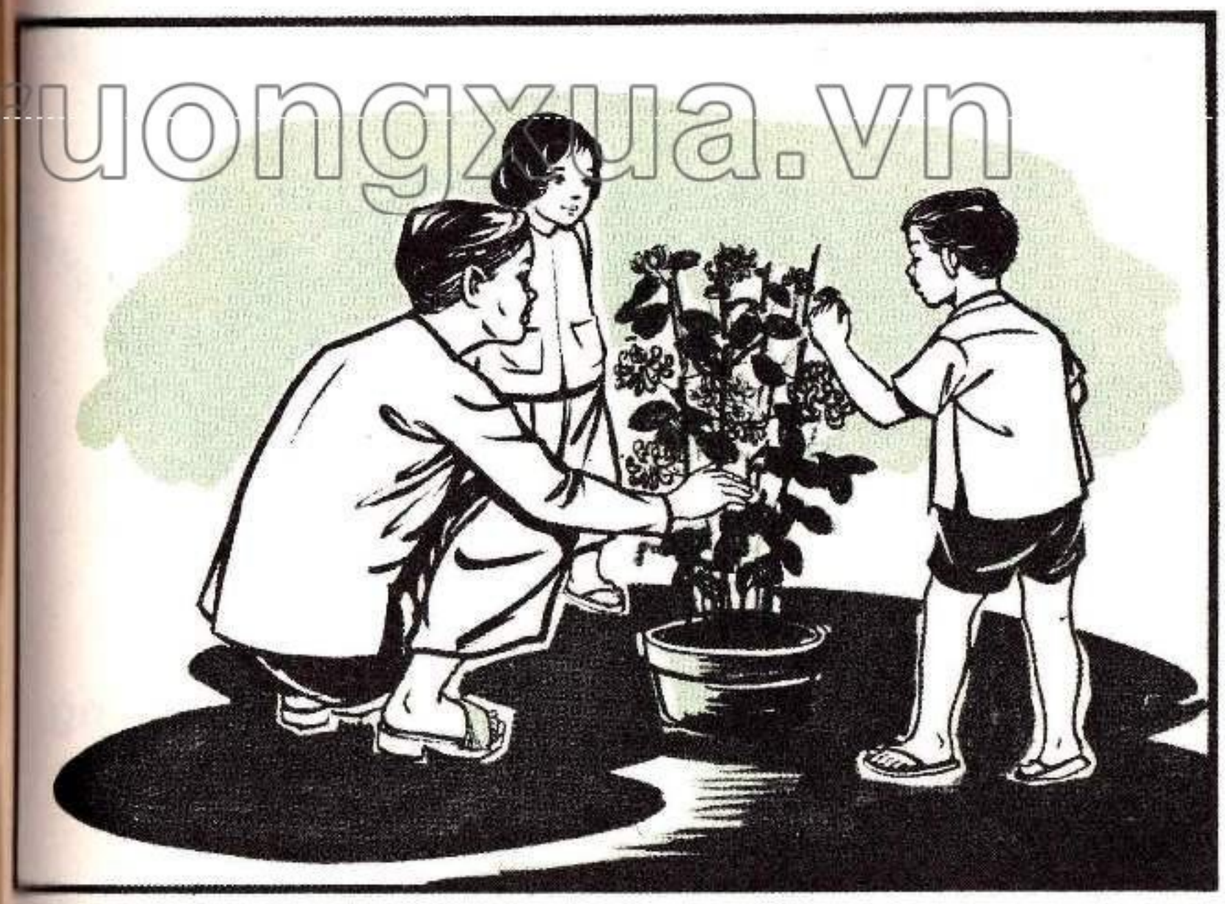

thuongmaitruongxua.vn

at, et, it, ot, ut.

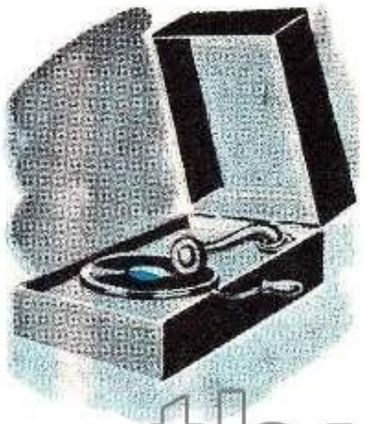

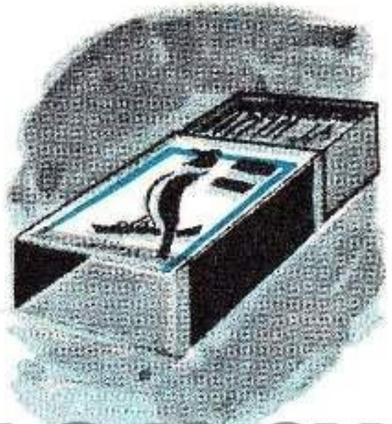

thuongmaitruongxua.vn

máy hát hộp quẹt bút máy

EM ĐỌC TIẾNG : quạt máy, ca hát,
cát trắng, hộp quẹt,
nghẹt mũi, cơm khét (1),
thịt vịt, trái mít, thịt bò,
chót vót, mót lúa, bọt xà-bông,
nút áo, giờ phút, bút chì.

(1) cơm khê.

EM ĐỌC BÀI : chi dỗ em.

cha mẹ chi đi xem hát.
chi nằm võng đưa em ngủ.
võng kêu cót-két.
tơ hỏi chi: «ba má đâu chị?»
chi đáp: «ba má đi xem hát»
tơ nói: «ba má lâu về quá!»
rồi nó thút-thít khóc.

EM VIẾT : võng kêu cót-két.

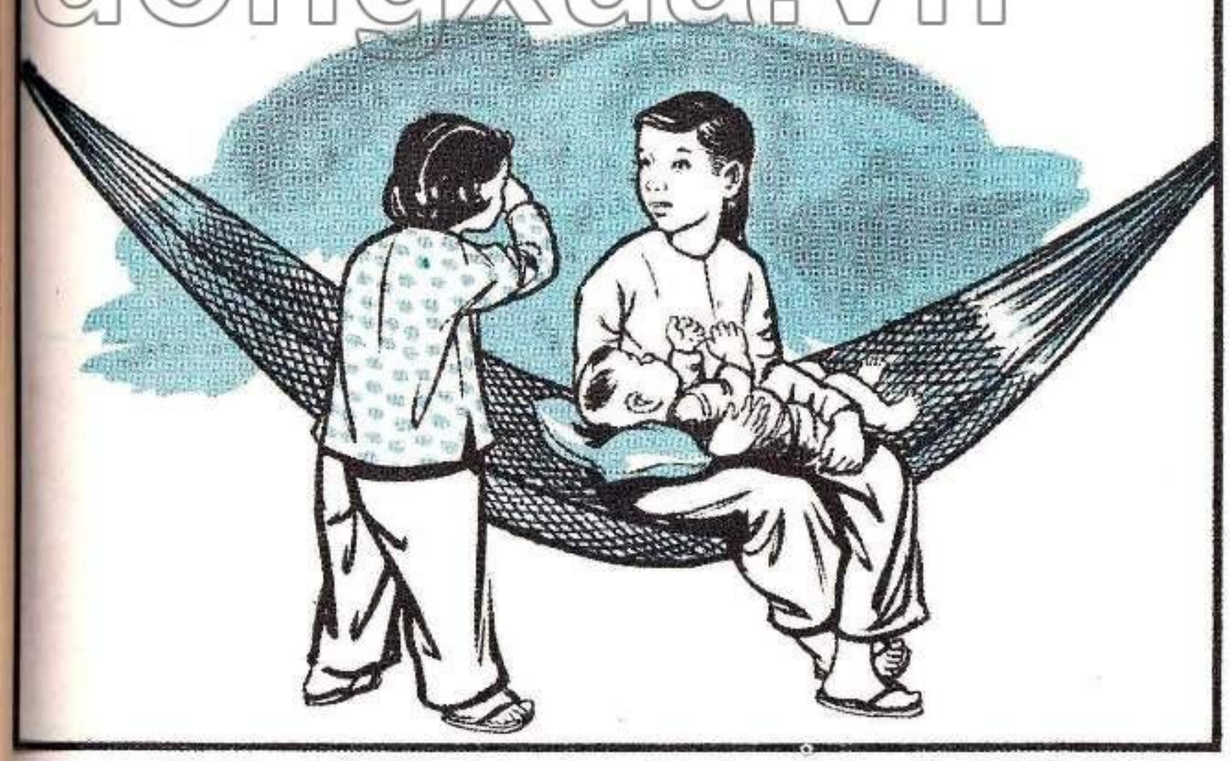

ăt, ât, êt, ôt, ơt, ưt.

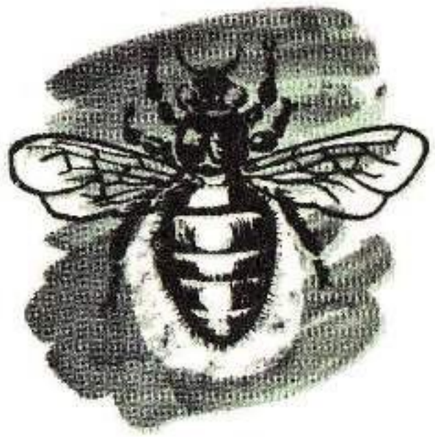

mặt nạ ong mật cây ớt

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : mặt mày, mí mắt, cửa sắt,
mật gấu, lễ phật, áo chật,
chợ tết, hết mệt, cái kết,
cột nhà, bột mì, hột mít,
trái ớt, hớt tóc, cái vợt,
mứt bí, lớp nhứt, bứt dây.

EM VIẾT : tí và nhựt dắt nhau đi học.

EM ĐỌC BÀI : tí và nhựt.

tí và nhựt cùng học một lớp.
hai đứa dắt nhau đi học.
hết giờ học, hai đứa cùng về.
một hôm, tí mệt, tí ở nhà.
nhựt lật-đật đi thăm tí.
nhựt hỏi: «tí bớt mệt chưa?»
tí đáp:
«bớt rồi, mai tí đi học».

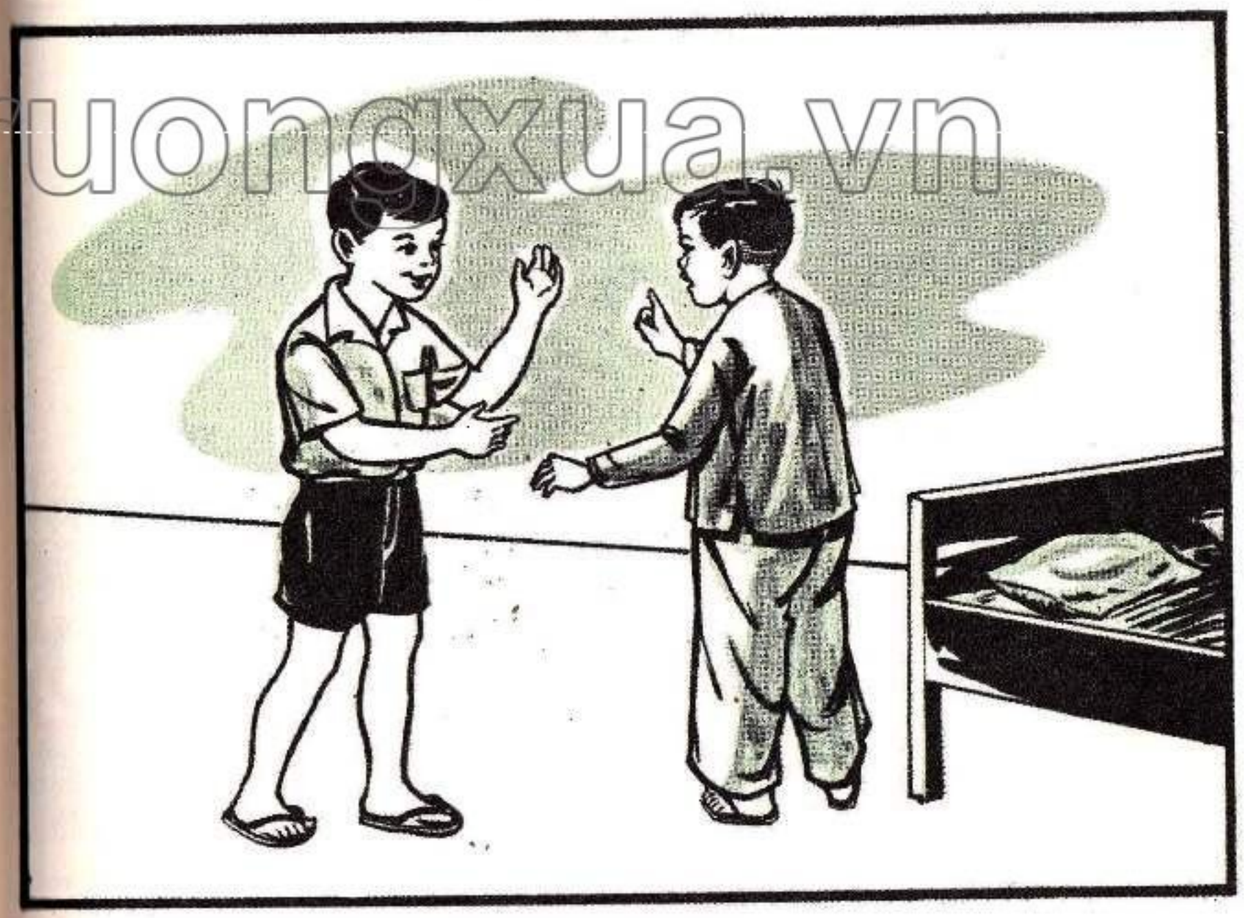

an, en, in, on, un.

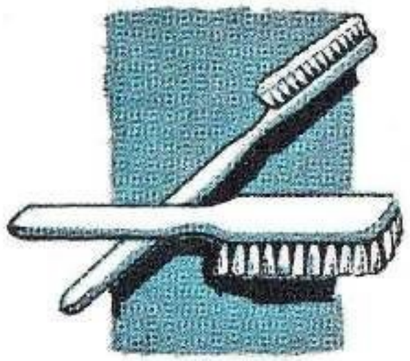

bàn chải

hồ sen

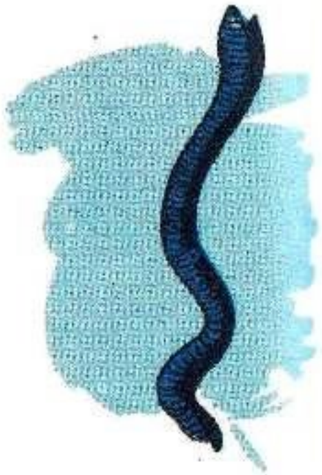

con trùn

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : ván gõ, lan-can, cán dao,
thợ rèn, kèn xe, cây đèn,
kín-mít, chữ in, ổi chín,
cây gòn, lon trùn (1), ngón tay,
bùn-lầy, mèo mun, áo thun.

EM VIẾT : con cá tòn-ten ở đầu dây.

(1) giun.

EM ĐỌC BÀI : chi và tí đi câu.

chi và tí xin mẹ đi câu.
tí cầm lon trùn.
chi treo giỏ vào cây trúc.
tới ao sen, chi ngồi ở cầu ván.
chi móc mồi rồi thả câu.
phao động, chi giựt lẹ.
một con cá tòn-ten ở đầu dây.

ăn, ân, ên, ôn, ơn, ưn.

thợ săn

nhền-nhện

con chồn

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : cái khăn, căn nhà, củ sắn,
sân rộng, đầu lân, trái mận,
mền nỉ, mũi tên, nền nhà,
lộn-xộn, con chồn, bồn cỏ,
cao lớn, con lợn, trơn-trợt,
chưn bàn, chưn đèn, nhưn (1) đậu.

EM VIẾT : hai bên rào có bốn chậu bông.

(1) nhân

EM ĐỌC BÀI : nhà cậu tí.

tí đi thăm cậu,
nhà cậu tí ở gần sông.
sân rộng có trồng mận, ổi.
hai bên rào có bốn chậu bông.
nhà lớn, có ba căn.
bàn thờ kê ở căn giữa.
trên bàn thờ có lư, chưn đèn.
hai căn hai bên nhỏ hẹp hơn.

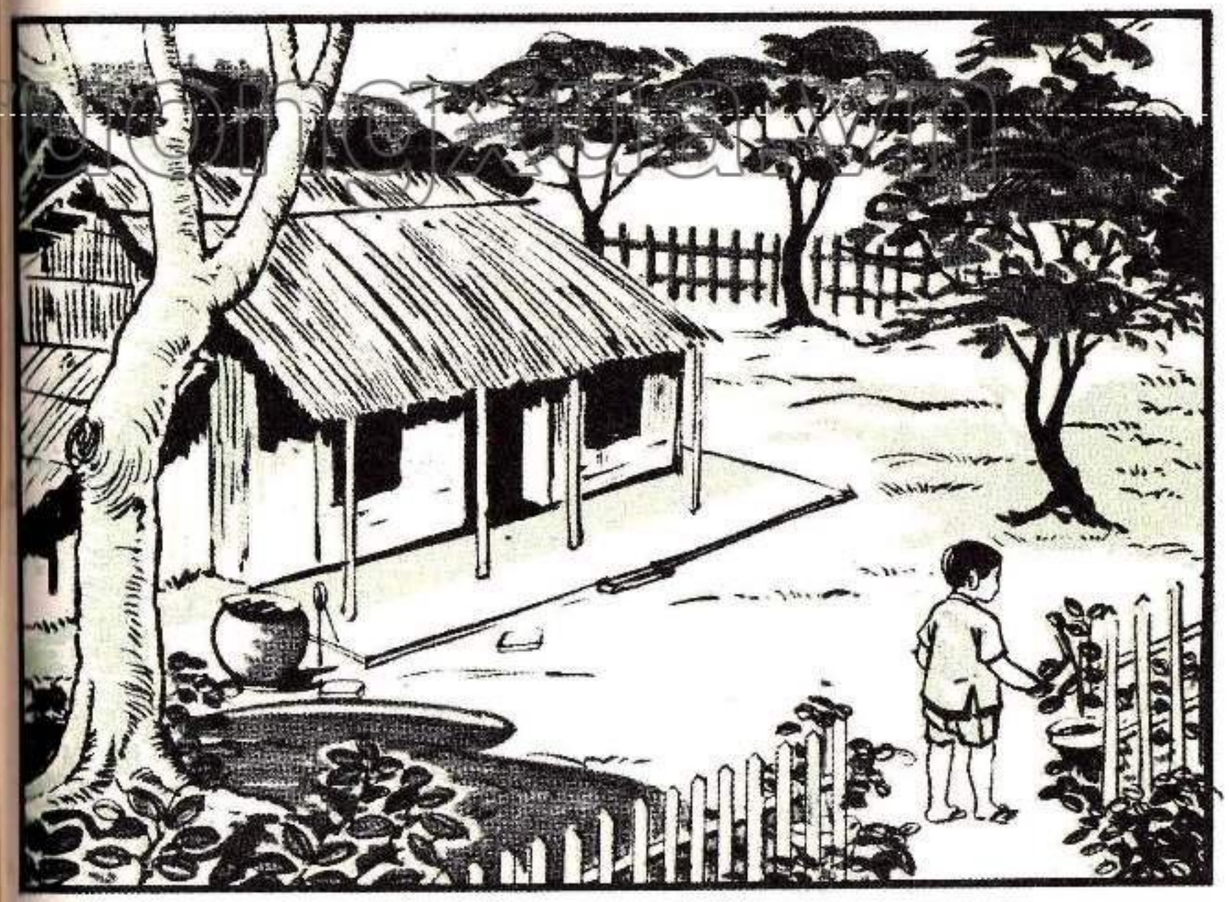

anh, inh, ênh.

trái banh bình lính bệnh xá

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : bánh canh, tranh ảnh,
nhánh cây, rung-rinh,
đóng đinh, sinh lầy,
bệnh nặng, gập-ghềnh,
mênh-mông.

EM VIẾT : bánh mới ra lò, ăn không bệnh.

EM ĐỌC BÀI : tơ làm bánh.

tơ ngồi làm bánh.
cạnh tơ có vỏ sò, lon cát.
chi, tí đứng coi.
tơ nhận cát đầy vỏ sò.
nó gõ bánh ra trên lá cây.
thấy chi, tí làm thinh, nó mời:
«mua đi anh, chị!
bánh mới ra lò, ăn không bệnh».

59

ach, ich, êch.

cái tách ống chích con ếch

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : sách vở, ngói gạch,
ì-ạch, tấm lịch,
dây xích, ống chích,
xốc-xếch, ếch nhái.

EM VIẾT : tí xách một túi bánh mì.

EM ĐỌC BÀI : tí đi chơi núi.

tí theo cha đi chơi núi.
tí xách một túi bánh mì.
cha tí mang giỏ đựng thức ăn.
hai cha con ì-ạch leo núi.
áo quần họ xốc-xếch.
cách một giờ sau, tí thấm mệt,
nhưng tí vẫn thích leo núi.

iêm, uôm, ươm, iêp, ươp.

con bướm cây điệp trái mướp

thuongmaitruongxua

EM ĐỌC TIẾNG : tìm kiếm, liềm hái, tiệm ăn,
ghe buồm, nhuộm áo, nhuốm bịnh,
cây gươm, cườm tay, bươm-bướm,
nghề-nghiệp, tiếp khách, cây điệp,
dây mướp, ướp cá, chơi cướp cờ.

EM VIẾT : bông điệp rung-rinh trên cành.

EM ĐỌC BÀI : tí nhuốm bịnh.

tí nhuốm bịnh.
tí nằm nghỉ trên ván.
nghe chi, tơ đùa giỡn ngoài sân,
nó mở mắt ra, ngó qua cửa sổ.
bươm-bướm vàng đáp trên giàn mướp.
gió thổi, bông điệp rung-rinh trên cành...
mẹ tí vào phòng bảo:
«mẹ đưa con đi bác-sĩ tiêm nghe».

iêc, uôc, ươc, iêng, uông, ương.

con diệc bông thược-dược chiếc xuồng

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : công-việc, tiệc trà, mến-tiếc,
cây đuốc, cuốc đất, uống thuốc,
cái lược, non nước, bông thược-dược,
cái giếng, xóm-diềng, tháng giêng,
rau muống, thường thường, ương cây.

EM VIẾT : tí theo cha viếng sở ương cây.

EM ĐỌC BÀI : tí viếng sở ương cây.

tí theo cha viếng sở ương cây.
công việc tại sở vui lắm:
đàn bà lại giếng lấy nước.
đàn ông dùng cuốc xuống đào mương.
thấy hoa thược-dược, tí thích lắm.
nó giơ tay định bẻ hoa ấy.
cha nó cản lại và nói: «con à!
tới sở ương cây không được bẻ hoa».

iêt, uôt, ươt, iên, uôn, ươn

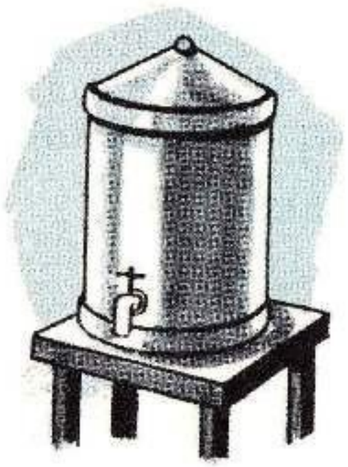

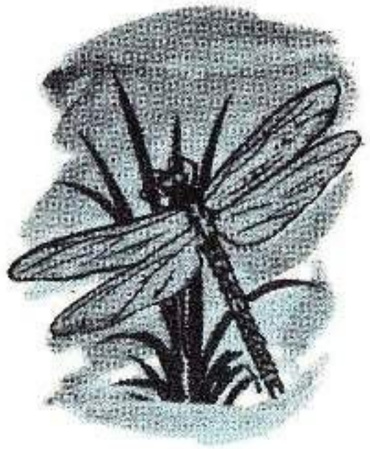

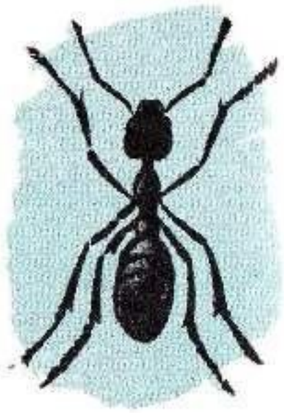

bình lượt nước con chuồn-chuồn con kiến

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : cây viết, thiệt-thà, biết đọc,
cầu tuột, chuột đồng, vuốt ve,
ướt-át, láng-mướt, lần-lượt,
viên đạn, kiến vàng, xe điện,
bánh cuốn, vườn tược, bươn-bả (1)

EM VIẾT : bốn cha con bươn-bả về nhà.

(1) vội-vã.

EM ĐỌC BÀI : bốn cha con đi phố.

bốn cha con vào tiệm buôn.
chi thích hàng sa-tanh láng-mướt.
tí muốn viết máy; tơ đòi xe điện.
cha vuốt đầu tơ, nói :
«xe điện mắc quá,
để ba mua xe hơi cho!»
ra khỏi tiệm trời sắp tối,
bốn cha con bươn-bả về nhà.

iêu, uôi, ươi, ươu.

bụi chuối

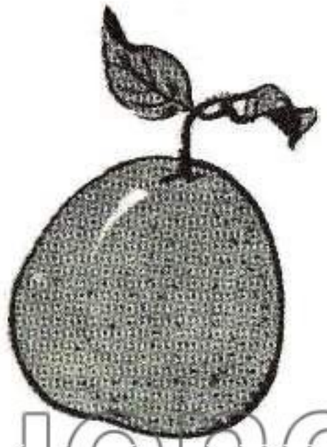

trái bưởi

ốc bươu

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : chiếc chiếu, chiều chiều,
hiệu buôn, ruồi muỗi, xâu chuỗi,
chuối chín, tươi cười,
tưới cây, le lưỡi, con hươu,
ốc bươu, rượu ngọt.

EM VIẾT : vườn có trồng chuối, bưởi.

EM ĐỌC BÀI : tí đi xem vườn.

cha tí cùng tí đi xem vườn.
vườn có trồng chuối, bưởi, cam quít,
tí chỉ con ốc đeo trên cây.
nó hỏi cha: «phải ốc bươu không, ba?»
cha tí đáp: «đó là ốc hương!»
nói xong, ba tí gỡ ốc liệng đi.

ya, yu, ynh, yêu, yên, yêt.

chim yến sò huyết yên ngựa

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC TIẾNG : đêm khuya, giặt-gỵa,
khuỷu tay, ngã khuỵu,
luýnh-quýnh, mừng quýnh,
yêu thương, ốm yếu,
chim yến, yên ngựa,
yết-thị, yết-hầu.

EM VIẾT : đêm đã khuya, đâu đó yên-lặng.

đêm đã khuya, đâu đó yên-lặng.
chi ngồi viết thư.
tí chống khuỷu tay lên bàn xem hình.
đề bao thư xong, chi đố tí :
«em đọc thử địa-chỉ nầy coi!»
tí đọc : «chị huỳnh thị tuyết,
học-sinh trường tiểu-học ba-xuyên.»
chi khen :
«em tí yêu của chị giỏi quá!»

Chú ý : khuya đọc : khu-ya huỳnh đọc : hu-ỳnh xuyên đọc : xu-yên.
khuỷu đọc : khu-ỷu luyết đọc : tu-yết.

EM ĐỌC BÀI :

Trên đường đi lò gốm.

Chúa-nhựt tuần rồi, cha Tí rảnh-rang.
Cha đưa Chi, Tí đi Lái-thiêu chơi.
Ba cha con theo con đường khúc-khuỷu.
Tí mệt nhoài chỉ gốc xoài nói:
«Thưa ba, mình ngồi đây nghỉ nghe ba!»
Ba Tí nhìn phía trước bảo: «Tới rồi.

thuongmaitruongxua.vn

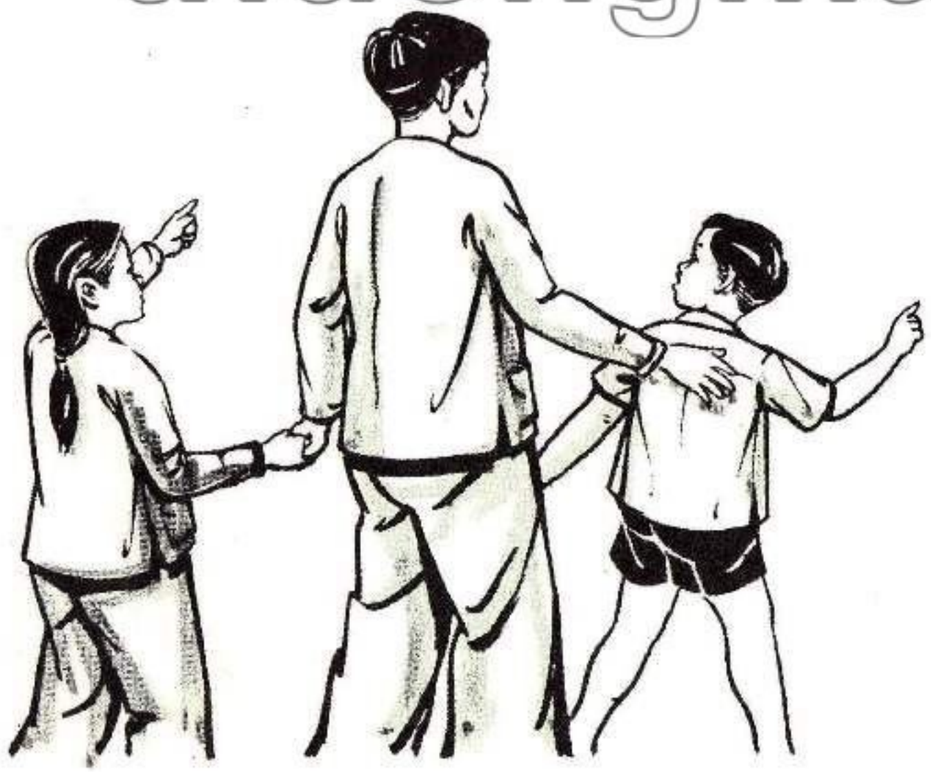

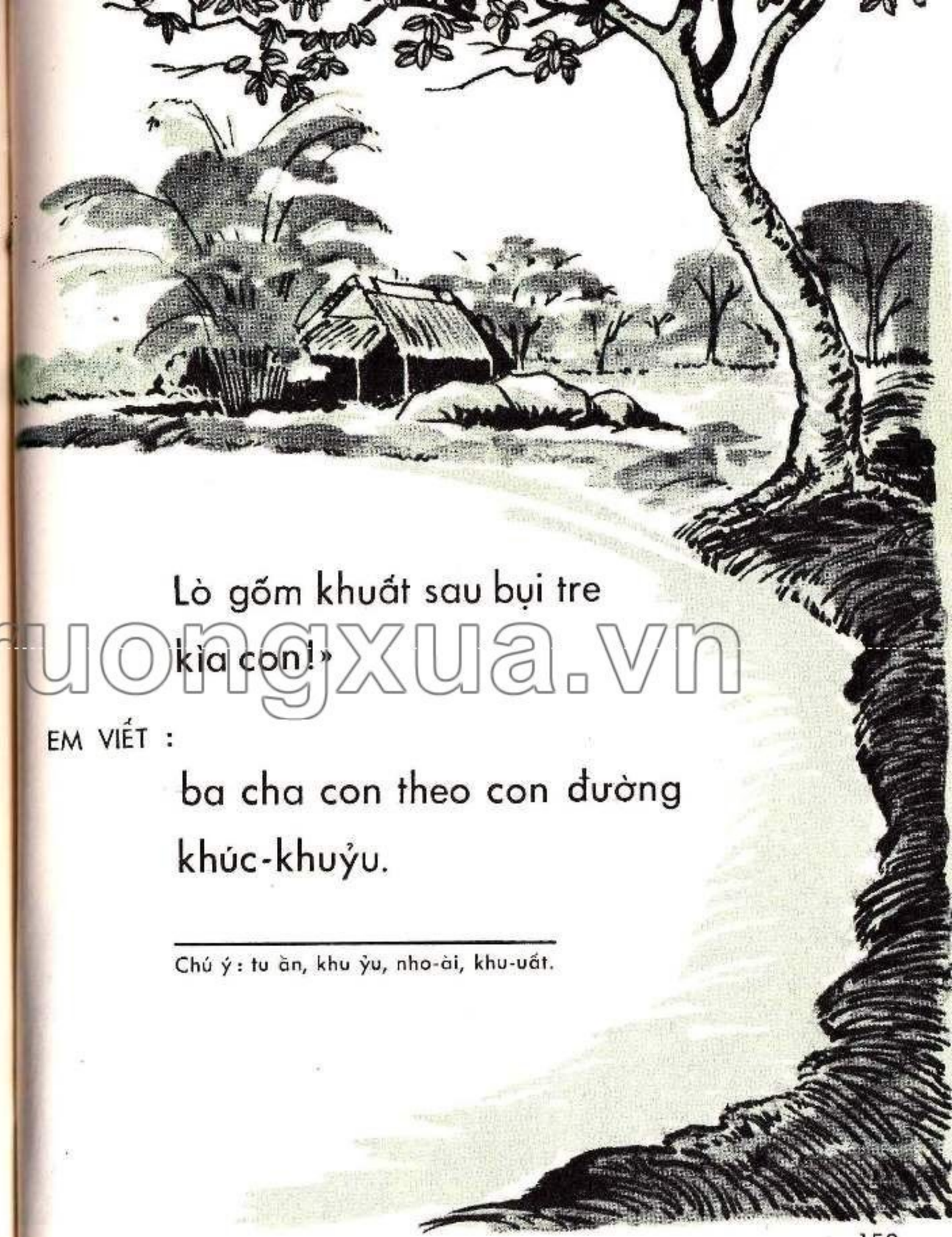

Lò gốm khuất sau bụi tre
kia con!»

EM VIẾT :

ba cha con theo con đường
khúc-khuỷu.

Chú ý: tu ần, khu ỷu, nho-ài, khu-uất.

EM ĐỌC BÀI :

Đống đất sét.

Đống đất choán một khoảnh sân lò gốm.
Chi, Tí ngoẹo cổ đứng nhìn.
Ông chủ lò ngoắt Chi, Tí lại gần.
Ông khoét hai cục đất cho Chi, Tí.
Chi khoanh tay, thưa :
«Cám ơn Ông!»

Tí bắt chước làm theo chị.
Chi lấy tay ngoáy cục đất rồi nói :
«Đất nầy nhuyễn quá Tí ơi!»

EM VIẾT :

đống đất choán một
khoảnh sân lò gốm.

Chú ý : cho ăn, khoảnh, ngoẹo, ngoắt, khoét, khoảnh, ngoáy, nhuyễn.

thongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC BÀI :

Trong lò gốm.

Mấy người thợ đàn bà loay-hoay vẽ.

Một chị lấy cọ khuấy tô nước thuốc.

Chị chấm màu quẹt nhoay-nhoáy mấy vòng.

Thế là chị vẽ xong cái hoa huệ.

Rồi chị đưa cọ bảo Chi vẽ thử.

Chi nhoẻn miệng cười, chăm-chỉ vẽ.

Nhưng Chi vẽ nguệch-ngoạc không thành hoa.

Tí bắt chước mèo kêu ngoao-ngoao và nói:

«Chị Chi vẽ hoa giống mèo quào quá!»

Chú ý: lo-ay, ho-ay, khu-ấy, ho-à, hu-ệ, nho-ẻn, ngu-ệch, ngo-ạc, ngo-ao.

EM VIẾT :

chi nhoẻn miệng cười, chăm-chỉ vẽ.

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC BÀI :

Chuyến đò ngang.

Tí liến-thoắng chạy huỳnh-huỵch
ra mé sông.
Tay ngoắt miệng kêu oang-oang.

«Chú lái đò ơi! đợi tôi đi với!»
Chi khuyên em: «đò khẳm rồi!
Chúng ta đợi chuyến sau sẽ đi»
Tí tiu-nguỷu ngồi nhìn dòng nước...
Chuyến đò thứ hai cặp bến.
Ba cha con thong-thả xuống thuyền.
Đò tách bến thoăn-thoắt lướt sóng.
Nước vỗ oàm-oạp vào be đò.

thuongmaitruongxua.vn

EM VIẾT :

tí liến-thoắng chạy huỳnh-huỵch
ra sông.

Chú ý: tho ắng, hu-ỳnh, hu ỵch, tho-ăn, tho-ắt, o-àm. o-ạp.

EM ĐỌC BÀI :

Tại nhà bác hai Hoằng.

Bác hai Hoằng là bạn của ba Tí.
Thuở nhỏ, hai người học trường Phước-Tuy.
Nhà bác khoảng-khoát (1) mát-mẻ.
Bác chỉ có một người con tên Xuân.
Bác tiếp ba Tí trong phòng khách.
Xuân rủ Chi, Tí ra ngoài sân chơi.
Xuân khoe kéc lông xanh, mỏ đỏ hoét.
Oành-oạch (2) kêu «te-te».
Nhưng Tí thích nhứt con cưỡng bông (3).

EM VIẾT :

nhà bác khoảng-khoát, mát-mẻ.

Chú ý : thu-ở, tu-y, kho-át kho-e, o-ạch.
(1) rộng rãi.
(2) loại chim giống chim chích-choè.
(3) loại sáo, lông có đốm trắng.

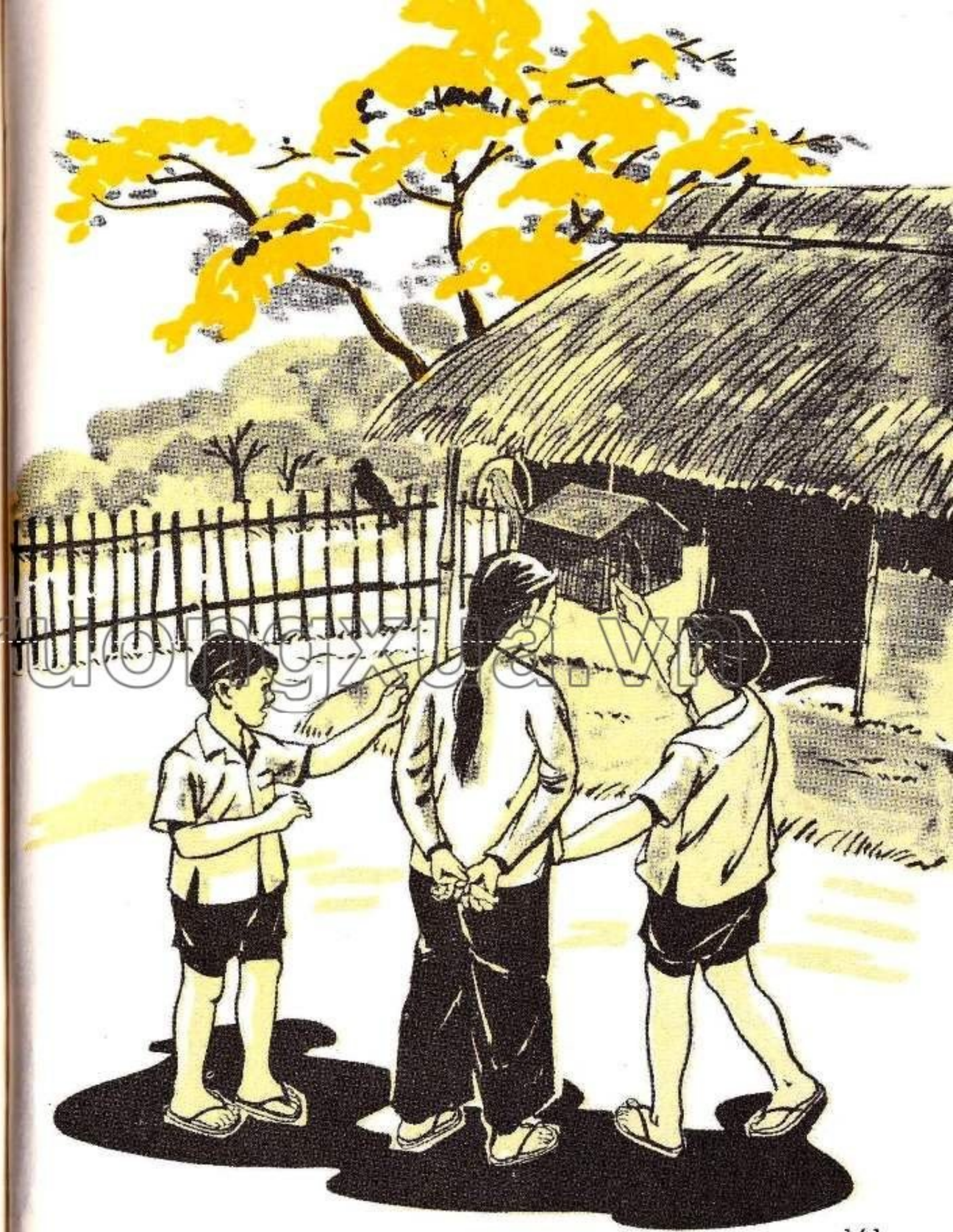

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC BÀI :

Con cưỡng bông.

Xuân mở cửa lồng.
Cưỡng bay ra.
Nó đáp xuống giữa sân,
đứng huýt sáo.

Tí hỏi Xuân :
«Anh cho cưỡng ăn
thứ gì anh ?»

Xuân cười, trả lời :
«Cho nó ăn chuối chín hoặc
cào-cào.»

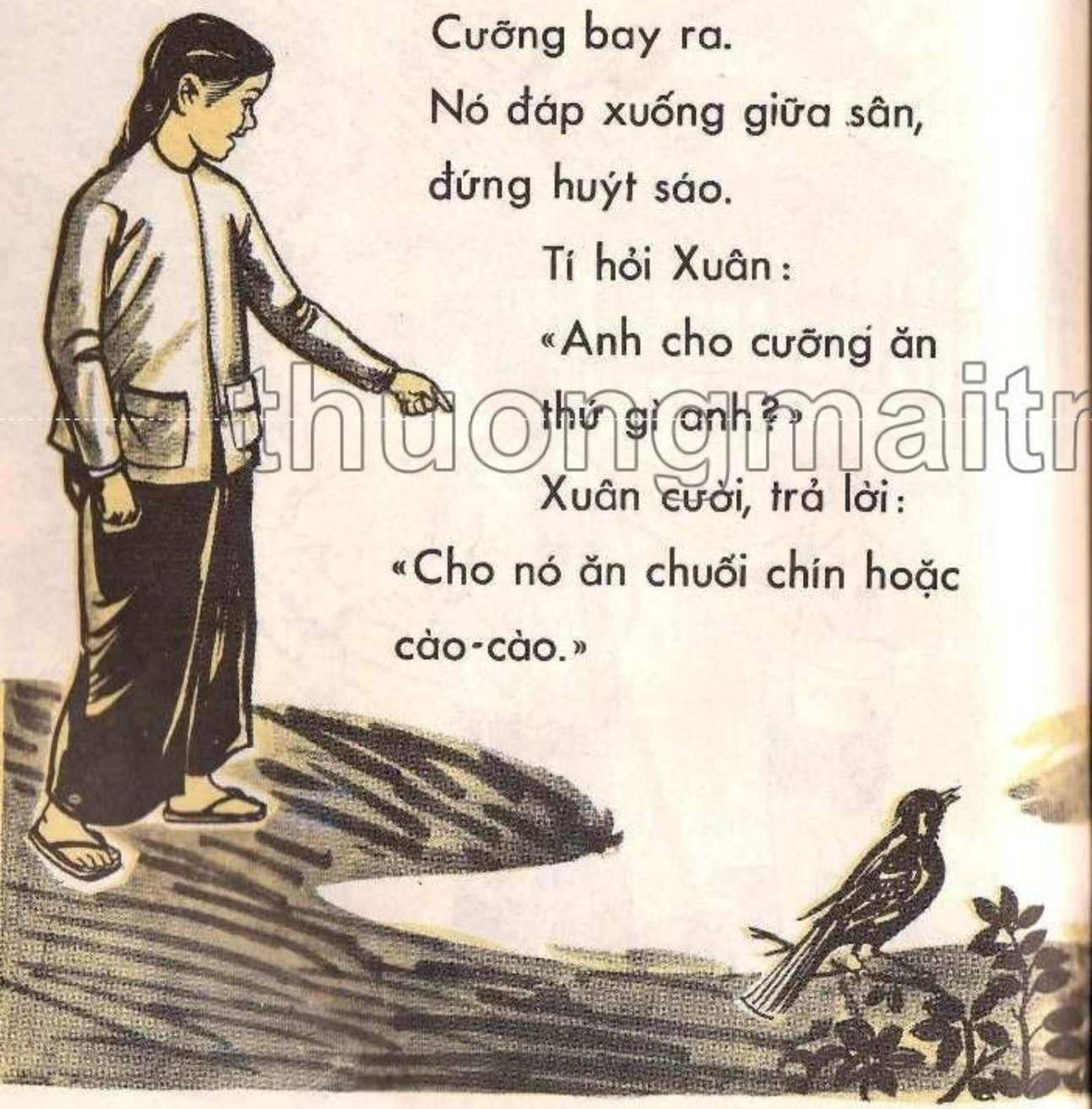

Đoạn Xuân mở hộp thiếc để cạnh lồng.
Anh bắt con cào-cào quăng ra sân.
Cưỡng nhảy lại mổ, quật chết
rồi nuốt.

EM VIẾT :

xuân mở cửa lồng,
cưỡng bay ra.

Chú ý : hu-ýt, ho-ặc, đo-ạn.

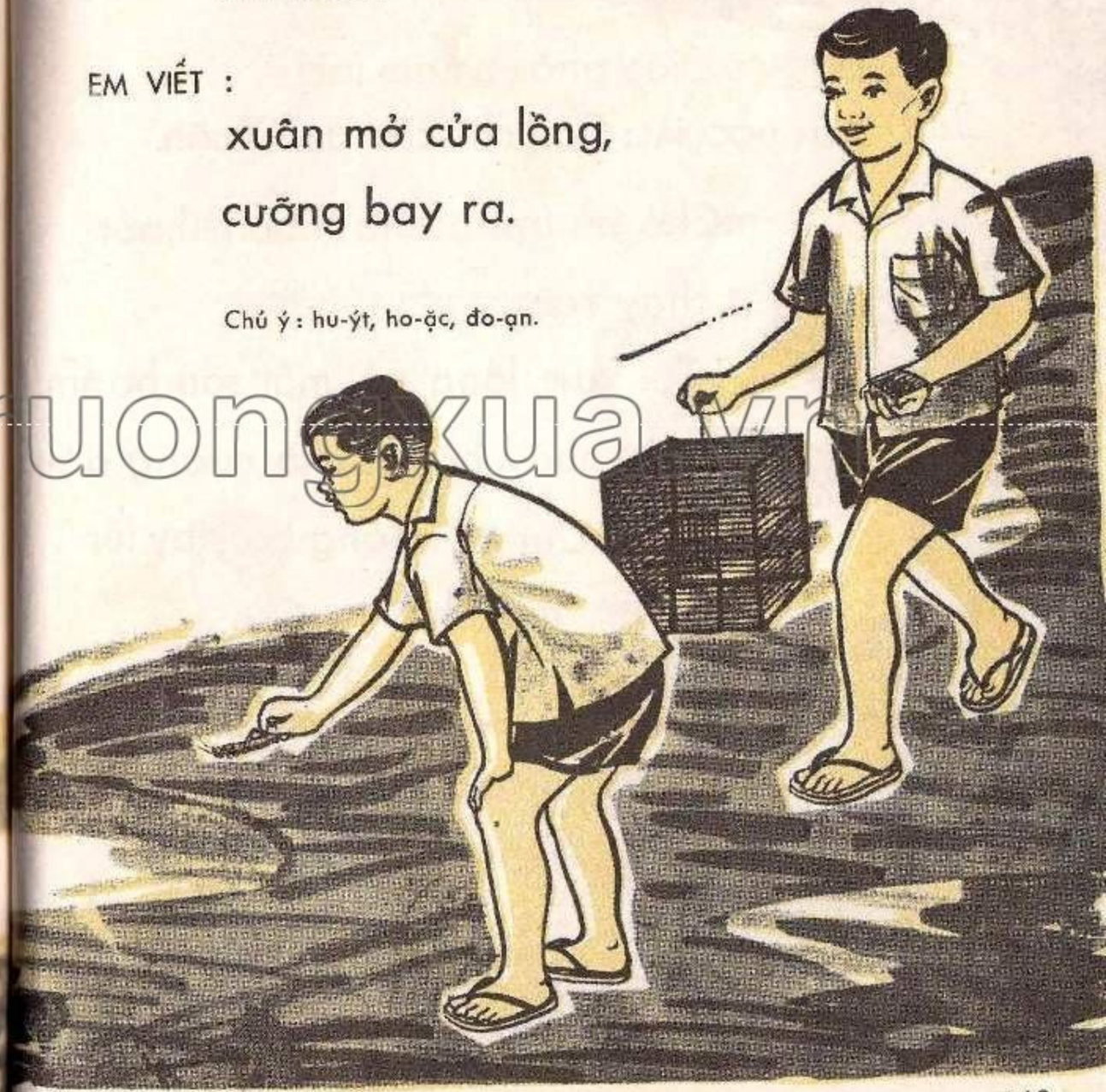

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC BÀI : Con chó của anh Xuân.

Chó xù trong nhà thoăn-thoắt chạy ra.

Tai xụ (1), lông xù, mắt sâu hoắm.

Nó nhảy bổ lại chỗ cưỡng đậu.

Cưỡng hoảng-hốt bay lên nóc nhà.

Xuân quát : «Xù ! Xù !»

Xù ngoan-ngoãn chạy trở lại.

Nó liếm chưn Xuân, đuôi ngoe-ngoảy.

Xuân vuốt đầu nó, nói với Chi, Tí:

«Hai em ra sông coi Xù vớt banh».

EM VIẾT : chó xù trong nhà thoăn-thoắt chạy ra.

Chú ý : hoắm.

(1) xệ.

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC BÀI :

Xù vớt banh.

Xuân vào nhà lấy banh.
Xù vụt chạy trước ra mé sông.
Xuân, Chi, Tí lẹ chân theo kịp Xù.
Xuân liệng banh ra giữa sông.
Xù nhảy ùm xuống nước.
Nước xoáy, chó trồi lên
hụp xuống.
Nó loay-hoay mãi mới đáp được banh.
Nó ngoạm trái banh cố lội vô bờ.

Nó đem banh giao tận tay Xuân.
Xuân thưởng nó miếng bánh.
Nó ăn ngoem-ngoém
hết cả.

EM VIẾT :

chó ngoạm trái banh,
cố lội vô bờ.

Chú ý : ngo-em, ngo-ém.

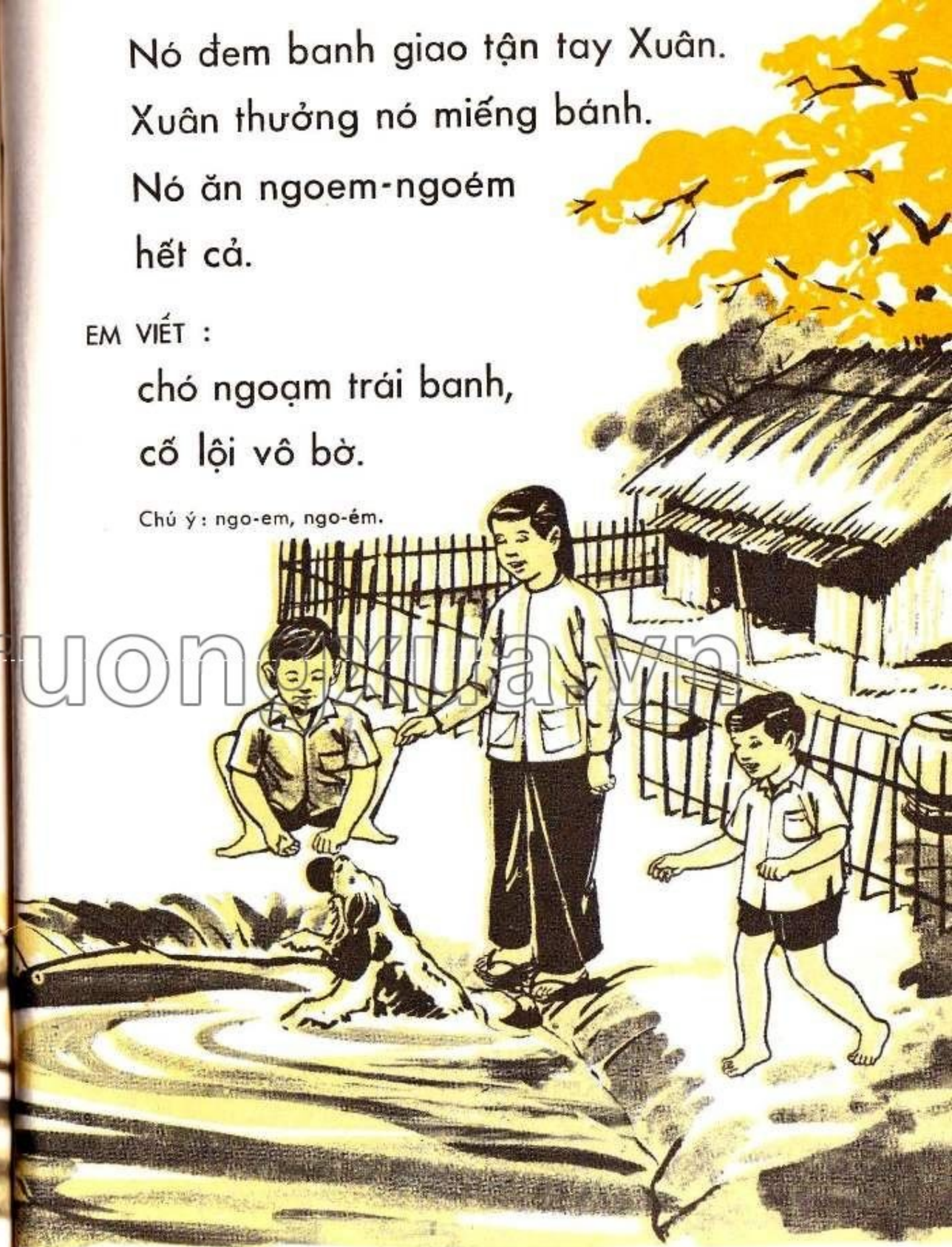

thuongmaitruongxua.vn

EM ĐỌC BÀI :

Cháu xin về với ba!

Hơn tám giờ tối, mưa mới tạnh.
Ễnh-ương kêu uềnh-oang khắp vườn.
Tiếng hát đưa em từ xa vọng lại:
«Chiều chiều, lại nhớ chiều chiều,
Bâng-khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau».
Tí lại ngồi bên cha, thỏ-thẻ:
«Con nhớ má và em Tơ quá, ba à!»
Bác hai Hoằng xen vô, trêu Tí:
«Khuya nay, ba cháu với Chi về Sài-gòn.
Cháu ở lại chơi vài bữa nghe!»
Tí thưa: «Cháu xin về với ba!»

EM VIẾT :

ễnh-ương kêu uềnh-oang khắp vườn.

Chú ý: u-ềnh, o-ang, khu-âng, khu-ya.

thuongmaitruongxua.vn

CON DẾ

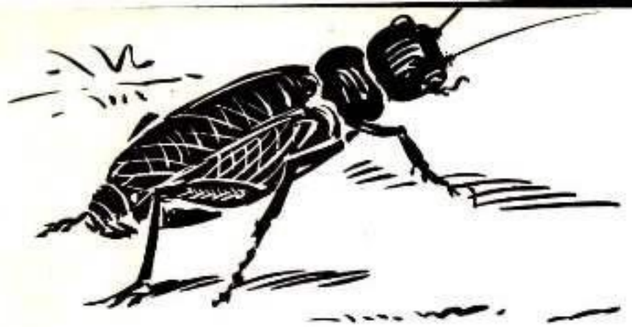

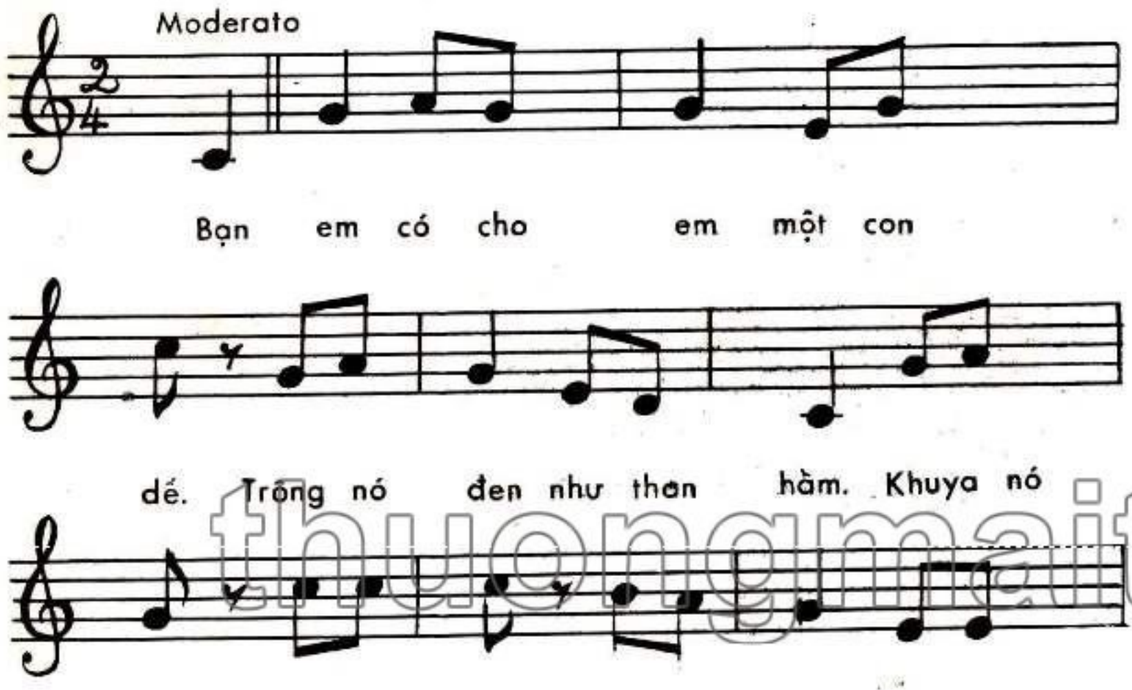

Bảng đối chiếu lối chữ «script» và lối chữ viết thường.

i	t	*i*	*t*
u	ư	*u*	*ư*
n	m	*n*	*m*
o	ô	*o*	*ô*
ơ	c	*ơ*	*c*
e	ê	*e*	*ê*

thuongmaitruongxua.vn

a d đ	*a d đ*
l h k	*l h k*
b y g	*b y g*
v r s	*v r s*
x qu ph	*x qu ph*

thuongmaitruongxua.vn

Nhân-dân Hoa-Kỳ
với sự hợp tác của
Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục
Việt-Nam Cộng-Hòa
thân tặng
các Trường Tiểu-học Việt-Nam

huongmaitruongxua

RSC69C500000